

# dân

Số 56 / 1.10.1996

ISSN 1164-2378

## FORUM



# Những mảnh đời lưu vong CONTES D'EXIL

du 2 au 27 octobre 1996  
au CENTRE DU THEATRE DE L'OPPRIME

78-80, Rue du Charolais, 75012 PARIS

[du mardi au samedi à 20h30, le dimanche à 17h]

Un projet d'Henriette Nhung Pertus

Ecriture : Michel Azama

Mise en scène : Philippe Crubézy

Distribution : Marjorie Currenti, Damien Dodane,

Isabelle Mirova, Henriette Nhung Pertus

Coproduction : COMPAGNIE TRAFIC D'ARTS / LA

MINOTERIE - THEATRE DE LA JOLIETTE

avec le soutien du Ministère de la Culture, du Conseil Régional PACA, du Conseil Général des Bouches du Rhône, de la Ville d'Aix-en-Provence et de l'ADAMI

"Depuis quarante ans, je vis dans cette absence de pays".

*Contes d'Exil, ce sont trois femmes ou bien une seule en ses trois générations, de la jeunesse à la vieillesse. Trois femmes accompagnées d'un fantôme qui hante l'histoire de leur vie. Trois femmes, trois générations et trois pays : le Vietnam, la France et l'entre-deux, le lieu de théâtre par excellence... (Philippe CRUBEZY)*

## Centre Culturel Franco-Vietnamien

24, rue des Ecoles, 75005 PARIS, + 43 29 60 89

(ouvert tous les jours, sauf dimanche et lundi)

programme d'octobre 1996

EXPOSITION DE PEINTURE

**HUYNH PHU HA**

du 4 au 31 octobre

vernissage : Vendredi 4 octobre à 18 h 30

EXPOSITION DE PHOTO

**Bruno SANANES**

*Vietnam : les derniers jours de la bicyclette*

du 4 au 31 octobre

vernissage : Vendredi 4 octobre à 18 h 30

RENCONTRE POETIQUE

**Claude MICOSKI reçoit Krzysztof JEZEWSKI**

Vendredi 4 octobre à 20 h

THE DANSANT

Dimanche 27 octobre à 15 h.

## CÙNG BẠN ĐỌC

Diễn đàn số 1 ra mắt bạn đọc ngày 1 tháng 10 năm 1991.  
Với số báo 56 này, tờ báo bước sang năm thứ 6.

5 năm, 55 số ấy bao nhiêu tình.

Đối với những bạn đọc đã ghi mua từ số đầu, và đối với toàn bộ ban biên tập, thì mối tình ấy còn bắt đầu từ trước nữa. Vì ban biên tập Diễn đàn trước năm 1991, là ban biên tập báo Đoàn Kết. Và tờ báo ấy đã dứt khoát dấn bước trên con đường dân chủ hoá từ mùa thu năm 1986, cách đây đúng 10 năm.

Năm năm, hay mười năm, là một chặng đường khá dài, nếu đo bằng những cố gắng kiên trì, thăm lặng, của mười mấy người mà báo chí vốn không phải là nghề, chỉ là nghiệp, hay đo bằng sự chung thủy của bạn đọc biểu thị qua những phiếu gia hạn mua báo, kèm theo những dòng thư khuyến khích, phê bình, đôi khi là những lời nhắn miếng của bạn đọc trong nước, truyền tay nhau những bản sao của bản chụp... Thời gian qua cũng chứng kiến sự định hình của cảnh quan quốc tế sau chiến tranh lạnh, và những thay đổi khá quan trọng ít nhất về kinh tế, xã hội, tinh thần... ở Việt Nam tuy chưa có bước tiến nào đáng kể trong quá trình dân chủ hóa các định chế chính trị. Song với cuộc đổi mới, một xã hội công dân đang hình thành, biểu lộ một sinh khí sống động, và mò mẫm khai phá những không gian nhỏ để từng bước xây dựng nền móng cho nền dân chủ tương lai.

Trong tình hình cụ thể ấy, câu hỏi đặt ra cho tờ báo là : nội dung và chất lượng của nó trong 5 năm qua tương xứng với đâu so với cao vọng mà nó tự đặt ra ngay từ đầu, là một tờ báo thông tin trung thực và một diễn đàn độc lập đóng góp vào công cuộc dân chủ hóa và phát triển đất nước ? Mục tiêu cố nhiên vẫn là mục tiêu ấy, cần thiết và thời sự hơn bao giờ, song phương hướng cụ thể của nó cần được cập nhật hoá ra sao ? phương thức của nó có cần được thay đổi thế nào cho thích ứng ?

Đó là những câu hỏi không thật sự mới, nhưng ở thời điểm này, nó cần được trả lời dứt điểm.

Tất nhiên, câu trả lời không đơn giản : nó tuỳ thuộc

## N.Q.T. OPTIQUE

Melle NGUYEN QUANG

opticien diplômé

SPECIALISTE VARILUX

Remise 20% : verres Essilor, lentilles jetables, montures & solaires de grandes marques, loupes jumelles thermomètres Montures en promotion jusqu'à 50% et autres remises non cumulables.

Heures d'ouverture : matin 9 h 30 à 13 h 30

après-midi 14 h 30 à 19 h 00

(fermé samedi après-midi & lundi matin)

137 Boulevard de Grenelle, 75015 PARIS, Tél : 45 66 93 27  
Métro : Cambronne ou La Motte Picquet Grenelle ; Bus : 49, 80.

## chương trình mùa thu 96 của đoàn EA SOLA ở châu Âu

Sau khi ra mắt công chúng Việt Nam lần đầu tiên (xem trang 22), vở múa **Hạn hán và cơn mưa** trở lại châu Âu (5 nước) theo lịch trình dưới đây :

- 15 & 16.10 Forum Meyrin, Genève (Thụy Sĩ)  
18 & 19.10 Maison de la Danse, Lyon (Pháp)  
22.10 Limoges (Pháp)  
26 & 27.10 Teatri di Vita, Bologna (Italy)  
30.10 Aalst (Bỉ)  
31.10 Arnhem (Hà Lan)  
1.11 Strombeek-Bever (Bỉ)  
4.11 Utrecht (Hà Lan)  
7.11 Den Bosch (Hà Lan)  
9.11 Den Haag (Hà Lan)  
13.11 Kortrijk (Bỉ)  
14.11 Tilburg (Hà Lan)  
16.11 Groningen (Hà Lan)  
19.11 Amersfoort (Hà Lan)  
20.11 Eindhoven (Hà Lan)  
23.11 Le Mans (Pháp)

LƯU Ý BẠN ĐỌC : Nhà hát *Théâtre de la Ville* (Paris) có ghi Đoàn Ea Sola vào chương trình mùa xuân 97, nhưng đây sẽ là một vở múa mới. Bạn đọc vùng Paris và phía bắc nước Pháp muốn xem **Hạn hán và cơn mưa** chỉ còn một dịp chót là đi coi ở Le Mans ngày 23.11.

vào ý muốn của bạn đọc, vào sự chờ đợi của bạn đọc ở nơi tờ báo, vào khả năng của ban biên tập và các cộng tác viên xa gần.

Vì vậy, từ đây tới cuối năm 1996, *Diễn đàn* rất mong được nghe ý kiến của bạn đọc. Chúng tôi tin rằng những ý kiến ấy sẽ soi sáng cho cuộc thảo luận trong ban biên tập, trước khi đi tới những quyết định cụ thể về phương hướng và phương thức tờ báo.

Ba tháng tới cũng trùng hợp với thời gian đa số bạn đọc tới ngày gia hạn báo. Sự chung thuỷ của độc giả là điều kiện bảo đảm sự sống còn của tờ báo. Những dòng ý kiến gửi kèm theo phiếu mua báo sẽ là những hướng dẫn, gợi ý thúc đẩy ban biên tập cố gắng đáp ứng sự tin cậy của độc giả. Xin thành thực cảm ơn các bạn.

*Diễn đàn*

## DIỄN ĐÀN FORUM

*Chủ nhiệm:* Hà Dương Tường

*Tổng biên tập:* Trần Hải Hạc

*Ban chủ biên:* Trần Hải Hạc, Lê Văn Cường, Nguyễn Ngọc Giao, Bùi Mộng Hùng, Hà Dương Tường,

*Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý:*

Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lê, Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa, Văn Ngọc, Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm, Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thuỷ, Đặng Tiến, Nam Trần, Hoài Văn, Kiến Văn, Hải Văn, Hoà Văn

## Giá biểu quảng cáo và rao vặt

Rao vặt : từ 1 đến 3 dòng : 50 F, từ dòng thứ 4 trở đi, mỗi dòng thêm 10 F (mỗi dòng chiều ngang 5,9 cm, khoảng 15 ký hiệu).

Quảng cáo :

1/8 trang : 180 F  
1/4 trang : 300 F  
1/2 trang : 550 F  
1 trang : 1000 F

(giá này chưa tính thuế TVA 20,6 %)

Đăng liên tiếp nhiều số báo

lần thứ hai : bớt 10 %

từ lần thứ ba trở đi : bớt 20 %

Chứng từ đăng tải : sau khi báo ra, tòa soạn sẽ gửi hoá đơn và bản sao chụp trang có đăng quảng cáo hay rao vặt. Nếu muốn nhận nguyên số báo, xin thêm 25 F (tiền số báo + cước phí bưu điện).

## Phiếu mua báo Diễn Đàn

Họ và tên .....

Địa chỉ .....

.....Điện thoại : .....

mua một năm báo Diễn Đàn kể từ số.....

Kèm theo đây là ngân phiếu .....

đề tên DIEN DAN gồm :

.....FF là tiền mua báo ( Pháp nội địa : 250 FF, châu Âu ngoài Pháp : 280 FF ; các tỉnh và lãnh thổ DOM-TOM của Pháp, và các nước ngoài châu Âu : 330 FF)

.....FF là tiền ứng hộ.

Xin gửi phiếu này và séc (hoặc money order) về địa chỉ : DIEN DAN, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (FRANCE).

Bạn đọc ở Bắc Mỹ (Hoa Kỳ & Canada) xin ký séc 60 USD đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về tòa soạn (xem trên).

Bạn đọc ở Ba Lan, giá đặc biệt : 300 000 zloti / năm, séc đề tên Anna Le Duc, tài khoản XO/PBP Warszawa, 1603-179360-170-4 Warszawa (for Forum), hoặc chuyển tiền qua bưu điện đến địa chỉ : Anna Le Duc, 03-914 WARSZAWA, ul. Saska 44/19.

Bạn đọc ở Thụy Sĩ có thể thanh toán (70 FS/năm) vào trương mục Journal DIENDAN, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1 : xin viết thư về tòa soạn để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (bull. de versement virement).

Bạn đọc ở Đức có thể gửi séc 80 DM cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung)

DIEN DAN - FORUM (Bank : SPARKASSE AMBERG-SULZBACH, Konto : N° 380 48 94 76 : BLZ 752 500 00)

Tôi có những người bạn chưa biết báo Diễn Đàn. Đề nghị báo gửi tặng một số giới thiệu :

Tên họ .....

Địa chỉ .....

# Tin tức Tin tức

## Cảnh quan hồ Gươm đang bị phá vỡ

Sau khi công bố " Quy hoạch chi tiết khu vực hồ Gươm " đầu tháng 8 vừa qua, chính phủ đã giao trách nhiệm cho uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội kiểm tra, làm rõ các sai phạm ở các công trình xây dựng chung quanh hồ Gươm và các giải pháp để bảo vệ cảnh quan khu vực này. Quyết định đầu tiên của uỷ ban liên quan đến công trình xây dựng khách sạn Hà Nội Vàng phải tạm dừng thi công để điều chỉnh thiết kế. Đây là một dự án đầu tư giữa uỷ ban nhân dân quận Hoàn Kiếm và một công ty Hồng Kông nhằm xây một khách sạn 10 tầng (một tầng hầm, một tầng mái và tám tầng giữa), cao 34 m trên một diện tích 2 937 m<sup>2</sup> ở bên bờ hồ (phố Lê Thái Tổ) mà bản thiết kế được phê duyệt năm 1992. Quyết định cuối tháng 8 của uỷ ban nhân dân Hà Nội yêu cầu công trình khách sạn điều chỉnh độ cao từ tám tầng xuống sáu tầng và không vượt 25,5 m. Tuy nhiên thông báo này không nói tới mật độ xây dựng và hệ số sử dụng đất, là hai thông số quan trọng để đánh giá mức độ ảnh hưởng của công trình đối với môi trường cảnh quan.

Quy hoạch khu vực hồ Gươm qui định các thông số xây dựng - kiến trúc như sau : chiều cao công trình tối đa là 24 m ; mật độ xây dựng (diện tích xây dựng / diện tích lô đất) là 80 %, có nghĩa là mặt bằng xây dựng khách sạn Hà Nội Vàng không thể vượt 2 341 m<sup>2</sup> ; hệ số sử dụng đất (tổng diện tích sàn xây dựng / diện tích lô đất) là 1,61, có nghĩa là dù điều chỉnh thiết kế theo sơ đồ nào thì qui mô công trình cũng chỉ giới hạn trong tổng diện tích sàn là 4 712 m<sup>2</sup>. Vấn đề là, hiện nay, công trình khách sạn Hà Nội Vàng đã xây một tầng hầm và hai tầng trên với diện tích sử dụng đã lên đến 7 800 m<sup>2</sup>. Vậy thì căn cứ vào những thông số nào mà uỷ ban nhân dân Hà Nội lại cho phép khách sạn Hà Nội Vàng xây sáu tầng với chiều cao 25,5 m ?

Không riêng dự án khách sạn Hà Nội Vàng có cấu trúc nặng nề mà một số công trình khác đã, đang và sắp xây dựng chung quanh hồ Gươm cũng có kiến trúc gây cảm giác bức bối với mọi người. Công trình mà người Hà Nội gọi là " hòn cá mập " là một ví dụ : tên chính thức của nó là Trung tâm giao dịch và thương mại (liên doanh giữa hai công ty Xe điện Hà Nội và Xuất nhập khẩu máy thuộc bộ thương nghiệp), một khu văn phòng năm tầng xây trên một diện tích 326 m<sup>2</sup> (phố Đinh Tiên Hoàng). Một số công trình khác đã bị đình lại trong quá trình duyệt thiết kế, như khách sạn Bờ Hồ Hoàn Kiếm (phố Lê Thái Tổ), nơi Thuỷ Tạ ra mặt hồ Gươm 6 m. Dư luận Hà Nội còn cho rằng một số công trình lâu năm cũng phải được xem lại, như trụ sở uỷ ban nhân dân thành phố, xây năm 1989 với kiến trúc nặng nề ; hay nhà bưu điện, xây năm 1968 quá gần đường. (Lao Động 15.8 ; Sài Gòn Giải phóng 6.9 ; Tuổi Trẻ chủ nhật 8.9.96).

## Hà Nội : thị trường nhà đất ngưng động

Sau nhiều năm sống trong cơn sốt nhà đất, Hà Nội hiện nay đang chứng kiến giá nhà đất rớt xuống khoảng 30 %. Ở các phố trung tâm thủ đô (như Bà Triệu, Hàng Gai, Hàng Bông, Hàng Bài), giá nhà đất , sau khi vọt lên đến 7 - 8 cây vàng/m<sup>2</sup>, nay hạ xuống còn 4 - 5 cây. Ông V.K.Đ., một trùm nhà đất ở khu vực Nghi Tàm, Quảng Bá với hệ thống khách sạn Dragon nổi tiếng, cho biết : " Năm nay, ai đầu tư vào đất coi như chết ".

Theo giới kinh doanh nhà đất ở Hà Nội, cơn sốt hạ vì nhiều lý. Một mặt, đầu tư vào nhà đất đã đến lúc bão hòa. Ngoài ra, các thủ tục mua bán nhà đất còn rất nhiêu khê phức tạp và nhà nước chậm cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu cho các hộ dân ở lâu đài.. Mặt khác, thuế chuyển quyền sử dụng đất quá cao (20 % giá trị chuyển nhượng), khiến cho 80 % đất được mua bán trao tay, song, người dân đã bắt đầu sợ vì không được công nhận là đất hợp pháp. Thị trường nhà đất " đóng băng ", không chỉ tai hại đối với những người đầu cơ mà cả đối với nhà nước bị thất thu về thuế. (Lao Động 4.8.96)

## Thành phố HCM : 27 % dân sống trên kênh rạch

Tại Thành phố Hồ Chí Minh, theo khảo sát của cục thống kê năm 1993, có 24 000 căn nhà trên các kênh rạch. Tháng 6 1996 vừa qua, sở nhà đất thành phố thông kê 25 000 căn hộ trên kênh rạch, trong khi từ năm 1993 đến nay nhà nước đã giải tỏa xong 1 449 căn trên kênh Nhiêu Lộc. Tổng số nhà trên kênh rạch, thay vì giảm 1449 căn, đã phát sinh thừa 1 000 căn. Điều này có nghĩa nhiều hộ bị giải tỏa ở kênh Nhiêu Lộc đã vào các kênh mương khác dựng nhà ở.

Theo số liệu chính thức, tổng số nhân khẩu Thành phố Hồ Chí Minh sống trên các kênh là 976 700, chưa kể số người tạm trú. So với dân số nội thành gần 3,4 triệu người, thì 98 km kênh rạch nội thành phải chứa đến 27 % dân số !

Trong kế hoạch cải tạo các kênh rạch thành phố, chính quyền đã khởi đầu bằng chương trình giải tỏa kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè. Tổng kinh phí, theo ước tính của sở nhà đất, lên đến 1 747 tỉ đồng, gồm 1 000 tỉ đồng tiền đền bù 13 000 căn hộ và 735 tỉ đồng tiền xây 8 900 căn nhà tái bố trí. Điều này có nghĩa là theo tính toán của chính quyền, có 4 100 hộ sẽ nhận tiền đền bù để tự lo chỗ ở khác. Song, đứng trên phương diện quy hoạch dân cư, 4 100 hộ tự tìm chỗ ở này không phải là một " gánh nhẹ " cho chính quyền, mà là mối nguy cơ tái phát sinh nhà trên kênh rạch.

Cụ thể hơn nữa, trong khi nhà nước đã giải tỏa 1 449 căn hộ ở kênh Nhiêu Lộc, chỉ có 844 hộ đăng ký vào ở các chung cư tái bồi trí, 605 hộ còn lại di chuyển đi đâu không ai biết. Và hiện thời, trong các chung cư vừa xây xong, có đến 1 624 căn nhà còn bị người dân Nhiêu Lộc bỏ trống. Nguyên nhân chủ yếu làm thất bại chính sách tái bố trí nhà phải tìm trong giá bán nhà và phương thức thanh toán cũng như chất lượng xây dựng.

Sau việc giải tỏa kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè, mà chương trình phải hoàn thành trong năm 1996, chính quyền dự kiến

tiến hành từ đây đến năm 2000 việc di chuyển 3 000 hộ trên kênh Tân Hóa - Lò Gốm, 5 000 hộ trên kênh Tẻ - kênh Đôi, 4 1000 hộ trên kênh Tàu Hủ - Bến Nghé. Từ kinh nghiệm của kênh Nhiêu Lộc, nhà báo Mai Bá Kiếm cho rằng : nhà trên kênh rạch sẽ còn là vấn nạn cho Thành phố Hồ Chí Minh đến sau năm 2 000. (Phụ Nữ TPHCM 10.8.96)

## Năm học mới : hơn 20 triệu học sinh nhập trường

Đầu tháng 9 vừa qua, những số liệu chính thức cho biết bộ giáo dục - đào tạo đã tổ chức cho 20, 652 triệu học sinh, sinh viên nhập trường (tăng gần 2 triệu so với năm học trước), gồm : 565 ngàn ở nhà trẻ, 2,128 triệu ở mẫu giáo, 10, 754 triệu ở tiểu học, 6,049 triệu ở trung học, 508 ngàn ở đại học, 148 ngàn dạy nghề dài hạn, 300 ngàn xóa mù chữ, 200 ngàn bổ túc sau xóa mù chữ.

Năm học mới, song vẫn điệp khúc cũ : thiếu thầy cô, thiếu trường lớp, lạm phát học phí, lạm phát các khoản đóng góp ... Theo bộ giáo dục, cả nước đang thiếu 120 000 giáo viên (đã bắt đầu xuất hiện tình trạng phổ biến thiếu hụt giáo viên trung học) và 15 000 phòng học.

Riêng Thành phố Hồ Chí Minh, thiếu 5 000 giáo viên (năm học trước đã thiếu 4 000) và 100 phòng học. Đáng nói nhất là cuộc chay đua vào lớp 10 đã để lại hơn 10 000 học sinh không có chỗ học. Chính quyền đã phải đưa ra những "giải pháp tình thế" : nâng hệ số sử dụng phòng học từ 1,6 lên 1,8 (tức 10 phòng học được dùng cho 18 lớp) và tăng sĩ số từ 45 lên 55 học sinh ở mỗi lớp ; tổ chức lại những lớp học đêm (sau khi quyết định xóa lớp học "ca ba") ; mở thêm các lớp hệ B (sau khi có quyết định hạn chế hệ này, thực chất là hệ bán công "chui") ; chuyển học sinh sang bổ túc trung học (chỉ dạy giới hạn 5 môn học) và trung học nghề (đều không có trang bị) ... Bí thư thành ủy Trương Tấn Sang còn đề nghị "những học sinh bị điểm liệt (tức là dưới chuẩn trúng tuyển vào hệ A và B) không nên vào lớp 10 mà phải học lại lớp 9, bởi vì thành phố cần một đội ngũ có trình độ thực sự".

Trong khi Thành phố Hồ Chí Minh thiếu trường lớp, người ta lại được biết không ít trường trung học sử dụng mặt bằng ngoài mục đích giáo dục. Chẳng hạn như trường Hùng Vương có cho 9 doanh nghiệp thuê 7 000 m<sup>2</sup> mặt bằng (50 triệu đồng / tháng) để sản xuất bia, nước đá, giấy, sắt ... ; mặt khác, trường còn dùng 15 phòng học cho một trường dân lập thuê dạy ban ngày (15 triệu đồng / tháng).

Ngoài ra, theo khảo sát của báo Người Lao Động, những chi phí đầu năm học (gồm học phí, các khoản khác đóng cho nhà trường, tiền học thêm, quần áo, sách tập, học cụ) mà một gia đình ở Thành phố Hồ Chí Minh phải chi cho mỗi con em học sinh, bình quân, vào khoảng 400 ngàn đồng ở cấp 1, 500 ngàn đồng ở cấp 2 và 750 ngàn đồng ở cấp 3. Đối với 55 % gia đình, tiền học đầu năm của chỉ một đứa con chiếm từ 50 % đến 80 % ngân sách trong tháng của gia đình. Riêng các khoản "tự nguyện đóng góp của phụ huynh" đã trở thành thước đo của sự phân hóa giàu nghèo trong xã hội : để có được một chỗ học trong lớp "tiện nghi", trường cấp 1 và 2 quy định khoản tiền tự nguyện ấy lên hơn 10 triệu đồng.

(Tuổi Trẻ 15,17,27.8 và 5.9 ; Người Lao Động 23,30 và 31.8 ; Thời báo Kinh tế Sài Gòn 29.8.96)

## Du học : học bổng, tự túc và tại chỗ

Thống kê của bộ giáo dục cho biết Việt Nam hàng năm gửi hơn 600 người đi du học bằng nguồn học bổng của nước ngoài. Úc là nước cấp nhiều học bổng nhất, từ 150 đến 200 học bổng mỗi năm, trị giá gần 10 triệu đô la. Hiện có hơn 800 sinh viên Việt Nam đang học tập, nghiên cứu ở Úc. Trước đây, Liên Xô và các nước Đông Âu tiếp nhận hàng năm đến 4 000 lưu học sinh và nghiên cứu sinh. Nay số học bổng của Nga là 60 (một thông báo mới đây cho biết sẽ tăng thêm 100), Ukraina 30, Ba Lan 10, Hungari 10.

Nhà nước Việt Nam có đề ra chủ trương hỗ trợ tài chính những sinh viên đi du học ở các nước có mức học bổng thấp (học bổng Nga chỉ có 12 đô la/tháng) và nhất là gửi người đi du học bằng học bổng nhà nước (ước tính dành khoảng 7 triệu đô la mỗi năm). Song, như vụ trưởng bộ giáo dục Trần Văn Nhungle giải thích : "Vấn đề là ngân sách hiện nay còn kẹt".

Thống kê của bộ giáo dục còn cho biết, năm 1995, có 280 sinh viên Việt Nam đi du học tự túc, trong đó 70 tại Mỹ, 50 tại Úc, 40 tại Trung Quốc. Các nước khác (Pháp, Nhật, Đức, Ý, Anh, Canada) là 120 người.

Trong hướng phát triển du học "tại chỗ", chính phủ cũng vừa cho phép các đại học quốc gia Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh dành hai khu rộng khoảng 200 hecta để đón tiếp những trường đại học quốc tế. Hiện nay, một số cơ sở đào tạo quốc tế đã được thành lập tại Việt Nam : Trung tâm đào tạo quốc tế về khoa học vật liệu (do Hà Lan tài trợ), Trung tâm về đào tạo quản lý (do Thụy Điển tài trợ), Trung tâm Pháp - Việt về đào tạo quản lý, Trung tâm AIT, Chi nhánh Fulbright (Mỹ). Sắp tới, Thành phố Hồ Chí Minh sẽ khai trương trung tâm đào tạo quốc tế SAMEO của Tổ chức bộ trưởng giáo dục các nước Đông Nam Á. (Tuổi Trẻ 24.8.96)

## Trẻ hóa cấp vụ trưởng

Cuối tháng 8 vừa qua, ban tổ chức cán bộ chính phủ đã ban hành "tiêu chuẩn vụ trưởng, phó vụ trưởng và các chức vụ tương đương" ở các cơ quan nhà nước, theo đó tuổi đời vụ trưởng khi được bổ nhiệm không được quá 50 tuổi (nam), 45 tuổi (nữ) ; phó vụ trưởng không vượt 45 (nam) và 40 tuổi (nữ).

Theo số liệu của ban tổ chức cán bộ chính phủ, tuổi bình quân hiện nay của bộ trưởng là 56,7 ; thứ trưởng là 57,2 ; tổng và phó tổng cục trưởng là 56,8 ; vụ và phó vụ trưởng là 52,1. Hai ngành đi đầu trong công tác trẻ hóa công chức lãnh đạo là bộ ngoại giao và bộ tài chính với Ngân hàng nhà nước. Trong số 119 công chức lãnh đạo cấp vụ và cấp đại sứ của bộ ngoại giao có hơn 40 % dưới 50 tuổi và 17 % dưới 45 tuổi. Trong số 120 công chức lãnh đạo cấp vụ và cấp tổng cục của bộ tài chính và Ngân hàng nhà nước, có hơn 43 % dưới 50 tuổi và 22,5 % dưới 45 tuổi.

Qui chế vụ trưởng không còn ghi tính cách đảng viên như là một tiêu chuẩn để chọn lựa, bổ nhiệm công chức lãnh đạo, song, theo bộ trưởng Phạm Ngọc Tương, trưởng ban tổ chức

cán bộ chính phủ, “trên thực tế, đã là đảng cầm quyền, nên việc Đảng cộng sản Việt Nam giao cho các đảng viên của mình đảm nhiệm các chức vụ quan trọng là lẽ đương nhiên”(!)

Ban tổ chức cán bộ chính phủ cũng vừa trình thủ tướng phê duyệt một đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý và công chức nhà nước. Theo đề án này, từ nay đến năm 2000, cán bộ quản lý và công chức nhà nước phải được đào tạo, bồi dưỡng (mỗi năm 20 - 25 %) để có đủ các tiêu chuẩn của từng ngạch, gồm những kiến thức cơ bản về hành chính nhà nước, ngoại ngữ, tin học, kinh tế thị trường và về vai trò quản lý của nhà nước.

Theo một đánh giá mới đây của các bộ, ngành và địa phương, số cán bộ quản lý và công chức nhà nước có đủ năng lực, trình độ để đảm nhận công việc chiếm khoảng 40 % ; 20 % ở mức độ trung bình và 20 % cần phải thay thế. Hiện nay, chỉ có 40 - 45 % công chức nhà nước đạt tiêu chuẩn theo các ngạch bậc đang giữ. Tỉ lệ này vào khoảng 60 - 70 % ở cấp bộ, ngành trung ương, và chỉ 20 % ở cấp tỉnh. (Tuổi Trẻ 29.8 và 7.9.96)

## **Không được lỗ hai năm liên tiếp, và không được đình công !**

Đầu tháng 9 vừa qua, bộ thương mại đã giới thiệu dự thảo “qui định tạm thời trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn áp dụng trong các doanh nghiệp do bộ thương mại là đại diện sở hữu”. Theo đó, giám đốc và kế toán trưởng có trách nhiệm bảo toàn vốn của nhà nước : trong điều kiện bình thường, tỉ lệ lãi không được thấp hơn lãi suất vay ngân hàng ; nếu bị lỗ thì không thể để lỗ hai năm liền tiếp ; khi doanh nghiệp thua lỗ quá giới hạn cho phép (đã loại trừ những yếu tố bất khả kháng), giám đốc doanh nghiệp sẽ mất chức.

Báo cáo hoạt động trong 5 năm 1991 - 1995 của các doanh nghiệp thuộc bộ thương mại cho thấy có những doanh nghiệp thua lỗ kéo dài hoặc vi phạm các chế độ quản lý kinh tế, gây thất thoát hàng chục tỷ đồng.

Cuối tháng 8 vừa qua, chính phủ cũng đã ban hành nghị định về danh mục các doanh nghiệp trong đó người lao động làm thuê không được quyền đình công.

Đó là : các doanh nghiệp sản xuất, cung ứng, truyền tải điện thuộc tổng công ty điện lực ; các doanh nghiệp dịch vụ bưu chính viễn thông thuộc tổng công ty bưu chính viễn thông ; các doanh nghiệp vận chuyển hành khách, hàng hóa thuộc liên hiệp đường sắt ; các doanh nghiệp dịch vụ ngân hàng (in đậm tiền) thuộc ngành ngân hàng ; các doanh nghiệp giao thông công chính đô thị (cấp thoát nước, vệ sinh môi trường, chiếu sáng ; quản lý bến ; mai táng) thuộc các thành phố ; các doanh nghiệp vận tải và bảo đảm hàng hải thuộc tổng công ty hàng hải ; các doanh nghiệp vận tải hàng không thuộc tổng công ty hàng không ; các doanh nghiệp tìm kiếm, thăm dò, khai thác, vận chuyển, chế biến, dịch vụ dầu khí thuộc tổng công ty dầu khí ; các doanh nghiệp cung ứng, dịch vụ xăng dầu thuộc tổng công ty xăng dầu ; các doanh nghiệp an ninh quốc phòng thuộc bộ quốc phòng và bộ nội vụ. (Người Lao động 6.9.96, Tuổi Trẻ 7.9.96)

## **ONG : 120 triệu \$ viện trợ mỗi năm**

Tại hội nghị triển khai quy chế hoạt động của các tổ chức phi chính phủ (NGO) nước ngoài tại Việt Nam, bộ trưởng Lê Xuân Trinh, chủ tịch ủy ban công tác về NGO của chính phủ, cho biết các khoản viện trợ không hoàn lại của NGO có làm thụ tục xác nhận viện trợ ở bộ tài chính ước vào khoảng 600 triệu đô la từ năm 1991 đến nay, bình quân mỗi năm lên đến 120 triệu đô la. Ông Trinh cho rằng “NGO ngày càng trở nên chiếc cầu nối giữa hai thế giới : giàu và nghèo”.

Hiện nay ở trong cả nước có khoảng 450 tổ chức NGO hoạt động trong khi đó chỉ có 32 tổ chức được chính phủ cấp giấy phép. Theo những qui định mới, các tổ chức nước ngoài hoạt động tại Việt Nam phải đăng ký với chính phủ và sẽ được cấp giấy phép theo ba loại. Loại 1 dành cho các NGO mới vào Việt Nam muốn nghiên cứu dự án : giấy phép hoạt động sẽ được cấp từ 6 đến 12 tháng. Loại 2 : đối với các NGO muốn mở văn phòng để điều hành dự án, giấy phép có giá trị trong hai năm. Loại 3 : đối với các NGO muốn mở văn phòng đại diện tại Hà Nội, giấy phép có giá trị ba năm. (Tuổi Trẻ 13.8 ; Lao Động 17.8.96)

## **Tiểu thương chợ Đồng Xuân biểu tình, nhà báo bị đánh đập**

Sau hai năm xây dựng trở lại vì bị cháy (mùa hè năm 1994, làm cho ba người chết và thiệt hại khoảng 40 triệu đôla), chợ Đồng Xuân ở Hà Nội sẽ đi vào hoạt động cuối tháng 9 này. Chợ mới gồm 3 tầng với tổng diện tích 27 000 m<sup>2</sup>, tổng kinh phí đầu tư gần 80 tỉ đồng.

Song, một tháng trước ngày khai trương, những vấn đề chia chỗ trong chợ mới hình như chưa được giải quyết ổn thỏa. Ngày thứ sáu 6.9, khoảng 50 tiểu thương đã đến trước nhà tổng bí thư Đỗ Mười đặt yêu cầu ông can thiệp với Ủy ban nhân dân thành phố. Sau đó, họ kéo tới trước trụ sở ủy ban biểu tình đòi được thoả mãn yêu sách.

Chuyện bình thường chỉ trở thành đáng nói khi một nhà báo nước ngoài, ông Dylan Martinez, nhiếp ảnh viên của hãng Reuters, chỉ vì tội chụp ảnh những người biểu tình, đã bị mươi, mươi lăm công an xúm vào đánh đập và kéo vào bóp hỏi cung suốt một tiếng rưỡi đồng hồ. Trước sự phản đối của các nhà báo nước ngoài ở Hà Nội, ông Trần Quang Hoan, người phát ngôn của bộ ngoại giao, đã phải hứa sẽ “điều tra về sự việc” này, và tỏ ý “thông cảm” với những mối quan ngại của các nhà báo nước ngoài. Tuy nhiên, ông Hoan cũng yêu cầu các nhà báo “tôn trọng các bằng cẩm chụp ảnh” ! (AFP 10-12.9.1996)

## **Ông Đỗ Trung Hiếu ra tù lần thứ ba**

Sau một lần bị tù dưới chính quyền Sài Gòn cũ, và một lần năm 1990 vì Ở xử lý nội bộ Ă, ông Đỗ Trung Hiếu đã ra tù lần thứ ba sau khi mãn hạn 15 tháng vì tội Ở tuyên truyền chống chủ nghĩa xã hội Ă. Ông Hiếu, một cán bộ hoạt động thành những năm chống Mỹ, chuyên viên của chính phủ về các vấn đề Phật giáo, đã bị bắt vào tháng 6.1995 trong vụ cùng với ông Hoàng Minh Chính gửi những kiến nghị đòi dân chủ hoá. Ông Chính bị xử 12 tháng tù giam, còn ông Hiếu bị

15 tháng (xem Diễn Đàn số 54). Theo gia đình, những tháng gần đây ông bị giam ở tỉnh Đồng Nai, chia sẻ xà lim với khoảng 50 tù nhân khác. Mỗi tháng ông Hiếu được người nhà vào thăm một lần, mang thuốc trị bệnh tim cho ông. Lúc ra tù, ông khoẻ. (AFP 14.9.1996)

## TIN NGẮN

• Cuối tháng 8 vừa qua, 140 hộ kinh doanh vải ở chợ Hàng Da (Hà Nội) đã bãi thi để phản đối cơ quan thuế tăng thuế lợi tức 30 % so với mức cũ, và yêu cầu được điều chỉnh thuế một cách hợp lý với doanh thu thực sự của họ.

• Một vận động viên Mỹ gốc Việt đã đoạt huy chương vàng tại thế vận hội Atlanta 1996. Đó là Catherine Fox (sinh viên trường đại học Stanford, California, con của ông James Fox và bà Tô Kim Hoa, quê ở Cần Thơ) đã cùng Angel Martino, Amy Van Dyken và Jenny Thompson đã mang về chiếc huy chương vàng cho bơi lội Hoa Kỳ ở cự ly 4 x 100 m tiếp sức.

• Theo những con số chính thức, Việt Nam có hơn 4 000 người đã nhiễm vi khuẩn HIV của bệnh Sida, trong đó hơn một nửa là thanh niên từ 15 tới 24 tuổi. 184 người đã bị chết vì bệnh. Tuy nhiên, các chuyên viên quốc tế cho rằng những con số nói trên thấp hơn sự thật rất nhiều, vì Việt Nam không có những phương tiện chẩn bệnh đầy đủ.

• Tiếp theo những trận bão tháng 8, các cơn áp thấp nhiệt đới Sally, đổ bộ vào miền Trung giữa tháng 9, kéo theo mưa lớn và lụt lội, rồi Willie, cuối tháng 9, đã làm số người thiệt mạng vì thiên tai năm nay lên đến hơn 400, và thiệt hại về vật chất vượt qua 300 triệu đôla.

• Toà án phúc thẩm thành phố HCM đã y án xử tử hình một thanh niên 21 tuổi, tên Nguyễn Nhân Tài, về tội biển thủ 140 000 đôla Ồ tài sản xã hội chủ nghĩa Ă. Cho tới nay, người ta vẫn không thấy các nhân vật chớp bu của chế độ bị xử án nặng như vậy mặc dù nhiều người trong họ tham nhũng không biết bao nhiêu lần hơn thế !

• Khách sạn nổi Sài Gòn đã đóng cửa và sẽ được kéo đi tới một đảo trên Thái Bình Dương, một dấu hiệu về những khó khăn của du lịch thành phố HCM nói riêng, và du lịch Việt Nam nói chung. Công ty Du lịch Sài Gòn cho biết tỷ lệ phòng thuê ở các khách sạn thành phố từ 85 % năm 1995 xuống còn 55 % năm nay.

• Khu chế xuất Tân Thuận chỉ sau 3 năm hoạt động đã đã thu lại vốn đầu tư 90 triệu đôla bỏ ra hồi 1991, theo lời ông Huang Chih-Chiung, chủ tịch công ty quản trị khu, một liên doanh giữa công ty Đài Loan Central Trading and Development Corp. và uỷ ban nhân dân thành phố HCM. Gần một nửa các công ty nước ngoài đầu tư vào Tân Thuận là các công ty Đài Loan, sau đó là các công ty Nhật.

## Việt Nam và Internet

Một quán "Cyber Cà phê" mang tên Tâm Tâm đã được mở ra ở thành phố HCM từ tháng 5 vừa qua. Khách đến quán vừa có thể uống nước, nghe nhạc, vừa có thể xem những bộ đĩa CD-Rom, chơi các trò chơi video, hoặc sử dụng địa chỉ điện tử của quán ([tamtam.netnam2.org.vn](http://tamtam.netnam2.org.vn)) để liên hệ với thế giới bên ngoài thông qua hệ thống thông tin điện tử quốc tế (e-mail) với một giá rất phải chăng : một trang thư gửi đi giá 1 đôla, một trang nhận giá 0,2 đôla (so với giá Fax chẳng hạn). Cyber Cà phê do anh Huỳnh Minh, 26 tuổi, và một người bạn Mỹ tên Tom Rapp chung vốn làm ăn. Từ khi mở, quán có khoảng 100 khách mỗi ngày, phần lớn là Việt kiều và khách nước ngoài, khách trong nước chỉ khoảng dưới 20 %. Một quán cà phê khác, mang tên Âu Lạc, do hai thanh niên Việt kiều tại Mỹ sáng lập tại Hà Nội vào tháng 4, nhắm vào khách nước ngoài, cũng dự định sẽ mở dịch vụ thư điện tử.

Nếu Tâm Tâm là một sáng kiến hấp dẫn minh chứng một nhu cầu và khả năng sử dụng những phương tiện thông tin hiện đại ở Việt Nam, chính sách của nhà nước đối với các phương tiện thông tin này cho tới nay vẫn chưa ngã ngũ. Mạng lưới truyền tin điện tử, như Diễn Đàn đã từng đưa tin, đã được Viện Công nghệ Thông tin (IOIT) bắt đầu xây dựng từ cuối năm 1992, với sự hỗ trợ của Đại học quốc gia Úc (ANU), và đã được đưa vào sử dụng từ 1994 với tên VARENNet (Vietnam Academic Research and Educational Network), phục vụ các đại học và cơ quan nghiên cứu của nhà nước. Sau đó, với sự hỗ trợ của một tổ chức phi chính phủ Canada, IOIT mở thêm mạng NetNam nhằm phục vụ các doanh nghiệp và tổ chức nước ngoài tại Việt Nam. Hiện

nay, NetNam có khoảng hơn 800 khách, với hai đầu mối mang tên netnam ở Hà Nội và netnam2 ở thành phố HCM. Ngoài ra, một vài tổ chức khác cũng đã tiến hành xây dựng những mạng thông tin điện tử của mình, với số khách nối vào mạng chưa đáng kể lắm.. Tuy nhiên, ngoài dịch vụ thư điện tử, việc nối tất cả các mạng đó với Internet chưa được hoàn chỉnh do thiếu một đường sống với giải tần rộng dành riêng cho nghiệp vụ này. Vì thế, những dịch vụ như tìm đọc tin trên "mạng nhện" WWW (World Wide Web), đọc thư trên một địa chỉ từ xa (telnet)..., chưa được có. Một trong những lý do được tổng cục bưu chính viễn thông (VNPT) đưa ra để từ chối cho IOIT mở đường sống giải tần rộng nói trên là lý do an ninh. VNPT muốn dành cho mình độc quyền sê khai thác đường sống đó, vì cần kiểm soát những thông tin với nước ngoài thông qua Internet. Tháng 8 vừa qua, bỗng nhiên các dịch vụ thông tin của NetNam đã bị hóng mấy ngày liền, không phải do máy móc của IOIT. Phải chăng, là một lời "nhắn nhủ" của các cơ quan an ninh ?

Yêu cầu kiểm soát thông tin trên Internet cũng đã được các quan chức hữu quan của 7 nước ASEAN thảo luận trong một hội nghị chuyên đề họp tại Singapore đầu tháng 9 vừa qua. Cuộc họp không đạt kết quả như Singapore, Việt Nam mong muốn, là ASEAN có chung chính sách kiểm soát Internet, nhằm "bảo vệ các giá trị truyền thống và nền văn hoá" của các nước châu Á bị đe dọa vì những thông tin "kích động" truyền trên mạng lưới này. Philipin, Thái Lan là những nước bảo vệ một cách tiếp cận vấn đề cởi mở hơn. (tin tổng hợp nhiều nguồn)

Thảm họa trên biển ở Thanh Hoá

## Hàng mấy trăm người chết và mất tích, vì sao ?

LTS. *290 người chết, 186 người mất tích, 503 người bị thương* : theo bản báo cáo của ban chỉ đạo phòng chống lụt bão trung ương, đó là con số thiệt hại chính thức về nhân mạng do thiên tai lũ, bão gây ra ở các tỉnh phía Bắc trong trung tuần tháng 8 vừa qua. Riêng ở Thanh Hóa và đặc biệt tại huyện Hậu Lộc, có đến hàng trăm người dân chết và hàng trăm người khác mất tích ở trên biển ngày 13.8. Vì sao và vì sao lại nhiều như vậy ? Dư luận trong nước bàng hoàng, không thể không đặt nhiều câu hỏi : Dự báo không kịp thời, không chính xác chăng ? Thực sự có hay không có một chiến dịch tìm kiếm và cứu nạn trên biển ? Chúng tôi ghi lại dưới đây lời đáp của các cơ quan hữu trách trả lời báo Tuổi Trẻ. Những bài phỏng vấn, do các phóng viên Bùi Thanh, Lê Đức Dục và Lê Thọ Bình thực hiện, được đăng tải trên các số báo ngày 20, 27, 29 và 31.8.1996.

Mọi lời bình luận đều thừa. Câu hỏi còn lại là : 290 người chết, 186 người mất tích – cái giá phải trả quá đắt này liệu đã đủ để nhà nước xem xét trách nhiệm của những người có trách nhiệm và những cơ quan có trách nhiệm hay chưa ?

### Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn

Trong cuộc họp báo do bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn tổ chức ngày 17.8 tại Hà Nội, bộ trưởng Nguyễn Công Tạn, vừa từ Thanh Hóa trở ra, đã thông tin và giải trình như sau :

Theo tôi, không thể có con số cụ thể và chính xác về số người dân chết và mất tích. Tỉnh không biết, huyện không biết và xã cũng không biết. Vì dân đi biển đâu có báo cáo thì làm sao biết được.

Tại Hậu Lộc, tôi đã gặp ông Đỗ, một người dân còn sống sót trở về. Ông cho biết : bố cha con ông ra biển từ sớm, trước khi có dự báo. Khi nghe đài báo áp thấp nhiệt đới, thuyền ông vội dạt vào cửa sông, nhưng bị lật và vỡ tan. Bố cha con tìm cách dùi cứu nhau vào bờ, nhưng cuối cùng chỉ mình ông còn sống.

Tôi đã yêu cầu mở tất cả biên bản khí tượng thủy văn, và thấy rằng : người dân đã đi trước khi tổng cục khí tượng thủy văn loan báo áp thấp nhiệt đới.

Tôi không làm khí tượng thủy văn, nhưng có nhiều anh em nói : đã dự báo thì không bao giờ đúng được. Dự báo chỉ là ... dự báo mà thôi. Thứ hai, bên khí tượng thủy văn không có vệ tinh riêng, nên cũng rất khó dự báo.

### Trung tâm dự báo khí tượng thủy văn

Tại Trung tâm quốc gia dự báo khí tượng thủy văn, báo Tuổi Trẻ đã phỏng vấn phó giám đốc Nguyễn Ngọc Thực.

Hỏi : Thưa ông, bao giờ thì trung tâm dự báo khí tượng thủy văn phát bản tin đầu tiên về áp thấp nhiệt đới ?

Đáp : 9 giờ 30 phút sáng ngày 13.8, chúng tôi phát bản tin áp thấp nhiệt đới có gió mạnh cấp 6, cấp 7.

H : Như thế có nghĩa là người dân Hậu Lộc ra khơi trước khi được biết có áp thấp nhiệt đới ?

Đ : Chưa hình thành áp thấp nhiệt đới thì không thể báo đã có áp thấp nhiệt đới được.

H : Trung tâm dự báo khí tượng thủy văn vẫn khẳng định rằng trong suốt đêm 13 rạng 14.8 không hề có bão trên biển ?

Đ : Tôi khẳng định một lần nữa rằng đây là áp thấp nhiệt đới. Không có gió từ cấp 8 trở lên, không thể gọi là bão được.

H : Như vậy thì theo ông, đâu là nguyên nhân của việc hàng trăm chiếc tàu thuyền của Hậu Lộc bị nhận chìm đêm 13.8 ?

Đ : Hiện chưa có kết luận chính thức, cũng không có kiểm chứng cụ thể xem là vì sao. Nhưng theo tôi, đây có thể là do một cơn lốc biển. Nếu là lốc thì không thể dự báo được. Hiện nay trên thế giới, chưa có nước nào có khả năng dự báo được cơn lốc cả.

H : Những người thoát chết trong đêm 13.8 ấy kể lại với chúng tôi rằng cơn lốc ấy bắt đầu từ khoảng 19 giờ ngày 13.8 và kéo dài cho tới khoảng 7 giờ ngày 14.8. Vậy trong vòng 10 tiếng đồng hồ mà trung tâm dự báo khí tượng thủy văn không hề biết có một cơn lốc biển đang nhận chìm hàng trăm tàu thuyền với hàng vạn người hay sao ?

Đ : Không có một tín hiệu nào để nhận biết có cơn lốc ấy cả. Tất cả các trạm tín hiệu của chúng tôi ở bờ biển đều không nhận được tín hiệu.

H : Vậy thì trung tâm dự báo khí tượng thủy văn biết rằng có một cơn lốc biển đã nhận chìm một số lượng tàu thuyền lớn như vậy ở ngoài khơi Hậu Lộc vào lúc nào ?

Đ : Trong bản báo cáo của bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn chiều ngày 16.8. (nghĩa là 3 ngày sau khi có bão, chủ thích của Diễn đàn)

H : Nhưng trước đây, chính phủ Na Uy đã viện trợ cho Việt Nam bốn trạm phao trên biển để đo khí áp, chúng đâu rồi mà không phát hiện ra thảm họa đêm 13.8 ?

Đ : Không hiểu sao ba chiếc đã mất từ lâu (sic, Diễn đàn). Còn một chiếc thì lại ở sâu về phía Nam nên cũng không bắt được tín hiệu.

### Bộ thuỷ sản

Tại bộ thuỷ sản, cơ quan có trách nhiệm cấp cứu người bị nạn trên biển, các lãnh đạo đều đi vắng, Phóng viên Tuổi Trẻ được ông Nguyễn Trọng Bình, phó văn phòng bộ, tiếp.

H : Ông nghĩ thế nào khi để hàng mấy trăm con người bị nạn bơ vơ trên biển trong một thời gian quá dài ?

Đ : Chúng tôi không có đội tàu cứu hộ. Chủ yếu là lực

lượng tại chỗ cứu lấy nhau. Chúng tôi không có lực lượng. Bộ chúng tôi vừa kiến nghị chính phủ : trước hết là hoàn chỉnh hệ thống thông tin báo bão và áp thấp nhiệt đới cho ngư dân. Trước mắt là lập lại tất cả các trạm bắn pháo hiệu báo bão khẩn cấp. Thứ hai là cho phép lập ngay đội tàu cứu hộ và trang bị phao cứu sinh cho ngư dân ...

H : Kiến nghị, nghĩa là chưa có ?

Đ : Trước đây tỉnh nào có biển cũng có các trạm bắn pháo hiệu khẩn cấp, nhưng nay chỉ còn ba trạm. Còn tàu cứu hộ, thì anh biết đấy, chưa có chiếc nào.

## Cục hàng hải

Tại cục hàng hải, thuộc bộ giao thông vận tải, phó cục trưởng Chu Quang Thứ đã trả lời phỏng vấn của phóng viên Tuổi Trẻ.

H : Cục có thông báo nào nhằm huy động tàu bè do cục quản lý để cấp cứu người bị nạn không ?

Đ : Cái đó anh qua ban an toàn của cục để nắm.

H : Nhưng còn chỉ đạo của lãnh đạo cục ?

Đ : Phải có chứ.

H : Ông có thể cho biết cụ thể ?

Đ : Những tàu thuyền nào đi ngang đó đều phải thực hiện nhiệm vụ cấp cứu. Thật sự chẳng ai phải ra lệnh cả.

H : Cụ thể có bao nhiêu tàu tham gia cứu nạn và đã cứu được bao nhiêu người, ông có nắm được ?

Đ : Không.

H : Ông có cảm thấy sự thiệt hại nghiêm trọng ở đó không, sinh mạng của mấy trăm con người ... ?

Đ : Vấn đề là không có tàu cứu nạn. Lẽ ra trên biển phải có những tàu loại nhỏ, tốc độ nhanh để trực ở các cảng. Còn hiện nay, phương tiện tìm kiếm không có, cứu nạn cũng không. Nói giao cho các cảng vụ cũng chỉ là " anh trên đấy cho anh dưới " thôi.

H : Cục hàng hải không điều tàu đi cứu nạn à ?

Đ : Về nguyên tắc, khi điều phải xem lúc ấy trên tọa độ tàu nào đi gần thì có thể điều. Đã điều thì sẽ đi, nhưng sau đó thì sẽ đổi.

H : Đòi gì, thưa ông ?

Đ : Đòi nhiên liệu, đòi tiền. Nên cục hàng hải không dám điều, mà lại phải thỏa thuận với chủ tàu.

H : Có thể điều được tàu cứu hộ của công ty Visal chứ ?

Đ : Thị cũng được. Công ty Visal thuộc cục hàng hải có tàu cứu hộ Đại Lãnh đang neo đậu ở phía Nam. Nhưng đó là công ty sản xuất kinh doanh. Việc tìm kiếm là không kinh doanh ; nhưng cứu hộ, cứu nạn là kinh doanh. Cơ chế lồng nhằng như vậy. Bảo điều đi thì ... tiền đâu ? Đúng là về mặt nhân đạo thì phải đi cứu, nhưng kinh doanh lõi ai chịu ? ... Thôi, anh đừng ghi âm nữa ...

## Ban thanh tra an toàn hàng hải

Tại ban thanh tra an toàn hàng hải, Tuổi Trẻ phỏng vấn phó ban Trịnh Việt Hải.

H : Sau khi sự cố Thanh Hóa xảy ra, bộ giao thông vận tải và ban chỉ đạo phòng chống lụt bão trung ương có chỉ thị nào cho cục hàng hải về việc huy động cứu nạn không ?

Đ : Không, không có chỉ thị gì cả.

H : Thế còn cục, có chỉ thị gì không ?

Đ : Không.

H : Các cảng vụ ở các tỉnh cũng không báo cáo gì sao ?

Đ : Chúng tôi không nhận được báo cáo nào cả.

H : Thế các anh nhận được thông tin về sự cố này ở đâu ?

Đ : Qua báo, dài.

## Ban chỉ đạo phòng chống lụt bão

Sau nhiều lần hẹn, cuối cùng báo Tuổi Trẻ " gấp " được qua điện thoại bộ trưởng Nguyễn Cảnh Dinh, trưởng ban chỉ đạo phòng chống lụt bão trung ương.

Bộ trưởng Nguyễn Cảnh Dinh : Tôi tuy là trưởng ban chỉ đạo phòng chống lụt bão trung ương, nhưng chỉ có một mình, công việc chủ yếu của tôi là uỷ ban sông Mê Kông. Từng phần việc cụ thể đều có các thứ trưởng ở các bộ đảm nhiệm. Nếu các anh muốn chất vấn liên quan đến lúa, hoa màu, cây cối ... thì phải gặp thứ trưởng thường trực Vũ Trọng Hồng của bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn. Còn về cứu nạn, cứu hộ trên biển lại phải gặp thứ trưởng bộ thuỷ sản Tạ Quang Ngọc. Còn về cứu nạn ở biển Hậu Lộc ra sao, xin sang bộ tổng tham mưu ...

Người duy nhất nhận gấp và trả lời phỏng vấn của Tuổi Trẻ là ông Từ Mạo, chính văn phòng ban chỉ đạo phòng chống lụt bão trung ương.

H : Mãi tới 13 giờ 30 phút ngày 13.8, khi trung tâm quốc gia dự báo khí tượng thuỷ văn mới phát bản tin áp thấp nhiệt đới đầu tiên thì ban chỉ đạo phòng chống lụt bão trung ương mới nhắc các địa phương. Còn người dân đã ra khơi từ sáng sớm 13, thậm chí 12.8. Như vậy có quá chậm không ?

Đ : Đúng ra là trước hết, người dân phải có ý thức : không được đánh liều mạng sống. Ra khơi phải có thuyền lớn, đủ phao cấp cứu, phao hiệu cấp cứu để khi nghe tin có áp thấp nhiệt đới, thậm chí bão, cũng chạy kịp. Còn chính quyền địa phương phải kiểm tra chặt chẽ, nếu không đủ độ an toàn dùt khoát không cho ra biển. Nếu cơ quan hữu trách đã làm hết mọi biện pháp mà ngư dân vẫn không chịu nghe thì họ phải gánh chịu.

H : Thưa ông, chính phủ qui định : khi có áp thấp nhiệt đới hoặc bão thì các cơ quan hữu quan phải thông báo kịp thời cho dân biết, phải dùng thuyền hoặc máy bay ra biển dùng loa thông báo và buộc họ phải vào bờ. Sao không ai thực hiện qui chế này ?

Đ : Đúng ra, theo qui định thì bộ đội biên phòng, hải quân và bộ thuỷ sản phải phối hợp cùng chính quyền địa phương làm việc đó. Còn người dân cũng phải tự giác, khi nghe thông báo phải quay về đất liền.

H : Vậy thì thưa ông, khi xảy ra tai nạn trên biển, trên đất liền ở nước ta, cơ quan nào là cơ quan chủ đạo điều hành công tác cứu nạn ?

Đ : Có qui chế cả chú. Ngay trong ban chỉ đạo phòng chống lụt bão trung ương có nhiều thứ trưởng ở các bộ là thành viên. Mỗi thứ trưởng lo một mảng. Ví dụ thứ trưởng bộ thuỷ sản Tạ Quang Ngọc có nhiệm vụ “ *chỉ đạo phòng chống cho ngư dân, phương tiện đánh, bắt cá và bảo vệ sản xuất nuôi trồng thuỷ sản* ”. Có nghĩa là về tai nạn của ngư dân Hậu Lộc đêm 13.8 là trách nhiệm của bộ thuỷ sản phải lo.

H : Lo nghĩa là như thế nào, thưa ông ?

Đ : Trước hết là lo đề phòng, phải có kế hoạch phối hợp cùng chính quyền địa phương xây dựng thuyền đủ lớn và thiết bị an toàn để cho dân ra khơi. Ngoài ra, bộ thuỷ sản còn phải phối hợp chặt chẽ với lực lượng hải quân, biên phòng, bộ giao thông vận tải, làm việc cụ thể từng vấn đề để đến khi có nạn phải triển khai ngay.

H : Nhưng còn ban chỉ đạo phòng chống lụt bão thì làm gì trong những trường hợp có tai nạn trên biển ?

Đ : Ban chỉ đạo đã phân chia công việc cụ thể từng lĩnh vực một cho các thứ trưởng ở các bộ là thành viên rồi, vì vậy khi có tai nạn thuộc lĩnh vực nào, của bộ nào thì thứ trưởng của bộ ấy phải có trách nhiệm báo cáo với bộ trưởng bộ mình để triển khai kế hoạch cứu nạn, từ việc điều các phương tiện cơ giới đến cấp cứu ...

H : Vậy trong tai nạn đêm 13.8 ở biển Hậu Lộc, ban chỉ đạo phòng chống lụt bão trung ương có chỉ đạo, điều hành bộ chịu trách nhiệm là bộ thuỷ sản để bộ này có biện pháp cứu nạn kịp thời hay không ?

Đ : Thì có biết cụ thể thế nào đâu mà chỉ đạo. Họp và phân công cụ thể từng mảng rồi, và vì vậy các bộ phải tự giác thực thi trách nhiệm của mình chứ. Còn các địa phương cũng phải chủ động phối hợp với các ngành chức năng để giải quyết công tác cứu nạn.

H : Thưa ông, chúng tôi vẫn chưa thể hiểu được ban chỉ đạo phòng chống lụt bão trung ương đảm trách công việc gì ?

Đ : Ban chỉ đạo chỉ có một trưởng ban chuyên trách, còn các thành viên và bộ máy là người của các bộ, các ngành tham gia. Vì vậy ban chỉ đạo chỉ quản lý chất xám. Có nghĩa là họp các thành viên để phân công từng phần việc cho các bộ có thứ trưởng là thành viên để thứ trưởng đó thay mặt bộ mình giải quyết công việc.

H : Theo Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng trên biển mà chúng ta đã tham gia từ năm 1991 thì các nước tham gia phải lập uỷ ban đặc biệt về cứu nạn, đội tàu cứu hộ ... Tại sao đến nay chúng ta vẫn không làm ?

Đ : Công ước này ban chỉ đạo phòng chống lụt bão không ký, nên chúng tôi không biết. Nội dung công ước phải do bộ chủ quản lo. Công ước trên biển thì phải thuộc ngành thuỷ sản chứ.

H : Nhưng với chức năng là cơ quan tham mưu cho chính phủ về phòng chống lụt bão, tại sao ban chỉ đạo phòng chống lụt bão trung ương không có ý kiến chỉ đạo để bộ thuỷ sản, một thành viên của mình, soạn thảo đề án về thành lập uỷ ban cứu nạn và đội tàu cứu trợ trình chính phủ ?

Đ : Chỉ đạo làm sao được bộ thuỷ sản ! Trưởng ban của chúng tôi cũng chỉ có hàm bộ trưởng, như các bộ trưởng khác.

Thực lực thì còn kém các bộ khác vì không có bộ, không có quân, không có cơ sở vật chất.

H : Thưa ông, sau khi tổng kết rút kinh nghiệm công tác phòng chống lụt bão vừa qua, liệu ban chỉ đạo phòng chống lụt bão có kiến nghị với chính phủ về việc thành lập các cơ quan cứu nạn, tàu cứu hộ ... như công ước quốc tế yêu cầu không ?

Đ : Thật ra, trong qui chế phân công trách nhiệm của các bộ, các ngành cũng đã khá rõ và cụ thể rồi. Nếu các thứ trưởng của các bộ là thành viên phát huy hết trách nhiệm và thực thi đầy đủ nghĩa vụ của mình thì mọi vấn đề bảo vệ an toàn sinh mạng cho ngư dân sẽ không có gì đáng lo ngại cả.

### *Đọc báo trong nước*

#### **Khiếu nại đòi bồi thường tràn dầu, bị xử tù**

Sáng 4.9.1996, dưới quyền chủ tọa của phó chánh án Trần Tiến Nghĩa, tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch (Đồng Nai) đã mở phiên tòa lưu động xử ba bị cáo : Trần Văn Hà, Nguyễn Văn Thiệt và Trần Thị Hiệp (ngụ tại Phú Đông, Phú Hữu, huyện Nhơn Trạch).

Theo cáo trạng của viện kiểm sát huyện Nhơn Trạch : sau khi xảy ra tai nạn tràn dầu do tàu Neptune Aries đụng vào cầu cảng Saigon Petro gây ô nhiễm sông rạch và làm thiệt hại thuỷ sản, hoa màu của nhân dân, uỷ ban nhân dân huyện Nhơn Trạch đã nhận tiền bồi thường chi trả cho một số hộ dân, song các bị cáo vẫn kích động, lôi kéo hàng trăm hộ dân khác tiếp tục khiếu nại ở huyện, tỉnh và văn phòng tiếp dân của chính phủ nhiều lần để đòi bồi thường. Các bị cáo còn thuê người viết đơn, ký giúp chữ ký cho một số hộ và khai man phần thiệt hại ...

Trước tòa, các bị cáo đã phủ nhận hành vi gây rối trật tự công cộng, việc khiếu nại là tự nguyện của từng hộ, không ai tổ chức, cầm đầu, xúi giục. Sở dĩ hàng trăm người phải đến cơ quan chức năng là do họ chưa được giải thích, giải quyết cụ thể, rõ ràng. Riêng bị cáo Nguyễn Văn Thiệt khai nhận có đem cơm tiếp tế cho vợ trong thời gian vợ y đi khiếu nại, điều này được chủ tọa phiên tòa cho rằng đây là hành vi tiếp tế lương thực và đồng lõa như “ thấy kẻ trộm mà cho mượn kèm búa ”.

Cuối cùng, hội đồng xét xử tuyên phạt : Trần Thị Hiệp 18 tháng tù giam ; Trần Văn Hà và Nguyễn Văn Thiệt mỗi bị cáo 16 tháng tù giam. Thời gian thụ hình tính từ ngày bắt tạm giam (23.4.1996).

Được biết, sau sự cố tràn dầu nêu trên, Tuổi Trẻ các ngày 11.5.1995, 8.7.1995 đã từng đặt vấn đề những bất thường trong việc xem xét bồi thường thiệt hại tràn dầu ở Nhơn Trạch - Đồng Nai, như uỷ ban nhân dân huyện giữ lại hầu hết khoản chi bồi thường thiệt hại kinh tế dân cư mà ban chỉ đạo xử lý tai nạn tràn dầu đã chuyển. Sau đó, huyện còn tổ chức vận động rút đơn, họp dân để bình xét lại thiệt hại, kêu gọi viết đơn tố cáo, tố giác lẫn nhau và căn cứ vào đơn nặc danh để loại đối tượng có trong danh sách bồi thường. Ngoài ra, huyện cũng đã cách chức, buộc thôi việc một số cán bộ, bắt giam ba người dân khác ở xã Phú Hữu trong năm 1995.

Phạm Oanh (Tuổi Trẻ 5.9.1996)

# VÀI SUY NGHĨ SAU MỘT CHUYÊN ĐI VIỆT NAM

Hè vừa qua, Lê Văn Cường, giám đốc nghiên cứu CNRS trong ngành kinh tế, và Tôn Thất Nguyễn Khắc Thiêm, giáo sư xã hội học kinh tế ở Université Libre de Bruxelles, về hợp tác khoa học với một số cơ quan trong nước. Diễn đàn gặp và hỏi ý kiến hai anh trên những vấn đề sau đây.

## Về tương quan giữa chủ nghĩa Mác Lê và kinh tế thị trường

Lê Văn Cường (LVC) : Từ chủ nghĩa quá rộng lớn, bao trùm cả triết lý, kinh tế, hệ thống xã hội, chính trị..., nên tôi khung lại vấn đề như sau : nói “ Vận dụng học thuyết Marx vào kinh tế thị trường ở Việt Nam ” có ý nghĩa gì hay không ? Nếu tôi không lầm, học thuyết Marx chủ yếu là phân tích và phê phán chủ nghĩa tư bản. Vận dụng quan điểm của Smith và Ricardo (giá trị hàng hoá là do lao động tạo ra) Marx đã nêu lên hai khái niệm có tương quan một cách biện chứng : bóc lột thặng dư và đấu tranh giai cấp. Ở Việt Nam hiện nay có bóc lột thặng dư hay không ? Trước hết phải thanh thản nhìn khái niệm bóc lột một cách khách quan như sau : sẽ có bóc lột thặng dư nếu những người tạo ra giá trị (người lao động, theo quan điểm mácxít) không kiểm soát được việc sử dụng giá trị thặng dư. Lúc ở Châu Đốc, xem tivi được biết ở một xí nghiệp xuất khẩu tôm đông lạnh (hình như ở Sóc Trăng) có 650 công nhân nữ, phần đông làm việc từ 10 đến 12 giờ một ngày. Những giờ ngoài qui định, được trả gấp rưỡi (hay gấp đôi, tôi không nhớ rõ). Mỗi người lãnh lương từ 1 đến 1,2 triệu đồng một tháng. Công đoàn của xí nghiệp cũng đồng ý với phương thức làm việc như vậy. Nếu ở một nước như nước Pháp, ta sẽ hô hoán lên là những công nhân viên này bị bóc lột thậm tệ và công đoàn câu kết với xí nghiệp để làm những việc “ vô đạo ”. Nhưng giám đốc xí nghiệp tuyên bố là trong vài tháng tới sẽ tuyển thêm 300 công nhân viên để bớt giờ làm việc ngoài qui định mà không giảm lương. Ví dụ đưa ra đây để nói lên ý này : không nên nhìn khái niệm bóc lột một cách tĩnh mà phải nhìn một cách động trên khoảng thời gian của quá trình sản xuất : khởi đầu, để tích lũy vốn, người công nhân có thể bị bóc lột thặng dư khá nhiều, nhưng nếu sau đó lương họ được tăng “ hậu hĩnh ” để bù đắp vào sự mất mát ban đầu thì khi tổng lại cái mất lúc đầu và cái được lúc sau, có lẽ người công nhân không bị bóc lột thặng dư ở mức quá đáng và mức này sẽ giảm dần theo thời gian nếu công nhân viên, qua công đoàn, thoả hiệp với xí nghiệp như thế nào để sản xuất và lương bổng càng ngày càng tăng thêm, nghĩa là sao phân phối giá trị

thặng dư một cách hợp lý để có thể vừa tăng sản xuất, vừa giảm tỷ lệ bóc lột. Dùng học thuyết kinh tế Marx ta có thể tìm ra những biện pháp để phân phối giá trị thặng dư hay không ? Theo ý tôi là không vì học thuyết ấy không có mục đích đó. Vài ví dụ : xác định sự phân phối trợ cấp, việc đánh thuế, hay định mức lương phù hợp, để vừa có tăng trưởng vừa giảm bớt bất công trong xã hội, học thuyết Marx không đưa ra biện pháp nào cả. Như vậy ta phải vận dụng những học thuyết khác, cổ điển, tân cổ điển, Keynes... để thực hiện những mục tiêu ấy. Vấn đề là phải biết vận dụng mỗi học thuyết vào đúng thời điểm. Ví dụ : Việt Nam đã dùng một số biện pháp của học thuyết duy tiền tệ (*monétarisme*) để đánh thắng lạm phát : mèo đen hay mèo xám, mèo nào cũng được, miễn bắt được chuột. Tóm lại, Nhà nước Việt Nam có thể dùng lăng kính mácxít để vận dụng những học thuyết khác vào việc thực hiện mục tiêu : vừa tăng trưởng, vừa phát triển và dần dần xoá bớt công xã hội.

Tôn Thất Nguyễn Khắc Thiêm (TTNKT) : Tôi muốn đi từ cụ thể của khái niệm “ tích luỹ ban đầu ” theo nghĩa động và rộng của nó. Khởi nguyên, khái niệm này được A. Smith đưa ra và được Marx bổ sung thêm. Tích luỹ ban đầu không thể được xem như một quá trình thuần kinh tế. Nó đồng thời là một quá trình phân hoá xã hội. Và sự phân hoá này dựa trên lô gich của sự bất bình đẳng : phải có một lớp người chịu thiệt thòi, trong khoảng thời gian bao lâu, và tầng lớp nào quyết định việc tích lũy thặng dư và đầu tư vốn riêng cho tương lai ? Cái gì ngăn không cho những thặng dư bị bóc lột trở thành cơ sở tạo ra những thành phần tư sản mới lũng đoạn quá trình phân phối về sau ? Đặt vấn đề như thế là dựa trên quan điểm mácxít. Nhưng giải quyết vấn đề không thể dựa độc nhất vào một học thuyết. Bởi mỗi một học thuyết đều được xây dựng trên một số giả định. Nếu giả định không đúng hoặc không phù hợp với thực tiễn của thời điểm và bối cảnh lịch sử thì những giải pháp đề ra từ học thuyết đó thành thất bại. Đúng là Việt Nam đã dựa vào những khuyến cáo của Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế (IMF) và áp dụng học thuyết “ duy tiền tệ ” để ngăn chặn hữu hiệu lạm phát. Nhưng Ba Lan, Tiệp Khắc, Bungaria... cũng đã dùng những biện pháp “ duy tiền tệ ” nói trên vào những năm 90-91 và đã lâm vào những khủng hoảng kinh tế trầm trọng. Điều này chứng tỏ rằng không thể có bất cứ một học thuyết vạn năng nào có thể đúng ở mọi nơi và mọi hoàn cảnh.Thêm một điều khác : khoa học nhân văn nói chung cũng như kinh tế học và xã hội học nói riêng không cho phép chúng ta làm những cuộc thí nghiệm quy mô tầm cỡ như trong khoa học chính xác để kiểm chứng giả thuyết. Do đó, để tìm ra những giải pháp tương đối hợp lý và tạm thời thích ứng với sự biến thiên của hoàn cảnh, cách hay nhất, là để những học thuyết cọ xát và tranh luận với nhau.

Có thể tóm gọn như sau : tính chất cấp tiến trong cách đặt vấn đề là phải rõ ràng những giá trị chọn lựa và mục đích mong muốn. Quan điểm mácxít là một quan điểm cấp tiến khi nó nhắm đến những giá trị nhân bản phổ quát như công bằng xã hội, văn minh và hạnh phúc con người. Trong chừng mực đó, chủ nghĩa Marx có thể được xem như một quan điểm

cơ bản trong việc phát triển kinh tế-xã hội. Nhưng tính chất cấp tiến trong cách giải quyết vấn đề đòi hỏi nhiều điều khác : nó cần sự mở rộng và đào sâu của nhiều cuộc tranh luận ý kiến đến từ những trường phái, học thuyết khác nhau. Ở đó, không thể có sự độc tôn chủ nghĩa và sự độc quyền của bất cứ học thuyết nào. Và mở rộng tranh luận khoa học không có nghĩa là gây hoang mang, xáo trộn. Bởi vì, cuối cùng, quyền quyết định chọn lựa giải pháp vẫn thuộc vào những người lãnh đạo chính thể.

### Nạn tham nhũng

LVC : Nên phân biệt hiện tượng “ phong bì ” và hiện tượng rút tiền từ túi Nhà nước bỏ vào túi mình. Hiện tượng thứ hai, theo ý tôi, là phải bị trừng phạt vì là tham ô theo đúng nghĩa của nó. Về hiện tượng thứ nhất, ta nên có một thái độ thận trọng hơn. Hiện nay với mức lương của Nhà nước thì ít ai có thể sinh sống được. Vì vậy đa số công chức phải kiếm đền án, hợp đồng để thêm lợi tức. Nhưng muốn đền án được duyệt thì người bảo vệ đền án phải đưa cho mỗi thành viên hội đồng một phong bì. Ta có thể chê bai các hành động này (đưa và nhận phong bì). Nhưng không có phong bì thì những người duyệt đền án lấy gì mà sống ? Hiện tượng “ phong bì ” có ít nhất hai hậu quả xấu :

(i) Nhà nước không kiểm soát được luồng thu nhập này để thu thuế và như vậy sẽ không có ngân sách để chi vào giáo dục, y tế...

(ii) biến mỗi người trách nhiệm cơ quan thành một kẻ — không ít thì nhiều — tội phạm. Nhưng nếu không nhúng tay vào chàm thì cơ quan mình lanh đạo khó lòng hoạt động tốt được. Đây là một khe hở để lúc nào muôn “ đánh ” một người có trách nhiệm thì chỉ yêu cầu công an đi thanh tra : thế nào cũng “ lời ” ra ít nhiều “ tham ô ”. Vì vậy tôi rất đề nghị với những sự việc dính tới bà Ba Thi, ông Dương Quang Trung : họ tham ô thật hay chỉ là “ bè cánh ” đánh nhau ? Làm sao giải quyết hiện tượng “ phong bì ” ? Một giải pháp là chính thức hoá hiện tượng đó bằng cách cho phép khai những phong bì như là chi phí trong hoạt động kinh doanh, nghiên cứu... Sẽ có những lực cản trở việc công khai hoá này. Đó là những người đưa và nhận những phong bì quá đồ sộ và những người này đôi khi lại rất gần quyền lực. Nhà Nước Việt Nam giải quyết thế nào vấn đề này ? Sắp tới đây, 10 công ty quốc doanh ở TPHCM sẽ được cổ phần hoá. Đó là một biện pháp có thể vừa làm giảm thất thoát tài sản vừa buộc xí nghiệp phải làm ăn có hiệu quả. Ba câu hỏi :

- làm sao bảo đảm cho những cổ đông quyền kiểm soát sự vận hành những luồng vốn và lợi nhuận của xí nghiệp ?
- làm sao cấm sự câu kết giữa những xí nghiệp quốc doanh mua cổ phiếu với xí nghiệp bán cổ phiếu ?
- tư nhân và công nhân viên của xí nghiệp được cổ phần hoá có đủ lòng tin để mua cổ phiếu hay không ?

TTNKT : Đúng là về mức độ và cách thức vận hành cần có sự phân biệt giữa hối lộ và tham ô. Nhưng cả hai đều dẫn đến cùng một hậu quả : Nhà nước bị suy yếu và quá trình phát triển bị lưỡng đoạn.

Trước hết, hối lộ và tham nhũng đều dựa trên những quan hệ quyền thế (*rapports de pouvoir et de force*). Những quan hệ đan chéo này củng cố các bè cánh, băng nhóm, phe này phái nọ, cửa nọ quan kia. Do đó, sự ổn định của guồng máy có tính chất hết sức nhất thời bởi được dựa chủ yếu vào sự câu kết và tương quan lực lượng giữa các quyền thế khác nhau của guồng máy. Những việc “ ăn chia, mua quyền bán chức ” nói trên đều có tính cách “ rút ruột ” Nhà nước. “ Phong bì ”, hối lộ là rút ruột gián tiếp (thất thu thuế) và tham ô của công là rút ruột trực tiếp. Thêm một nhận xét : “ tích lũy ” bằng tham nhũng, tham ô là một quá trình làm giàu không phải bằng đầu tư vào sản xuất kinh tế mà bằng việc đầu cơ quyền thế. Thực chất của việc làm giàu này không đóng góp thật sự gì vào quá trình phát triển : tiền sinh ra từ ăn hối lộ, tham ô có thể được đổ vào một phần trong thị trường nhưng đa số nằm ngoài hệ thống ngân hàng. Điều này khiến cho luồng tiền tệ này lọt ra khỏi sự phân bổ và tính

### Visa và visa

Từ đầu năm 1996 đến nay, Bộ nội vụ và Bộ ngoại giao Việt Nam qui định như sau : người ngoại quốc cũng như người Việt Nam ở nước ngoài (bất luận quốc tịch), muốn về Việt Nam hợp tác nghiên cứu hoặc giảng dạy, phải có visa công vụ. Những ai chỉ có visa du lịch, hay visa về thăm thân nhân, không được phép giảng dạy, nghiên cứu hoặc làm việc tại các cơ quan trong khuôn khổ hợp tác. Phân định rành rọt như thế cũng có lý ; nhưng trên thực tế đưa tới những vấn đề như sau :

1.- đối với người nước ngoài, có một sự việc lạ lùng là trong rất nhiều trường hợp sứ quán Việt Nam cấp visa công vụ vài ngày trước khi họ lên máy bay đi Việt Nam, trong khi đó giấy cho phép họ đi Việt Nam hợp tác đã có sẵn ở trong nước từ 15 ngày đến một tháng trước. Chính mắt tôi đã thấy, lúc ở Việt Nam, vào trung tuần tháng tám, giấy phép này của một đồng nghiệp Pháp ; nhưng về Paris được biết anh này được cấp visa hai ngày trước khi lên máy bay (ngày 14/9). Những sự việc như vậy đã làm một số người chán nản (rất dễ hiểu : không mấy ai muốn trả tiền trước vé máy bay nếu không biết mình sẽ có visa), hoặc phải đi đường vòng : xin visa du lịch nhưng qua Việt Nam làm việc ; một số người, vì làm thủ tục như vậy nên khi đến cửa khẩu đã được công an Việt Nam mời lên máy bay trả lại Pháp.

2.- đối với Việt Kiều có visa công vụ : sau khi hết công tác, nếu muốn ở thêm thì xin gia hạn visa (qua diện thăm thân nhân hoặc du lịch). Nghe qua thì có vẻ hợp lý ; nhưng mấy ai dám làm như vậy, vì nhỡ công an trong nước, vì một lý do nào đó, không gia hạn thì họ sẽ làm gì ? Qui định như vậy chừng mực nào đi ngược lại chính sách khuyến khích Việt Kiều kết hợp thăm gia đình với đóng góp chất xám. Tại sao không đơn giản hoá như lúc trước : Việt kiều có visa thăm nhà vẫn có thể làm hợp tác với điều kiện là cơ quan đứng ra mời xin và được phép cho họ làm việc ?

L.V.C.

toán của các chương trình phát triển sản xuất. Trái lại, nó có thể trở thành một tiềm lực đe dọa phương hướng phát triển nếu khối lượng của nó vượt quá mọi ước tính.

Tóm lại, “dánh” tham nhũng không phải chỉ nhắm cá nhân mà nhất thiết phải cải tổ guồng máy, cơ chế hành chính, hạch toán thương mại kinh tế. Muốn tích cực và triệt để “dánh” nó cần thiết phải dụng đến vấn đề cấu trúc quyền lực. Ai dám dụng?

### **Hiện tượng “bia ôm”**

LVC : Giới đi bia ôm gồm hai loại : sὸn sὸn từ 40 tuổi trở lên, thanh niên trẻ. Báo chí phê bình dữ dội hiện tượng bia ôm. Nhưng chỉ dùng “bạo lực” để dẹp “bia ôm” có hoàn toàn hiệu quả hay không? Hiện tượng bia ôm, theo ý tôi, là một biểu hiện *không văn hoá* của hiện tượng Geisha ở Nhật và Ả đào trước đây ở Việt Nam. Nó bắt nguồn từ quan niệm vợ chồng ở một xã hội chịu ảnh hưởng văn hoá Trung hoa. Trong những xã hội này quan hệ vợ chồng thường tách rời với quan hệ tình dục, và đôi khi cả tình yêu. Quan hệ vợ chồng trước hết là một quan hệ xã hội. Trong thời kỳ chiến tranh quan hệ tình dục bị kiềm chế. Bây giờ, ăn sung mặc sướng hơn, quan hệ tình dục đòi được giải quyết, đặc biệt cho những vị đang tuổi “hồi xuân” muốn tận hưởng những năm cuối đời của mình. Giải quyết ở đâu? Đối với giới thanh niên, quan hệ trai gái trước khi lấy nhau thường phải ngừng ở một mức nào đó. Do đó, giới thanh niên bị ẩn ức. Nếu các cô gái để cho các ông chồng tương lai vuốt ve “kỹ càng” hơn một chút, biết đâu hiện tượng “bia ôm” cũng giảm theo một tí? Tóm lại, có lẽ phải suy nghĩ lại quan niệm về luyến ái, tình dục, vợ chồng ở xã hội Việt Nam. Ngoài ra nên tạo một đời sống văn hoá có sức hấp dẫn để sau giờ làm việc, các ông, các bà và gia đình họ có thể thăng hoa (*sublimer*) dục vọng qua những hoạt động văn hoá, trí thức. Theo ý tôi, đó cũng là những phương pháp giúp giải quyết tốt hiện tượng “bia ôm”.

TTNKT : Từ những điều vừa được anh LVC trình bày, có thể nào khái quát như thế này chăng: về lý thuyết, các chuẩn mực đạo lý xã hội nhằm nâng cao đạo đức của con người và giá trị nhân bản của những hành vi cá nhân. Nhưng khi trong thực tế một số các chuẩn mực đó lại có tác dụng ngược lại trong một bối cảnh xã hội đã thay đổi thì hẳn đặt lại vấn đề những bậc thang giá trị và quy tắc cũ?

Đạo lý không rót trên trời xuống. Nó cũng không thể là sản phẩm của bậc đại chân tu hay nhà hiền triết nào. Đạo lý, nói cho cùng, là những ước lệ xã hội có quan hệ hỗ tương với thể chế xã hội. Và mỗi thời điểm kinh tế-chính trị đều có những trào lưu đặc trưng. Chẳng phải ngẫu nhiên mà những thuyết lý về sự từ nhiệm của nhân tính — từ Sartre cho đến Marcuse — đã xuất hiện trong thời gian mà xã hội Âu Tây tự hào về những tăng trưởng “phi mã” của văn minh vật chất: khi siêu thị biến thành nhà văn hoá thì phần xác lấp phần hồn, mạng mõ đẽ lén trái tim và cả khói óc. Ghi nhận cụ thể khác: chẳng phải ngẫu nhiên mà những năm cuối của triều đại chuyên chế “Caudillo” Franco phong trào mê bóng đá và “cá độ” biến thành một hiện tượng quốc gia ồ ạt ở Espagne. Cũng không phải ngẫu nhiên khi những ngày lễ hội

ở Brésil trở thành những lúc chuyên hành lạc vào những năm mà các “Chicago Boys” của trường phái kinh tế “tân tự do” cố vấn cho chính phủ Brésil các chương trình mở rộng “giải lệ” kinh tế và “ ổn định ” xã hội.

Tóm gọn : mỗi phương thức phát triển đều mang trong lòng nó một mô hình văn hoá xã hội. Lựa chọn đường lối phát triển, do đó, không thể chỉ là chuyện chuyên ngành nặng tính kỹ thuật thương mại, tài chính, quản lý kinh tế mà là một vấn đề có tính chất nhân văn : chọn lựa hình thái xã hội văn minh khai phóng con người. Ở Việt Nam, bia ôm là hiện tượng xã hội đi liền với một quan niệm tăng trưởng kinh tế thị trường coi mọi thứ đều là hàng hoá trao đổi. Do đó, không thể tách rời rạch ròi hẳn kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá. Cái này có thể vừa là tiền đề vừa là hệ quả của cái kia.

Tôi ước ao có được ở Việt Nam những cơ chế thoáng tạo điều kiện không những cho các học thuyết tranh luận với nhau mà còn cho các lãnh vực, môn ngành trao đổi, cọ xát với nhau. Một vấn đề được tiếp cận từ nhiều góc độ, nhiều hướng thì các phương án giải quyết được nghĩ ra lại càng thêm phong phú. Ngược lại, khoanh ra từng vùng riêng biệt, mỗi chuyên gia chuyên trị duy nhất một khâu tách rời không cần biết đến các khâu khác thì dù cao siêu cách mấy thì cũng tiếp tục chuyện “thầy bói sờ voi” một cách khập khiễng.

### **Dư luận về báo Diễn Đàn**

LVC : Tại một cơ quan chính quyền, có người đánh giá *Diễn Đàn* là tờ báo xấu. Tôi hỏi tại sao đánh giá như vậy, thì được nêu ví dụ là đã *Diễn Đàn* đã đăng lá thư của ông Võ Văn Kiệt gửi Bộ Chính trị trước Đại hội 8. Lý do : đó là một tài liệu mật. Tôi đọc lại bức thư ấy thấy nó nêu lên vài vấn đề mà theo ý tôi cần được đào sâu. Ví dụ, qua vấn đề vai trò của các khu vực quốc doanh, tư nhân, tính chất hiệu quả của kinh tế thị trường, ta có thể đặt vấn đề một cách rộng hơn : trước tiên xác định chiến lược phát triển (chẳng hạn, đầu tàu của tăng trưởng là xuất khẩu, hay vừa là xuất khẩu vừa là tiêu dùng nội địa), sau đó xác định vị trí của khu vực quốc doanh, của khu vực tư nhân (trong và ngoài nước), nên có tập quyền (trong những khu vực cần chi phí cố định lớn như hạ tầng cơ sở, bưu chính viễn thông...) hay nên có nhiều xí nghiệp quy mô nhỏ cạnh tranh với nhau? Chữ “mật” gắn vào bức thư ông Kiệt đã làm mất một cơ hội để trong nước (đảng viên, cán bộ không được đọc rộng rãi hay phải đọc lén lút) và ngoài nước (tho ông Kiệt đã trở thành một *scoop médiatique*) có dịp thảo luận trên những vấn đề có tính chất chiến lược.

Ngoài ra, chúng tôi cũng đã ghi nhận một số ý kiến về nội dung cũng như cung giọng của *Diễn Đàn*. Sắp tới, như quyết định của ban biên tập, *Diễn Đàn* sẽ tập hợp ý kiến bạn đọc (trong nước và ngoài nước) và thảo luận, xác định trở lại mục đích, phương hướng tờ báo sau đúng 5 năm hoạt động (xem trang 2). Khi đó, chúng tôi sẽ tường thật đầy đủ những ý kiến đó.

**Nguyễn Quang**

# Tăng trưởng kinh tế & phát triển con người

Báo cáo của PNUD : tài sản của 358 người lớn hơn  
thu nhập hàng năm của 45 % dân số thế giới

Từ ngày sụp đổ Bức tường Berlin và hệ tư tưởng cộng sản, một "tư tưởng duy nhất" đã chế ngự thế giới kinh tế : tư tưởng của chủ nghĩa tự do với những khẩu hiệu năng suất và cạnh tranh đã thắng thế hoàn toàn, không còn gặp sự đối kháng nào nữa, khiến người ta có cảm tưởng sự tiến bộ của con người và của các xã hội có thể và phải do bằng một tiêu chuẩn duy nhất là chỉ số tăng trưởng. Trong bối cảnh ấy, Báo cáo toàn cầu về sự phát triển của con người năm 1996 mà Chương trình phát triển của Liên hiệp quốc (PNUD) vừa công bố hồi tháng 7 là một sự kiện đầy ý nghĩa vì nó đi ngược hẳn tin điều quá giản đơn nói trên.

## Một sự tăng trưởng không bình đẳng

Theo bản báo cáo, trong 20 năm qua, tổng sản lượng thế giới — nghĩa là toàn bộ của cải do các tác nhân kinh tế, doanh nghiệp cũng như các hộ gia đình, sản xuất ra — đã tăng lên gần như 6 lần, và thu nhập bình quân đầu người trên toàn cầu đã tăng gần như gấp 3. Nhưng đáng sau hai chỉ số tổng quát là một bức toàn cảnh tranh tối tranh sáng mà dưới đây là những nét chính :

— theo những thống kê mới nhất (năm 1993) có thể khai thác được, các nước công nghiệp hoá (PI, Pays Industrialisés) — 20 % dân số toàn cầu — làm ra 78 % của cải. Tuy nhiên (dây là mặt tương đối tích cực), với giả định tăng trưởng bình quân 3 % hàng năm, thì tổng sản lượng của các nước đang phát triển (PVD, Pays en Voie de Développement) từ 16 % (năm 1993) sẽ đạt 33 % vào năm 2030.

— đi đôi với thành tựu của 15 nước có chỉ số tăng trưởng cao nhất (trong đó có những nước châu Á) là sự trì trệ hay thụt lùi của nhiều nước khác. Đem so sánh hai giai đoạn 1965-80 và 1980-93, báo cáo của PNUD nhận thấy tỉ lệ dân số sống ở những nước có nhịp độ tăng trưởng hàng năm trên 5 % đã tăng lên hơn gấp đôi, nhưng đồng thời, tỉ lệ dân số các nước có nhịp độ tăng trưởng âm đã tăng hơn gấp ba. Cụ thể, trong 10 năm qua khoảng 90 nước (hơn một nửa dân số toàn cầu) đã lâm vào tình trạng kinh tế suy sụp, và theo dự tính (trừ phi có sự thay đổi đột ngột), thì tới năm 2030, tổng sản lượng của các nước chậm tiến nhất (PMA, Pays les Moins Avancés) sẽ không quá 0,3 % tổng sản lượng toàn cầu.

— sự chênh lệch ngày càng tăng không phải chỉ biểu hiện giữa các nước PI, PVD và PMA, mà còn diễn ra trong mỗi nước trên thế giới. Chẳng hạn, trong các nước thành viên của OCDE (Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế), thu nhập bình quân đầu người là 20 000 USD/năm, nhưng tại chính những

nước này, có hơn 100 triệu người phải sống dưới mức nghèo khổ). Thí dụ nổi bật là trường hợp Hoa Kỳ, cường quốc kinh tế số 1, đồng thời cũng là vô địch thế giới về sự bất bình đẳng : 20 % giàu nhất có mức thu nhập gấp 9 lần 20 % số dân nghèo nhất... PNUD thường bị kết án là quá thiên về các nước Thế giới thứ ba, nhưng khi ta biết rằng hiện nay có 358 tỉ phú mà nếu đem cộng chung tài sản, thì trị giá hơn hẳn số thu nhập hàng năm của 45 % dân số toàn cầu, thì, nói như J. C. Spath, người Mỹ, quản lý của PNUD, quả đó là "những sự chênh lệch kinh tế không những bất công, mà phải nói là bất nhân".

## Tăng trưởng "tốt" và tăng trưởng "xấu"

Như vậy, thành quả của sự tăng trưởng không được chia sẻ đồng đều trên thế giới. Các tác giả của bản báo cáo của PNUD còn đi xa hơn khi họ tìm cách xác định những nhân tố tạo ra sự tăng trưởng "tốt". Nói một cách lý tưởng, đó là sự tăng trưởng tạo ra thêm công ăn việc làm, bảo đảm an sinh, tự do và sự phát triển của các cá nhân, phân phối lợi ích kinh tế một cách công bằng, tạo điều kiện thuận lợi cho sự liên kết và hợp tác xã hội, cuối cùng là bảo đảm tương lai cho sự phát triển của con người. Bản báo cáo cũng kê khai ra 5 hình thức tăng trưởng "xấu" :

1) **Tăng trưởng bất cần** : đó là hình thức tăng trưởng đã mô tả chi tiết ở trên. Do sự phân phối thu nhập một cách bất công, người giàu cứ giàu thêm mãi và người nghèo càng nghèo đi. Các nước "quán quân" của lối tăng trưởng này là Brasil, Guatemala, Panama... Bản báo cáo cũng cho biết, ngược lại, ở một số nước Đông Á (đặc biệt Malaysia được nêu làm thí dụ), người ta đã sớm đặt sự tăng trưởng trên cơ sở đầu tư về con người và phân phối thu nhập, để ra những biện pháp giảm nghèo, cải thiện y tế và đẩy mạnh giáo dục, "tăng trưởng nhanh và phát triển con người đã hỗ trợ lẫn nhau trong một quan hệ nhân quả tương tác".

2) **Tăng trưởng khoá miệng** : là sự tăng trưởng mà kèm theo, không có tiến bộ về dân chủ hay về các quyền tự do cá nhân. Nền kinh tế một số nước châu Á đã trải qua những chặng đường trong đó thu nhập tăng cao và được phân phối tương đối công bằng, song quyền của người lao động không được tôn trọng. Bản báo cáo nhấn mạnh rằng hiếm khi nào nạn đói xảy ra tại những nước có đổi lập chính trị và bảo chí tự do, cả hai có thể phê bình một chính sách sai lầm trước khi nó dẫn tới hậu quả tai hại.

3) **Tăng trưởng mất gốc văn hoá** : là sự tăng trưởng đi kèm sự mất bản sắc văn hoá trong dân chúng. Bản báo cáo cảnh báo : "Hiện tượng này có thể rất nguy hiểm. Nạn bạo lực đang xảy ra ở Liên Xô cũ hay Nam Tư cũ là sự kế thừa bi thảm của phương thức chính quyền đàn áp văn hoá".

4) **Tăng trưởng không tương lai** : tại một số nước, người ta đang phung phí những tài nguyên mà những thế hệ tương lai sẽ cần tới. Những số liệu thống kê kinh tế phản ánh thường che giấu sự xuống cấp của môi trường sinh thái, và rốt cuộc, giá phải trả sẽ lên cao : bản báo cáo ước tính khoảng 42 tỷ đôla sự thất thoát về đất trồng trọt và nạn sa mạc hoá trên toàn thế giới.

**5) Tăng trưởng mà không có thêm công ăn việc làm :** hiện tượng này phổ biến tại các nước công nghiệp hoá cũng như tại các nước đang phát triển. Tại một nước công nghiệp hoá như Tây Ban Nha, từ năm 1980 đến năm 1993, nhịp độ tăng trưởng vào cỡ trung bình (2,5 % mỗi năm), nhưng tới năm 1993, tỉ số thất nghiệp đã lên tới 23 % (gần 40 % trong thanh niên). Trong các nước đang phát triển, Pakistan tăng trưởng bình quân 6,3 % hàng năm trong thời gian 1975-92, song công ăn việc làm chỉ tăng 2,4 %. Cạnh đó lại có hiện tượng “ *thêm công ăn việc làm mà không có tăng trưởng* ” : khi thu nhập giảm, người ta phải làm nhiều công việc.

Bản báo cáo không dám vạch ra một lý giải vạn năng, song nó nhận xét trong những nước tăng trưởng có tạo thêm công ăn việc làm (Hoa Kỳ, Canada, Thụy Sĩ và nhất là các con rồng, con hổ Á Châú), nổi bật nhất là những nước mà chính quyền “ *chú trọng không những tới số lượng, mà cả chất lượng của sự tăng trưởng* ”.

## Chỉ số phát triển con người

Làm sao do lường được chất lượng tăng trưởng ? Từ những nhận xét thu lượm được, các tác giả bản báo cáo đề nghị thay thế chỉ số tổng sản lượng bình quân tính theo đầu người, bị coi là quá giản lược, bằng “ *chỉ số phát triển con người* ” (IDH, *indicateur de développement humain*). Chỉ số IDH này gồm 3 thành tố : thu nhập thực, tuổi thọ trung bình và trình độ học vấn. Theo các tác giả, bản báo cáo năm 1996 của PNUD chứng tỏ rõ ràng rằng tăng trưởng kinh tế và phát triển con người đều là hai yếu tố cần thiết và chúng có thể hỗ trợ lẫn nhau. Chỉ khi nào chúng được kết hợp hài hoà với nhau thì mới thoát khỏi vòng luẩn quẩn, đầu tư về con người (giáo dục, y tế) mang lại kết quả tích cực về năng suất, năng suất tăng dẫn tới tăng lương thực sự, và điều này càng kích thích đầu tư về con người... Song song với chỉ số IDH, bản báo cáo còn đề xuất một “ *chỉ số khan hiếm năng lực* ” (IPC, *indicateur de pénurie de capacités*) nhằm đo lường sự thiếu hụt tiền tệ và đồng thời cả những sự thiếu hụt có thể tác động tới 3 tiềm lực được coi là thiết yếu đối với sự phát triển : (1) dinh dưỡng đủ tiêu chuẩn, sức khoẻ tốt (người ta đo tỷ số trẻ em dưới 5 tuổi thiếu trọng lượng) ; (2) sinh đẻ tốt (đo tỷ số lượt đẻ không có sự chăm lo của nhân viên y tế) ; (3) học hành (đo tỷ số phụ nữ biết đọc biết viết).

Tất nhiên PNUD không phải là cơ quan duy nhất đề ra những chỉ số nhằm đánh giá sự tăng trưởng. UNICEF, tổ chức nhi đồng của LHQ, cũng thường xuyên xếp hạng các nước theo tiêu chuẩn những tiến bộ “ *về y tế, dinh dưỡng và giáo dục con cái* ”. Năm ngoái, cả Ngân hàng Thế giới cũng đề xuất một bảng tính toán kết hợp tài nguyên nhân lực, giá trị đất đai, tài nguyên trong lòng đất, phí tổn về cơ sở hạ tầng... Rất nên cảm giác đối với cái bệnh thống kê tổng hợp mà mục đích hầu như duy nhất là xếp hạng các quốc gia (mọi người còn nhớ tới những cách tính theo đó tới năm 2 000, Trung Quốc sẽ là cường quốc kinh tế số 1 trên thế giới : chỉ dựa vào giá trị tổng sản lượng quốc gia, trong khi thu nhập bình quân tính theo đầu người của Trung Quốc giỏi lăm bằng một phần mười Hoa Kỳ). Song, có một điều đáng chú ý là chỉ số IDH đã đảo lộn thứ tự xếp hạng thuần dựa

vào chỉ tiêu sản xuất. Theo cách xếp hạng dựa theo IDH, thì trong các nước chỉ số cao, Canada về đầu, vượt qua Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hà Lan và Na Uy. Trong nhóm IDH trung bình, ta không ngạc nhiên thấy có tên 4 nước “ *công sản* ” còn lại trên thế giới : Trung Quốc, Bắc Triều Tiên, Cuba và Việt Nam (phải chăng đây là kết quả mặt tích cực của “ *chủ nghĩa xã hội hiện thực* ” ?). Đì đầu nhóm IDH trung bình là Hàn Quốc (Nam Triều Tiên) : bản báo cáo PNUD coi Hàn Quốc là nước điển hình đã thoát ra khỏi cái vòng luẩn quẩn nói ở trên. Hàn Quốc đi đầu thế giới về sự phát triển giáo dục : tỷ số đi học lên tới 81 %, thời gian học hành bình quân cả nước là 9,9 năm (cao hơn cả các nước công nghiệp). Theo PNUD, Hàn Quốc đã biết tránh được, và khi vuông mắc thì cũng đã biết thoát ra khỏi những cạm bẫy của sự tăng trưởng “ *xấu* ”. Và Hàn Quốc còn là một ca tiêu biểu của những nước đã trải qua con đường “ *tăng trưởng khoá miệng* ” : sự cất cánh kinh tế do một chế độ độc tài quân sự hoạch định và lãnh đạo, và trong thời gian cầm quyền, giới quân sự đã tha hồ vét thành quả của sự tăng trưởng, song quá trình phát triển đã từng bước hình thành một xã hội công dân (sự sinh thành nhiều lúc đã tiến hành trong bạo lực), và cuối cùng, xã hội công dân đã thắng thế và thiếp lập được chế độ dân chủ. Và mới đây, chính quyền dân sự của tổng thống Kim Young-sam (được bầu qua một cuộc tuyển cử hết sức dân chủ) đã chẳng truy tố và tuyên án hai tướng độc tài Chun Do-wan (tử hình) và Roh Tae-woo (22 năm 6 tháng tù) đó sao ? Một bài học cho những chủ trương “ *mô hình phát triển kinh tế bằng một chế độ cực quyền* ”.

Nguyễn Quang

## tin tức (tiếp theo trang 7)

- Theo những con số chính thức, Việt Nam có hơn 4 000 người đã nhiễm virút HIV của bệnh Sida, trong đó hơn một nửa là thanh niên từ 15 tới 24 tuổi. 184 người đã bị chết vì bệnh. Tuy nhiên, các chuyên viên quốc tế cho rằng những con số nói trên thấp hơn sự thật rất nhiều, vì Việt Nam không có đủ những phương tiện chẩn bệnh.
- Sau các trận bão tháng 8, các cơn áp thấp nhiệt đới Sally, đổ bộ vào miền Trung giữa tháng 9, kéo theo mưa lớn và lụt lội, rồi Willie, cuối tháng 9, đã làm số người thiệt mạng năm nay lên đến hơn 400, và thiệt hại về vật chất vượt qua 300 triệu USD.
- Toà án phúc thẩm thành phố HCM đã y án tử hình một thanh niên 21 tuổi, tên Nguyễn Nhân Tài, về tội biển thủ 140 000 đôla “ *tài sản xã hội chủ nghĩa* ”. Cho tới nay, người ta vẫn không thấy các nhân vật chóp bu của chế độ bị xử án nặng như vậy mặc dù nhiều người trong họ tham nhũng không biết bao nhiêu lần hơn thế !
- Khách sạn nổi Sài Gòn đã đóng cửa và sẽ được kéo đi tới một đảo trên Thái Bình Dương, một dấu hiệu về những khó khăn của du lịch thành phố HCM nói riêng, và du lịch Việt Nam nói chung. Công ty Du lịch Sài Gòn cho biết tỷ lệ phòng thuê ở các khách sạn thành phố từ 85 % năm 1995 xuống còn 55 % năm nay.
- Khu chế xuất Tân Thuận chỉ sau 3 năm hoạt động đã thu lại vốn đầu tư 90 triệu đôla bỏ ra hồi 1991, theo lời ông Huang Chih-Chiung, chủ tịch công ty quản trị khu, một liên doanh giữa công ty Đài Loan Central Trading and Development Corp. và Ủy ban nhân dân thành phố HCM. Gần một nửa các công ty nước ngoài đầu tư vào Tân Thuận là các công ty Đài Loan.

# Quân sự và Kinh tế

Carlyle A. THAYER

Quân đội Việt Nam đã nhận được nhật lệnh mới. Tại Đại hội VIII mới đây của đảng, hai nhiệm vụ chiến lược đã được đề ra : "xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc". Năm 1982, Quân đội Nhân dân Việt Nam cũng đã được trao cũng hai nhiệm vụ đó. Điều mới là mười bốn năm đã trôi qua và bối cảnh chiến lược đã thay đổi. Việt Nam không còn bị sa lầy ở Campuchia và cũng không còn bị Trung Quốc uy hiếp. Trong môi trường mới của thời kỳ sau Chiến tranh lạnh, Việt Nam đã giảm hẳn quân số từ 1,2 triệu cách đây mười năm xuống một nửa. Việt Nam cũng đã chuyển hướng toàn bộ chính sách đối ngoại và mở rộng cửa cho nước ngoài đầu tư. Một chương trình cải tổ hiện được tiến hành nhằm bắt kịp các nước láng giềng, với mục tiêu là hiện đại hoá và công nghiệp hoá nền kinh tế vào năm 2020. Đường lối chính thức của Việt Nam là muốn làm bạn với mọi nước, cả về mặt quân sự. Trong chiều hướng ấy, đã có sự tiếp xúc chính thức về mặt quốc phòng với một số nước, kể cả những kẻ thù cũ và những người bạn mới.

Danh sách các nước đã có tiếp xúc rất đáng chú ý : Ấn Độ, Bắc Triều Tiên, Brunei, Cambốt, Canada, Cộng hoà Séc, Cộng hoà Slovak, Cuba, Hàn Quốc, Indonesia, Israel, Kazakhstan, Lào, Malaysia, Miến Điện, Nga, Nhật Bản, Pháp, Philippines, Singapore, Thái Lan, Trung Quốc và Ukrainia (*chú thích của người dịch : các nước kể trên được xếp theo thứ tự ABC tiếng Anh*). Nước Úc cũng đã tham lặng mở ra những cuộc tiếp xúc về quốc phòng hồi tháng 4 vừa qua nhân cuộc viếng thăm Hà Nội của một phái đoàn liên hợp của các bộ quốc phòng, ngoại giao và thương mại, mở đầu cuộc "đối thoại về an ninh quốc phòng". Cuối tháng 9 này, Học viện Tham mưu Liên quân cũng sẽ cử một đoàn đại biểu lần đầu tiên đi thăm Việt Nam. Mấy năm gần đây, Việt Nam cũng đã tham gia một cách khiêm nhường thị trường vũ khí : năm 1994 mua hai hộ tống hạm loại M3 Tarantul và năm 1995 sáu máy bay oanh kích Su-27 Flanker (1). Trước đó, năm 1992 họ đã lặng lẽ tiếp tục trở lại việc bán thiết bị Mỹ (chiến lợi phẩm 1975) cho khách hàng Trung Đông và châu Mỹ Latinh.

Quân đội Nhân dân Việt Nam đã hưởng ứng chương trình cải tổ của Việt Nam trước hết bằng cách chuyển hoá những sư đoàn thành đơn vị kinh tế. Năm 1989, những đơn vị này đã trở thành những doanh nghiệp hợp pháp. Hiện nay, quân đội điều hành khoảng 200 doanh nghiệp, trong đó có 4 tổng công ty lớn. Trong những năm dài chiến tranh, công nghiệp quốc phòng của Việt Nam đã được ưu tiên tiếp nhận thiết bị

Carlyle A. THAYER là khoa trưởng chính trị học thuộc Học viện quốc phòng Úc. Bài này đã được đăng trên báo The Australian ngày 6.9.96. Diễn Đàn cảm ơn tác giả đã cho phép dịch sang tiếng Việt.

và công nghệ hiện đại. Do đó ngành quân sự đã trở thành trường đào tạo thanh niên toàn quốc về phương pháp sản xuất. Ngày nay trong lĩnh vực này, ngành quân sự gặp sự cạnh tranh của các xí nghiệp quốc doanh và tư doanh. Song nó vẫn có những lợi thế : nguồn nhân công rẻ do chế độ nghĩa vụ quân sự cung cấp, cơ ngơi rộng lớn ở nông thôn và các thành phố chiếm lĩnh từ khi kết thúc chiến tranh. Và giới quân nhân lại mạnh về chính trị : quân đội là một trong những tác nhân chính trị quan trọng ở Việt Nam. Theo pháp luật Việt Nam, quân nhân tại ngũ có thể tham gia Quốc hội. Khoảng 10 % đại biểu Quốc hội hiện nay là quân nhân tại chức. Tỉ số đại biểu quân đội tại các đại hội toàn quốc của Đảng cộng sản, giảm sút trong thời gian 1976-91, đã tăng lên từ Đại hội 7 và tiếp tục với Đại hội 8. Điều này thể hiện rõ tại Bộ chính trị : 4 quân nhân trong tổng số 18 thành viên. Ngân sách quốc phòng bị giảm bớt trong thời gian 1976-91, nay cũng đã tăng, ước tính năm 1995 lên tới 890 triệu USD, khoảng 5 % tổng sản lượng quốc gia.

Quân đội Việt Nam khẩn trương nắm bắt mọi cơ hội làm ăn. Toàn bộ công nghiệp quốc phòng nằm dưới sự kiểm soát của Bộ quốc phòng. Các ngành công nghiệp này đi đầu trong việc tiếp thu những công nghệ có ứng dụng quân sự, thí dụ như điện tử, máy tính và viễn thông.

Mới đây Công ty điện tử và viễn thông quân đội đã liên doanh với công ty Mỹ NewTel để chế tạo máy điện thoại, fax và máy nhắn tin (pagers/beepers). Trong bốn doanh nghiệp quân đội phát đạt nhất, có Tổng công ty Xây dựng Trường Sơn. Đơn vị này đã từng xây dựng và bảo quản hệ thống đường mòn Hồ Chí Minh, nay đã tham gia đấu thầu và giành được những phương án lớn như đường dây cao thế bắc-nam, phương án xây dựng xa lộ và nhà máy thuỷ điện Hòa Bình. Trong những doanh nghiệp lớn, có thể kể thêm : Công ty dịch vụ hàng không phía nam (cung cấp dịch vụ trực thăng cho các hãng dầu khí cũng như cho du khách), Tổng công ty miền Trung khai thác cao su, cà phê và gỗ ở Tây Nguyên ; Công ty xây lắp Thuận An. Nhiều doanh nghiệp quân đội có quy chế pháp luật ngang hàng với các xí nghiệp quốc doanh trong việc tìm kiếm nguồn đầu tư nước ngoài. Số liệu thống kê năm 1995 cho thấy quân đội đã ký kết 49 hợp đồng liên doanh với nước ngoài, trị giá vốn tổng cộng 472 triệu USD. Trong số đó, 34 hợp đồng đang được thực hiện, bao gồm các lãnh vực xây dựng, chế tạo xe hơi, cơ khí và may mặc.

(1) Chúng tôi đã liên lạc với tác giả, và được ông cho biết thêm như sau :

- Hai tàu hộ tống 455 tấn loại M3-Tarantul mua của Nga từ tháng 10-1994, và Việt Nam còn có thể đặt mua hai hoặc ba chiếc nữa. Mỗi tàu hộ tống này được trang bị bằng 4 cỗ phóng tên lửa SS-N-2 STYX. Đây là lần đầu tiên từ đầu thập niên 1980, Việt Nam tăng cường thiết bị hải quân như vậy và qua đó, nâng cao tiềm lực ở Biển Đông.

- Năm 1994, Việt Nam và Nga đã thỏa thuận việc mua bán 6 máy bay oanh kích Sukhoi (bao gồm cả việc đào tạo nhân viên bảo trì, phi công và việc cung cấp máy tập bay). Trị giá 6 máy bay là 180 triệu đô la, trong đó 153 triệu trả bằng ngoại tệ mạnh, phần còn lại bằng nông sản. Năm 1995, Nga mới trao 2 chiếc, song cho đến tháng 5, chưa thấy 2 chiếc này hoạt động.

## hồ sơ “vụ án xét lại”

# Thư của bà Nguyễn Thị Ngọc-Lan, người phụ nữ duy nhất bị giam tù trong “vụ án xét lại – chống Đảng”. Một lá thư gửi cách đây 15 năm, vẫn đợi hồi âm.

Qua những tài liệu chúng tôi đã công bố từ mấy năm nay, người ta có thể thấy được thảm cảnh của hàng trăm gia đình nạn nhân vụ đàn áp “nhóm xét lại – chống Đảng”, đặc biệt là hoàn cảnh bi đát của những phu nữ (xem những lá thư của Bà Phạm Thị Tề, quả phụ của ông Vũ Đình Huỳnh, và của Bà Nguyễn Thị Mỹ, quả phụ của thiếu tướng Đặng Kim Giang). Điều ít người biết, là trong số người bị bắt giam, có một phu nữ : Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan, cán bộ giảng dạy Anh ngữ. Bà bị bắt cùng chồng là ông Phạm Viết, phó tổng biên tập báo Hà Nội Mới. Ông Phạm Viết đã chết trong tù sau 4 năm bị giam giữ không xét xử. Dưới đây chúng tôi công bố toàn văn một lá thư bà Nguyễn Thị Ngọc Lan viết ngày 8.5.1981. 15 năm qua, lá thư này vẫn chưa được trả lời.

Kính gửi : Ông Lê Duẩn, Ông Lê Đức Thọ, Ông Phạm Hùng, Ông Võ Nguyên Giáp, Ông Phạm Văn Đồng, Ông Xuân Thuỷ, Bà Hà Quế,

Bộ Chính trị, Ban bí thư, Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban kiểm tra Trung ương, Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, Ban tổ chức Trung ương, Ban thanh tra Chính phủ, Hội đồng Nhà nước, Ban tổ chức của Chính phủ, Bộ lao động, Bộ nội vụ, Bộ giáo dục, Viện kiểm sát nhân dân, Toà án nhân dân tối cao, Hội Liên hiệp phụ nữ Trung ương.

Kính thưa....,

Tôi là Nguyễn Thị Ngọc Lan, vợ goá của anh Phạm Viết, sinh năm 1932, ở số 43 nhà B1, Khu tập thể Thành Công, công tác tại trường Đại học Sư phạm ngoại ngữ Hà Nội.

Trong những năm qua tôi đã gửi nhiều đơn đến các cơ quan lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, trình bày về sự đối xử bất công tôi phải chịu đựng trong gần 14 năm trời, và xin gặp đại diện của Đảng để báo cáo những thắc mắc của tôi về vụ án “chống Đảng” và về việc tôi bị khai trừ Đảng, nhưng chẳng một cơ quan nào đoái hoài. Khi tôi trực tiếp hỏi thì cơ quan này đẩy cho cơ quan kia và không có lấy một lời giải thích. Vì vậy tôi làm đơn này, hy vọng các cơ quan lãnh đạo sẽ không làm ngơ nữa trước nỗi oan khuất của một cán bộ đã cống hiến cả tuổi thanh xuân và toàn bộ tài sản cho Cách mạng (được chồng tôi đồng ý, tôi đã hiến ngôi nhà 250 m<sup>2</sup> ở 169 phố Bà Triệu, là tài sản của bố mẹ tôi chia cho tôi từ năm 1945), không dửng đứng nữa trước những nỗi đắng cay, cơ cực mà một phụ nữ đã phải chịu đựng suốt 14 năm qua và còn phải chịu đựng chưa biết đến bao giờ nữa.

Tôi hoạt động tích cực trong Phòng trào học sinh kháng

chiến nội thành Hà Nội từ năm 17 tuổi (năm 1949) và được kết nạp Đảng năm 1950. Bị địch bắt và tra tấn, tôi vẫn giữ khí tiết cách mạng, bảo vệ cơ sở và tài liệu mật (việc này được cán bộ thanh niên, bí thư chi bộ và quận uỷ viên nội thành xác nhận). Đầu năm 1953, được đoàn thể cho phép, gia đình cho tôi sang Pháp để chữa bệnh và học tập. Ở Pháp, tôi tham gia phong trào kháng chiến của kiều bào yêu nước ở Paris. Tháng 8-1954, đoàn thể gọi tôi về nước làm công tác chuẩn bị tiếp quản Thủ đô, từ đó tôi vào biên chế Nhà nước.

Ngày 26-7-1967, chồng tôi bị bắt vì cái tội người ta gán ghép cho là “chống Đảng” và “làm tình báo cho Liên Xô”. Trong khi bị giam, anh đã viết một lá đơn dài mực chục trang gửi Bộ Chính trị, đề nghị thẩm tra lại vụ án mà anh cho rằng có nhiều điều uẩn khúc này, và khẳng định rằng anh không tham gia và không hề biết một tổ chức chống Đảng nào hết. Anh còn viết nhật ký và chúc thư để gửi cho tôi với ý định trao trách nhiệm cho tôi tìm cách minh oan cho anh (các tài liệu này đã bị tịch thu).

Ở đây, cùng với tư cách cá nhân, tôi còn xin tuân theo ý nguyện của chồng tôi, một cựu sĩ quan Quân đội Nhân dân, từng đổ máu bảo vệ Tổ quốc và mang thương tật từ năm 1946, một đảng viên trung thành với lý tưởng Cộng sản, đã chết oan trong nhà tù của ta ngày 31-12-1971, mà khẩn thiết đề nghị Đảng và Nhà nước sớm cắt bỏ sợi dây oan nghiệt đã thắt buộc gia đình tôi, gây ra bao nỗi đau đớn, thảm thương, tủi nhục.

Chồng tôi bị bắt khoảng mươi ngày (lúc đó tôi đang dạy học ở nơi sơ tán) thì đến lượt tôi bị bắt trong khi đi đường. Thế là tôi không cản dặn được hai đứa con thơ dại của tôi được lùi nào và cũng không được phép nhờ cây ai giúp tôi nuôi nấng, dạy dỗ các cháu. Các cháu đang còn nhỏ dại, đang tuổi cần được bồi dưỡng, nâng niu, chăm sóc, vậy mà bỗng trở nên bơ vơ như trẻ mồ côi, lạc lõng như chim non mất tổ ấm, thật đáng thương tâm ! Mỗi khi nhớ lại cảnh tượng đau lòng này, tôi không cầm được nước mắt. Còn bé bỏng mà các cháu đã phải chịu khổ về vật chất, thiếu thốn tình thương, các cháu bị rêu rao là “con nhà phản động”. Tôi nghiệp cho các cháu biết chừng nào !

Tôi bị giam hai năm rưỡi, vì lý do gì ? Ông Lê Thành Tài nói với chồng tôi rằng tôi có nhiều hành động nguy hại cho Đảng và Nhà nước : hồi ở Pháp tôi được tình báo Pháp huấn luyện rồi đưa về nước hoạt động, tôi làm tay sai cho bà Freda Cook (đảng viên Đảng Cộng sản Anh, là chuyên gia tiếng Anh ở trường Đại học sư phạm và là bà giáo của tôi). Theo ông Tài, bà là tình báo của Anh. Lúc đó các Đảng cộng sản Pháp, Anh v.v... ủng hộ Liên Xô chống Trung Quốc đều bị

coi là tay sai của đế quốc hoặc của Liên Xô cả.

Tôi bị truy hỏi về quan hệ bạn bè của chồng tôi, và quan hệ của anh với Liên Xô. Về tôi, hầu như người ta không hỏi gì. Thì ra tôi bị bắt cốt để khai thác về chồng tôi và bạn bè của anh, những đảng viên lâu năm có nhiều công lao với cách mạng — tức là về cái gọi là “tổ chức chồng Đảng” và về “tổ chức tình báo của Liên Xô”, những đồng chí Liên Xô công tác ở Việt Nam trong thời kỳ đồng chí Brejnev.

Người ta nói với tôi nhiều lần rằng nếu tôi tự mang nộp tài liệu “chủ nghĩa giáo điều” (1) thì không bị bắt. Gần đây, ông Vũ trưởng Vụ bảo vệ Đảng, Ban Tổ chức Trung ương (2), nói rằng tôi phạm tội hiện hành — cất giấu tài liệu “chủ nghĩa giáo điều” là “bản cương lĩnh của tổ chức phản động” nên bị bắt. Tôi được biết đây là tài liệu phê phán chủ nghĩa giáo điều đã gây nhiều hậu quả tai hại ở nước ta, có dẫn chứng cụ thể.

Tôi trước sau không hề nhận tội “chồng Đảng” và “làm tay sai cho Liên Xô”. Nhưng tôi bị bắt buộc phải vẽ sơ đồ “tổ chức phản động” và “tổ chức tình báo của Liên Xô”. Tôi nói thật là tôi không biết tổ chức phản động và tình báo nào cả, nếu phải vẽ thì là vẽ theo tưởng tượng, và tôi yêu cầu được ghi rõ trong phần chú thích như vậy. Cán bộ chấp pháp gợi ý cho tôi vẽ hai bản sơ đồ, nhưng không cho tôi viết chú thích như đã hứa với tôi. Số rằng người ta dùng hai bản sơ đồ làm bằng chứng kết tội tôi và người khác, tôi đòi lại thì lúc đầu người ta nói là không cần dùng đến, sẽ trả lại, nhưng rồi không trả, nói là huỷ đi rồi. Việc này khiến tôi nghi ngờ có điều mờ ám.

Tôi bị giam ở Hoá Lò và Trại giam quân pháp Bát Bạt. Bữa cơm ăn không đủ no, trời rét không đủ chăn áo ấm, đêm đông hai vai lạnh buốt, không thể nào ngủ được, vệ sinh thân thể bị hạn chế. Đắng đắng hàng năm trời tôi không được thư từ cho chồng, con, không được gặp mặt chồng con. Biết bao nỗi lo âu dày vò tôi : ai nuôi dạy con tôi, ai bảo vệ tính mạng cho các con nhỏ dại của chúng tôi trong lúc địch bắn phá dữ dội ; chồng tôi bị bệnh tim nặng, thiếu bồi dưỡng, thiếu thuốc men, thiếu sự chăm sóc, lại bị giam một mình một xà lim, lúc lên cơn đau tim đột ngột làm sao kêu cầu cứu được ? Tôi rất lo cho tính mệnh của anh. Tôi năn nỉ xin viết vài chữ hỏi thăm sức khoẻ và bệnh tình của anh cũng không được. Sự hành hạ về vật chất không đáng sợ bằng sự hành hạ về tinh thần. Tôi đã sống những năm tháng khủng khiếp trong nhà tù. Lúc nào cũng chỉ thấy bốn bức tường vây kín, không nghe thấy tiếng người. Gặp người hỏi cung thì toàn những lời móm cung, truy ép, đe doạ. Có lần ông Ngự, Cục phó Cục chấp pháp, hỏi tôi về ban lãnh đạo của tổ chức. Tôi có biết tổ chức nào đâu thì làm sao biết ai lãnh đạo. Sau khi tôi khai cung, ông Ngự xé đi và quát : « Muốn rục xương trong tù, không muốn về với con cái hả ? Không chịu khai sẽ có cách bắt phải khai.» Lúc đó tôi đã chuẩn bị tư tưởng vào nằm trong hầm tối hoặc bị tra tấn.

Năm 1970, ra tù rồi, tôi vẫn không được viết thư, không được tiếp tế cho chồng tôi. Tôi cảm thấy tính mạng anh bị đe doạ. Tôi gửi nhiều đơn thiết tha cầu khẩn ông bộ trưởng Bộ nội vụ cho ba mẹ con tôi đi thăm anh, nếu tôi không được đi

thì cho em chồng tôi đưa các cháu đi. Hai cháu cũng phải viết đơn xin ông Trần Quốc Hoàn, thương các cháu mà cho các cháu được ít nhất một lần vào tù ôm ấp bố các cháu. Và phải mất hàng năm ròng những lời cầu xin thương tâm của các cháu bé bỏng mới được chấp nhận. Em anh Viết xin giấy phép đưa mẹ con tôi đi để giúp đỡ và bảo vệ trong khi đi đường, không được cấp. Ba mẹ con tôi trèo đèo lội suối lên tận Yên Bái thăm anh Viết. Phải leo những cái dốc cao dài hàng cây số, các cháu mệt quá, nằm vật bên đường kêu không đi được nữa. Đi đường cực nhọc như vậy mà chỉ được thăm anh Viết một giờ. Các cháu xin được ngủ lại với bố cháu một đêm cũng không được.

Kính thưa...

Các đồng chí có ngõ đâu chế độ nhà tù lại như thế ! Các đồng chí vẫn tưởng rằng Đảng đối xử với chúng tôi theo cách “giải quyết nội bộ” tuy rằng Đảng phải mượn đến nhà tù, là cái công cụ mà Đảng không có, để giam giữ chúng tôi. Nhưng sự thật là nhu vậy. Tôi xin phép nói rằng chúng tôi đã bị đối xử còn hà khắc hơn nhà tù của đế quốc. Lenin bị tù vẫn nhận được sách báo, thư từ và vợ Lenin được cùng sống với Lenin ở nơi tù đày. Đảng viên Đảng Cộng sản Nhật Bản từ nhà tù đã gửi thư ra chào mừng đoàn đại biểu nước ta sang thăm nước Nhật. Còn chúng tôi ! “Giải quyết nội bộ” là như thế chăng ?

Lần thứ hai tôi thăm chồng tôi vào lúc anh phải đi cấp cứu ở bệnh viện Thái Nguyên. Tôi không sao quên được hình ảnh hãi hùng này. Chồng tôi nằm trên giường bệnh, trong căn phòng cửa sổ bịt kín và giữa nửa tiểu đội công an lạnh lùng giám giữ.

Lần cuối cùng tôi vào thăm anh là ở nhà tù Thái Nguyên, cũng chỉ gặp trong chốc lát. Và rồi chồng tôi mất ngày 31-12-1971 trong cảnh cô đơn của thân tù tội. Anh không được vĩnh biệt mẹ già, vợ yêu, con dại trước khi nhắm mắt xuôi tay với nỗi oan lớn trong lòng chưa cởi mở. Ôi, đau xót, thảm thương biết chừng nào ! Lúc ấy Đảng chưa có quyết định khai trừ anh, vậy mà Đảng nỡ để cho một đảng viên chết trong tù như vậy.

Kính thưa...

Làm sao cho người chết sống lại được !

Chồng tôi chết rồi vẫn không được yên. Đầu năm 1979, khi ba mẹ con tôi lên Thái Nguyên bốc mộ, đưa hài cốt anh về quê ngoại thì bị giữ lại ở đồn công an thị xã Thái Nguyên cả một buổi và phải nộp phạt vi cảnh mấy chục đồng.

Tai họa rõ ràng cứ đeo mãi lấy chúng tôi.

Bản thân tôi bị khai trừ Đảng về tội “tham gia tổ chức phản động” và “làm tay sai cho Liên Xô”, theo quyết định của Ban kiểm tra Trung ương ký tháng 7-1974. Đây là một sự kết tội thiếu căn cứ pháp lý và không đúng điều lệ Đảng vì lẽ tôi chưa bao giờ nhận hai tội này ; tôi không được tự bảo vệ ở chi bộ hoặc ở một cơ quan của Đảng và Nhà nước, mà chỉ là do cơ quan an ninh kết tội không cần lời thú nhận, không cần nhân chứng và bằng chứng. Ngay sau khi nghe đọc quyết định khai trừ Đảng và trong sáu năm qua, tôi đã nhiều lần gửi đơn khiếu nại và xin gấp đại diện của Đảng để được

phát biểu ý kiến, nhưng không hề được hồi âm.

Trong đơn này tôi xin kêu to lên rằng :

1) Việc bắt giam tôi là hoàn toàn vi phạm hiến pháp, vi phạm pháp luật của nước ta.

2) Việc khai trừ tôi hoàn toàn không đúng với nguyên tắc sinh hoạt Đảng.

3) Sự đối xử tàn nhẫn đối với tôi và với các con tôi từ khi tôi ra tù đến nay hoàn toàn ngược lại với chủ nghĩa nhân đạo cộng sản, thậm chí đã vi phạm nhân quyền tối thiểu.

Ra tù rồi, tôi vẫn tiếp tục bị trừng trị, đày đoạ.

Tôi đã phải nuôi con bằng nửa lương là 35 đồng. Tháng 11-1972 tôi được phép trở lại làm việc ở trường cũ, và bị đối xử tàn nhẫn. Pháp luật quy định người bị toà kết án tù và đã được ba năm thì được vào biên chế. Tôi không bị toà kết án tù và đã làm việc gần 9 năm mà gần đây nhà trường vẫn ép tôi ký hợp đồng mặc dù tôi chưa ký hợp đồng bao giờ. Tôi dùng hai-ngoại ngữ trong công tác (từ 1955 đến nay) mà chỉ được trả lương bằng người mới ra trường chỉ làm một ngoại ngữ. Có thời gian tôi bị đình chỉ sinh hoạt công đoàn và học tập chính trị không có lý do. Năm 1975 có lúc tôi đã bị sa thải không có lý do và không có quyết định. Người ta gây khó khăn cho tôi trong công tác, trong cuộc sống, cản trở tôi làm thêm ngoài giờ để có tiền nuôi con. Người ta bao vây, cô lập tôi, rêu rao tôi là phần tử xấu, vu khống tôi nhiều điều xấu xa trái ngược sự thật. Đã nhiều lần tôi làm đơn khiếu nại về sự đối xử của nhà trường, tôi viết rằng trong những năm qua làm việc ở trường tôi đã phải trải qua nhiều cơn hoang mang, chán nản đến cực độ.

Kính thưa...

Không thể viết hết những nỗi đắng cay mà tôi đã phải chịu suốt 14 năm nay. Tôi bị tù oan, không có sự phán xét của toà án — tức là trước pháp luật tôi không hề can án — vậy mà sau khi ra tù tôi hoàn toàn như người bị tù án treo vô thời hạn. Gần đây tôi hỏi ông Vụ trưởng Vụ bảo vệ Đảng (2), Ban Tổ chức Trung ương về công tác, chính sách, chế độ và quyền lợi mà tôi được hưởng thì ông trả lời tôi là việc đó do Bộ nội vụ giải quyết. Xin phép hỏi các đồng chí : ở nước ta có công dân nào lại do Bộ nội vụ đặc biệt quản lý suốt 14 năm nay và còn về sau này nữa như tôi không ? Trừng trị vô cớ một người phụ nữ đến như vậy thật là tàn nhẫn hết chỗ nói !

Bố mẹ đã thế thi con cái chúng tôi cũng nhất định chịu số phận tối tăm. Các cháu không được học hành đến nơi đến chốn, phải đi học nghè từ năm 17 tuổi để nuôi thân. Các cháu có nghề, có sức khỏe, nhưng không nuôi nổi thân mình, vẫn phải sống vào tiền lương ít ỏi (66 đ) và sức lao động đang tàn tạ sau 10 năm lao lực nuôi con của tôi. Cháu lớn 25 tuổi, là công nhân cơ khí bậc 2, ít khi lãnh đủ lương vì thiếu việc làm. Khi xí nghiệp lấy người đi lao động ở nước ngoài, cháu làm đơn xin đi không được, vì lý lịch. Cháu bé trượt thi tốt nghiệp lớp 10 cũng vì lý lịch. Cháu ra nghè đã 15 tháng nay mà chưa được phân công, trong khi các bạn cùng học nghè với cháu đã đi làm từ lâu. Cũng vì lý lịch. Con trẻ phải chia sẻ đến cùng cái oan của bố mẹ.

Đau khổ quá, tôi những tưởng nước mắt tôi đã khô cạn

mất rồi, nhưng khi viết đơn này, báo cáo với các đồng chí tấn thảm cảnh của cái gia đình khổng lồ của chúng tôi, tôi phải nghẹn ngào nước mắt...

Chúng tôi tin yêu Đảng, tin yêu chủ nghĩa cộng sản, tin yêu Liên Xô, do đó chúng tôi không thể không phản đối chủ nghĩa Mao và những người trung thành với nó, lúc đó đang mặc sức hoành hành ở nước ta. Thế nhưng chúng tôi lại hứng chịu tai họa : thân ngồi tù, danh mang tội “ chống Đảng và làm tay sai cho Liên Xô ”. Ôi, phi lý đến cùng cực ! Công bằng ở đâu ? Chính trực ở đâu ? Lâu nay người ta vẫn xì xào vợ chồng tôi là “ giàn diệp của Liên Xô ” thì nay người ta nghĩ thế nào khi người ta nói : “ Đoàn kết, hợp tác với Liên Xô là vấn đề nguyên tắc và là một điều kiện quyết định đối với thắng lợi của Cách mạng nước ta ” (xã luận báo Nhân Dân ngày 4-7-1980) ?

Viết đơn này, tôi xin nhân danh cá nhân một người mẹ, một người vợ và nhân danh oan hồn của chồng tôi, một đảng viên trung thành với lý tưởng cộng sản, trân trọng và tha thiết đề nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Quốc hội và Hội đồng Chính phủ :

1) Xem xét lại vụ án đã bị kẻ xấu dựng lên và đặt cho cái tên “ chống Đảng ” và “ làm tay sai cho Liên Xô ”, giải oan cho vợ chồng tôi cùng tất cả những đảng viên, cán bộ bị dẩy vào trong vụ này, phục hồi danh dự và trả lại mọi quyền lợi cho chúng tôi.

2) Xét xử Hoàng Văn Hoan (3) và bè lũ tay sai của bọn cầm quyền mao-ít Trung Quốc, đã dựng lên vụ án này để bôi nhọ Liên Xô, chia rẽ Đảng ta với Đảng cộng sản Liên Xô, hãm hại những đảng viên, cán bộ trung thành với Đảng, có tinh thần dũng cảm bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Marx-Lenin và chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Tôi tin tưởng chân lý sẽ thắng và Đảng yêu quý của chúng ta sẽ tiến bước vững mạnh.

Xin chân thành bày tỏ trước lòng biết ơn của tôi. Kính gửi các đồng chí lời chào kính trọng.

Cuối cùng, ở đơn này, xin các đồng chí lắng nghe cho cả tiếng nói cảm lặng từ cõi bên kia của anh Phạm Việt.

Hà Nội ngày 8 tháng 5 năm 1981

Nguyễn Thị Ngọc-Lan

#### Chú thích của Diễn Đàn :

(1) Có lẽ đây là bản thảo cuốn sách “ Về chủ nghĩa giáo điều ” của ông Hoàng Minh Chính, Viện trưởng Viện Triết học. Bản thảo đã bị tịch thu mùa hè 1967 khi ông Chính bị bắt.

(2) Tức là ông Nguyễn Trung Thành, người nắm giữ chức vụ này từ 1962 đến 1988. Phải tới năm 1994, ông Thành mới nghiên cứu được toàn bộ hồ sơ “ vụ án ” và ngày 3-2-95 đã gửi thư cho lãnh đạo Đảng cộng sản Việt Nam yêu cầu minh oan cho các nạn nhân (xem Diễn Đàn số 41, tháng 5.95). 5 tháng sau, ông đã bị khai trừ khỏi đảng (cùng với ông Lê Hồng Hà).

(3) Ngày nay, chúng ta biết rằng người chủ mưu vụ đàn áp này là ông Lê Đức Thọ ; ông Hoàng Văn Hoan không có trách nhiệm cá nhân trực tiếp gì. Có thể giả định rằng khi viết thư này (năm 1981), bà Ngọc Lan cũng biết rất rõ điều ấy ; lúc đó, ông Hoan đã bỏ trốn sang Trung Quốc, nên bằng cách chia mũi dùi vào ông ta, bà Ngọc Lan muốn mở đường ra cho lãnh đạo DCS.

# thơ Phùng Cung

## Đò khuya

Đêm về khuya  
Trăng ngả màu hoa lý  
Tiếng gọi đò  
Cảng chỉ ngang sông.

## Làng xanh

Làng tôi xanh  
Xanh-kép xanh-dơn  
Miệng chim bốn mùa  
Nức mùi quả chín  
Giọng hót thơm  
Thơm tận chỗ chưa thơm  
Ngô lúa quanh làng  
Một màu xanh-cánh-chấu  
Bát ngát xanh  
Hoa gạo cẩm cờ  
Cành khoáng — gió xuân.

## Đêm ven sông

Chó sửa làng xa  
Sửa hơn xốc ốc  
Sáo diều ai hót-gió  
ven sông.

## Tạnh mưa

Mưa vừa tạnh  
Rau cỏ quanh vườn  
Dậy mùi — dòng giống  
Dưới bóng cây  
Gà rình mổ hạt-nắng-non.

## Gia cảnh

Nắng lên mấp mí sân rêu  
Mái rạ thằn lằn rọc rạch  
Xì xet sái nhì — tắc điếu  
Cút tương kiến gió đánh dai  
  
Rổ không hờ hững quang treo  
Nắng thả chào mào — nghênh nghé  
Chó vẽ bông gầy sân bếp  
Gió — khêu tã vá — múa may.

## Cây khế

Này em !  
Cây khế gãy rồi  
Nỗi chua vắn hỏi thăm  
Người trồng cây.

## Chạng vạng

Chạng vạng chiều — rơi  
Trên xóm nhỏ  
Con chó hoang  
Ngoạm vành khăn tang  
Rượt theo lòng xóm  
Tôi ngã ba — nhón nhác  
Lại cầm đầu rượt tiếp  
Phía trước mặt trời đang tắt  
Vầng trăng đang mọc phía sau.

## Gặp thu

Trở dậy gặp thu  
Không gian ngập mùi ổi chín  
Mùi — nấm ngoái  
Đáy nước ao bèo  
Mây trắng lênh đênh  
Bâng khuâng mình tự hỏi mình  
Trời thu thả-nắng  
Giếng đình vắng ai.

## Nắng đồng trinh

Khúc ruột dứt  
Vương thầm chút nghĩa  
Ê vai khổ luy  
Chiều-hoa-râm  
Gội nắng-dồng-trinh.

## Nghiêng huy

Tình cờ gặp em  
Em đã là sư bác  
Nhìn trước nhìn sau  
Em khẽ khóc  
Mái tam quan  
Thánh thót tiếng — chim — rơi  
Ngại đường tu dang dở  
Em vội lau nước mắt  
Vật áo nâu đắm màu cát bá  
ngày xưa

Trót nhô mãi  
Một chiều nghiêng luy  
Nước mắt em sư  
Lã chã trăng — Kiều.

## Cây đào

Thương cây đào ốm  
Xuân về chẳng nụ hoa  
Lá gầy run gió lạnh  
Cây cũng có thời vận ư ?

## Hoa quỳnh

Trăng lên hàm tiểu  
thần thờ  
Nửa chừng trăng xế  
Chịu giờ mãn khai.

## May mắn

Sáng nay may mắn ra đường  
Đi một quãng  
Gặp toàn người Đẹp  
Tôi sung sướng  
Trào nước mắt  
Muốn đưa lưng  
Làm thảm trải lối đi

## Trà

Quất mãi nước sôi  
Trà đau nát bã  
Không đổi giọng Tân Cương

## Thanh thản

Mô hình tôi  
Một trẻ thơ  
Ngoạm củ dày  
Đứng thẳng người trong xóm  
Quý đạo tôi  
Thư thái — loằng ngoằng  
Xó bếp — bờ ao  
Cảm ơn cao rộng  
Tôi may mắn  
Được dùi về bản quán  
Thanh thản tháng ngày  
Bờ ao — xó bếp

## Khi tôi chết

Tôi thèm cái lặng lẽ  
Ngoài vòng hương, nhạc  
Nếu tái sinh  
Tôi chẳng ước ao gì khác  
Chỉ mong được như kiếp trước  
Xó bếp đói, no  
Bờ ao tắm mát

Phân cánh cò  
Mưa — nắng — phong dao.

Những bài thơ của Phùng Cung được trích từ tập thơ **XEM ĐÊM** (Nhà xuất bản Văn Hoá – Thông Tin, Hà Nội, 1995), gồm 200 bài thơ của tác giả.

Nguyễn Duy

# chùm thơ mùa phơi

## FERIA DE NIMES

*Người ta trẩy hội đấu bò  
mình đi đoán mộng thăm dò tình say*

*Chấp gì đèn đỏ rủi may  
nằm nghe chim nũng nịu cậy tiêu huyền*

Nimes, 24.5.1996

## GIÁC ĐẤU

*Arène rùng mình nghìn năm tuổi đá  
con bò mộng phát khùng giữa trùng người lên cơn  
thần kinh  
nỗi cô đơn đợi chờ cuộc hành hình bắt ngay*

*Nỗi cô đơn không có gì che chở  
vềnh tai ngơ ngác đấu trường cát  
gió mơ hồ rì rào đồng mùa xuân  
nghênh mũi ngửi mùi cỏ non xa vắng*

*Nỗi cô đơn sùi bọt mép cầm hờn  
nhận diện kẻ đối diện thay mặt nhân loại  
mũi kiếm sắc giấu sau màu huyết tẩm vải*

*Nỗi cô đơn cất tiếng rống tuyệt vọng  
lao vào cuộc giác đấu không sòng phẳng  
gục ngã cuối màn vòn diễn của chính kẻ soạn kịch  
bản  
và ra đi... để lại vết máu dài*

*Thêm một anh hùng xèo tai bò lên ngôi  
thêm một ma bò nhập vào lối người  
và cứ thế... thêm từng đàn bò cười*

*Không thể hiểu tại sao nhiều suông vui đến thế  
khi người ta chiến thắng một con bò trần truồng*

*Không thể hiểu tại sao nhiều diên cuồng đến thế  
khi đàn bò giết chết nỗi cô đơn*

Nimes, 25.5.1996

## LA LOIRE

*Dặm về xa quá trôi xa  
bóng cây thông theo màu hoa ôm ờ*

*Mỗi lòng dang cẳng phơi mở  
chợt rơi tiếng quạ vang bờ sông Loa  
St Florent le Vieil, 20.6.1996*

## TUNNEL DE LA MANCHE

*Lỗ đèn thăm sâu dưới đáy của đáy đêm  
xa cách đáy nước vài trăm thước gì đó  
xa cách mặt nước dăm trăm thước gì đó  
xa cách đồi thường khoảng từ dài danh vọng  
tới âm phủ  
xa cách em yêu khoảng giấc mơ dài cộng thêm  
cơn ác mộng ngắn ngắn*

*Ta đang qua con đường không bình thường  
không tầm thường  
ý nghĩ tản漫 đáy của đáy biển  
không thể đo lường những khoảng cách tâm tưởng*

*Ai chả ưa mơ bay tốc thiên đường  
chả ai mơ chui tận đáy của đáy địa ngục  
người trái đất xoay tít mù ngoài trái đất*

*Hè nhau đi guốc vào bụng vũ trụ  
tộc mạch cõi khác  
nào ai xuyên tim đèn hành tinh  
hội chứng mù lòng tối chính mình*

*Thù tự mổ moi gan mật ra coi ?  
tự chui hầm ruột mình coi ?*

*Khó !...*

London, 10.6.1996

## LONDON

*Sương mù vén áo Hoàng Gia  
ánh vàng hội chợ phù hoa lập loè*

*Bóng mây dần vặt mặt hè  
vài tia nắng gây loe ngoe góc vườn*

*Nhàn cu hong nôn hong nướng  
ta hong ké khúc đoạn trường. Mắt meo...  
Green Park, 16.6.1996*

## **Sau hơn một năm trình diễn ở Âu-Mỹ Hạn hán và Cơn mưa đến với công chúng Việt Nam**

Sau bốn vòng lưu diễn ở 11 nước Âu-Mỹ, được sự hưởng ứng nồng nhiệt của công chúng và giới phê bình, cuối cùng vở múa *Hạn hán và Cơn mưa* (*Sécheresse et Pluie*) của Đoàn Ea Sola đã đến được với công chúng Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh (ngày 1 và 2.9), Hà Nội (5 và 6.9) và Thái Bình (9.9), quê hương của hầu hết các diễn viên vở múa, cũng là nơi Nguyễn Thuý Ea Sola lặn lội suốt mấy năm trời mang nặng đẻ đau ra tác phẩm nghệ thuật độc đáo và giá trị ấy<sup>(1)</sup>.

Công chúng trong nước đã tiếp nhận ra sao? Báo chí và giới quan chức văn hóa phản ứng thế nào? Đó là những câu hỏi mà ai quan tâm tới nghệ thuật Việt Nam cũng đặt ra, tò mò thì ít, mà mừng, lo thì nhiều.

Nỗi lo đã trở thành sự thật khi chúng tôi nhận được bài báo của ông Đức Kôn đăng trên *Tuổi Trẻ* ngày 5.9, bài phê bình đầu tiên xuất hiện trên báo chí Việt Nam sau hai buổi trình diễn ở Thành phố Hồ Chí Minh.

Dưới tựa đề “**Hạn hán và cơn mưa : Bức tranh quá buồn về người Việt!**”, tác giả vào thẳng vấn đề :

« (...) sau khi xem tác phẩm này đêm 2-9 vừa qua, tôi hoàn toàn đồng tình với cảm nhận chung của một nhà nghiên cứu văn học cổ : “Sao người ta lại có thể làm ngơ, chấp nhận sự bô bác người Việt một cách thô thiển như vậy?! ”.

« *Điễn ở các trời Tây, có thể sắn một cách nhìn méo mó về dân tộc ta, hoặc là sự tò mò, chuộng lạ, người ta đã tỏ ra thích thú trong việc thưởng ngoạn những “trò lạ” mà Ea Sola đã bày ra trên sân khấu (...).* Người ta xem các me như những vật lạ. Thôi thì họ thích ngắm nghĩa những chiếc nón lá, những hàm răng đen... cũng chả sao. Nhưng lợi dụng sự thật thà của những bà già nông dân thứ thiệt này, bảo họ “múa” để họ không còn là họ nữa, thì rõ ràng là không ổn. Ngày nay : cứ người lắc, kẻ gật, người bẩm, kẻ chặt, có người rùng mình như lên cơn động kinh, rồi tất cả ngửa mặt trông trời, tất cả deo vào mắt những cặp kính đen mù loà, tất cả xoá tóc như điên như dại trên sân khấu, tất cả vặn vẹo hình hài, đưa tay khoằm ngón lên trời, rồi nhẹ răng cười như những người tiền sử...

« Người nông dân VN trong quá khứ hiển nhiên là nghèo khổ và dẫu phải chịu bao tầng áp bức, bất công, nhưng vẫn là động lực phát triển chủ yếu của xã hội. Nếu họ man rợ, dị dạng như Hạn hán và cơn mưa mô tả, hẳn là những kẻ ngoại bang đã đẩy họ về thời kỳ đồ đá từ lâu. Còn những nhân vật lịch sử, những danh nhân văn hóa của suốt 4.000 năm lịch sử và những chiến sĩ đã hi sinh trong hai cuộc chống Pháp và chống Mỹ, được vở múa thể hiện thuần tuý là những “hình nhân” và những bức truyền thần. Cũng lạ, đã có được cả những bức truyền thần của Ngô Tất Tố, Thế Lữ, Nam Cao... mà sao những vĩ nhân đương đại khác lại vắng mặt? Càng khó hiểu hơn, đó là cảnh những bà mẹ rút trong túi ra những tấm hình của những liệt sĩ, đưa ra trước mặt với vẻ giận dữ, tố cáo, như đòi câu trả lời. Giận dữ, tố cáo và đòi ai trả lời đây?

« Quả là một bức tranh quá khứ ám đạm! Mà người xem không thể không liên hệ với hiện tại như một sự ám chỉ. »

(1) Tháng 10 và 11, Đoàn Ea Sola sẽ lưu diễn (lần chót?) ở Âu Châu : xem lịch trình diễn ở trang 3 số này.

Trên đây, chúng tôi trích hầu như toàn văn phần nói về nội dung vở múa. Để bạn đọc có thể bình tâm nhận định, cũng nên nói thêm : theo những thông tin của chúng tôi, ông Đức Kôn là người chân thực, viết những gì mình nghĩ, chứ không viết theo chỉ thị. Đó cũng chính là điều đáng làm chúng ta suy nghĩ : cái nỗi trạng rập khuôn chính trị thời sự, xét nét nghệ thuật da âm, da nghĩa, bằng một thước đo duy nhất : nó *bóng gió* gì đây, nó *ám chỉ* ai đó?

Chúng tôi xin miễn trích phần phê bình nghệ thuật của ông Đức Kôn, vì cho đến nay ông mới chỉ viết về kịch (và đã từng phán những bài khá nặng về Lưu Quang Vũ), chưa quen nghệ thuật múa, nên tưởng nhìn thấy ở *Hạn hán và cơn mưa* ảnh hưởng của nghệ thuật Nô của Nhật (chắc ông Kôn chưa có dịp xem múa *Buto*, ra đời ở Nhật sau năm 1945, một phần chính là để phản kháng truyền thống Nô). Điều đó, có thể thông cảm được. Khó thông cảm hơn, là khi tác giả kết luận phần này bằng một câu : « *Chèo nửa vời, pha một tí Nô, nhưng đậm đặc hơn cả, như đã trình bày, lại là những biểu hiện thô thiển của một thứ chủ nghĩa tự nhiên do Emile Zola — người Pháp — làm chủ soái, đã cáo chung gần 200 năm qua!* ». Sự uyên bác còn đèo thêm cả Zola, ra đời năm 1840, mà dám làm chủ soái một trào lưu mà ông Đức Kôn đã cho nó cáo chung từ trước đó nửa thế kỷ.

Đáng lo hơn cả là đoạn kết của bài báo. Nó nói rõ thực chất của bài viết, hoàn toàn độc lập với lãnh vực nghệ thuật :

« *Cũng thật khó hiểu, đối với những bà nông dân, người ta bảo sao làm vậy, tội nghiệp đã dành, còn với ai đó có hiểu biết, sao lại có thể hợp tác một cách mẫn mà với cô đạo diễn người Pháp còn quá ngây thơ về tất cả các mặt, để dựng nên một vở múa đáng buồn như Hạn hán và cơn mưa ?!*

« *Hạn hán và cơn mưa sẽ tiếp tục trình diễn ở nhiều nước khác, thiên hạ sẽ hiểu người Việt ra sao, có lẽ ngoài tầm tay chúng ta. Nhưng ở VN, theo thiển nghĩ của tôi, càng dùng trình diễn sớm bao nhiêu, càng sớm chấm dứt được sự bô bác và xúc phạm bấy nhiêu.* »

Hai ngày sau, báo *Tuổi trẻ* (7.9) trích đăng một số ý kiến, có khen, có chê. Ông **Hoàng Túc** (phê bình múa) cho rằng tác phẩm của Ea Sola « *đã làm sống dậy hình ảnh người nông dân VN ngày xưa và do đó gây cảm hứng, xúc động người đương thời* », còn về mặt nghệ thuật, « *đây là một hiện tượng mới lạ, chúng ta nên suy nghĩ và bàn luận thật nhiều, đừng vội phê phán nặng lời* ». Biên đạo múa **Nguyễn Công Nhạc** (Nhà hát vũ kịch Việt Nam) « *trân trọng sự sáng tạo chân thành, nghiêm túc dù bản thân tôi vốn ác cảm dòng múa này. Hạn hán và cơn mưa cảm nhận thế giới tâm linh VN, dù gì đi nữa vẫn tồn tại bằng chính những con người bị dày đoạ (tôi vẫn sống mà!)* ». Một biên đạo múa khác, **Hoàng Phi Long** (đoàn Bông Sen) nghĩ khác : « *Ai cho tôi là ngu, tôi chịu. Nhưng múa không có nghĩa là động kinh. Không thể chấp nhận hình tượng người phụ nữ VN như thế được* ». Ông **Bùi Xuân Hanh**, phó tổng thư ký Hội nghệ sĩ múa : « *Phần mở đầu được, nhưng phần kết về hình thức có cảm nhận như xưa đuổi lịch sử. Chưa bộc lộ tinh thần cái đẹp VN, nhiều đoạn tự nhiên chủ nghĩa* ». Và ban biên tập *Tuổi Trẻ* tuyên bố kết

thúc cuộc tranh luận, sau khi nhận định rằng vỏ múa “ có nhiều sáng tạo ” nhưng “ nội dung có phần quá buồn bã, u tối ”, tác giả “ tuy có tấm lòng với VN bao nhiêu đi nữa, cũng vẫn là một người xa xứ đã khá lâu, những cảm nhận của chị không thể là của người trong cuộc ”.

Không biết phải định nghĩa người trong cuộc bằng những tiêu chuẩn gì. Chỉ biết, ngày hôm sau, tuần báo *Tuổi Trẻ Chủ Nhật* (8.9.96) đăng ý kiến của một nhà báo, một nhà văn, một diễn viên, một tác giả nhạc và một nhà nhạc học. Nhà báo **Lưu Vĩ Lân** (*báo Saigon Times Daily*) viết : « Tôi là một khán giả bình thường, chưa được học bất cứ cái gì về bình luận nghệ thuật, lại nữa là về múa. Nhưng tôi sẽ thất vọng lắm nếu như đến xem đoàn múa đương đại Ea Sola mà gặp một vỏ múa ô, múa quạt, múa sạp với xiêm y lông lẫy... Tôi thích những động tác tiết chế mà Ea Sola sáng tạo hơn, một phần vì tôi thuộc típ người tin rằng người Việt ta về cá tính, về tinh thần, không có truyền thống múa may (thường được xem là quá cợt nhả), một phần nó thể hiện rõ hơn ý tưởng : trong một cơn hạn hán người ta phải hạn chế từng chút sinh lực. Sự sáng tạo trong Hạn hán và cơn mưa chính là : Ea Sola đã tạo ra một vỏ múa đậm tính hội họa và điều khắc (bằng động tác, ánh sáng và âm thanh) ». Nhà văn **Nguyễn Khải** thổ lộ sự xúc động trước hai động tác : « một là cúi xuống, hai là ngửa mặt lên. Ngửa mặt để “ trông trời trông đất trông mây, trông mưa trông gió trông ngày trông đêm ” và cúi xuống, lầm lũi với những bàn tay, những ngón tay. Và cả những bàn chân vàng vọt nút ném. Cùng với tiếng [trống] điểm rợn người của Đỗ Tùng, giọng hát lúc gầm thét lúc mồng mảnh của Văn Morden, Thành Hoài và lời thơ mènh mong hư thật của Nguyễn Duy như thêm một lần qua cách nhìn thành kính sáng tạo của Ea Sola. Minh lại nhận ra gương mặt của chính mình (...) ». Về giá trị nghệ thuật, **Nguyễn Khải** tìm thấy ở vỏ múa một gợi ý : « Hãy đến tận cùng của chính mình, của đất nước mình, tất sẽ [tìm ra (?)] nhiều điều mới mẻ, đẹp đẽ cả về tư tưởng lẫn nghệ thuật ». Diễn viên **Thành Lộc** đã xem hai lần, « lúc đi diễn kịch bên Pháp và lần này tại nhà hát thành phố, vẫn chỉ một ấn tượng duy nhất : sự xúc động », từ khám phá đến nghĩ ngợi về tư cách “ diễn viên chuyên nghiệp ” của mình : « Tại sao ư ? Có lẽ, không chỉ khám phá sự tinh tế của động tác, trên hết là ngôn ngữ sáng tạo kỳ lạ trong vỏ này. Nó làm tôi phải nôn nao. Dũng ai đó làm ra vẻ chung chổ “ sự hiểu biết ”, tạo sự chú ý nào đó để phỉ báng khát vọng sáng tạo của người khác. Buồn lắm. Thực chất, theo tôi nghĩ, đó là thái độ dị ứng cái mới... ».

Nhạc sĩ **Trịnh Công Sơn** : « Khi anh đến với nghệ thuật bằng trái tim thì lúc nào anh cũng hiểu được. Nghệ thuật vốn hồn nhiên, nếu mình không hồn nhiên khi tiếp nhận là mình đã giết nó ngay từ đầu, lòng mình có vết mà lại tưởng người ta có vết. Nếu cứ lấy đầu óc phê phán để xem, xem để xét nét, ché sợi tóc làm tư, sẽ không nhận được những tín hiệu tình cảm của vỏ diễn ». Còn sự buồn bã đã nói ở trên ? Buồn, thì Trịnh Công Sơn cũng buồn : « (...) xem rồi, lại thấy buồn, một nỗi buồn đẹp. Tự nhiên thấy thương dân tộc mình hơn, yêu dân tộc mình hơn, vì những nỗi đau đã phải chịu đựng và vì những khát vọng không ngừng vươn tới. Dân tộc mình biết lắng quên để đi tìm hạnh phúc chứ không muốn ôm lấy quá khứ đau thương để hành hạ nhau. Đối với tôi, đây là bản án tố cáo chiến tranh và lồng vào đó là khát vọng được sống, được hạnh phúc như mọi dân tộc khác. Một vỏ múa như vậy có thể tranh tài với thế giới và khuyến khích được sự sáng tạo ở Việt Nam. » Có mặt trong nước đúng dịp này, giáo sư **Trần Văn Khê** đã phát biểu : « Với cá nhân tôi, là một người VN, tôi không hề cảm thấy có gì là đáng xấu hổ cho người

VN... mà thậm chí ngược lại, còn vui mừng khi nhìn thấy sự cảm động và kính trọng hiện lên trên nét mặt của các khán giả bao gồm cả các nhà phê bình nghệ thuật chuyên nghiệp nước ngoài sau khi xem vỏ diễn. Riêng phần âm nhạc và lời thơ thì đã làm bàng hoàng nhiều nhà bình luận vì họ không ngờ rằng Ea Sola có thể đem vào đó được cái cách tân mới lạ trên nền nhạc chèo cổ của người Việt ».

Qua những đoạn trên, chúng ta cũng có một ý niệm về cuộc tranh luận trên báo chí Việt Nam. Được biết, ngoài *Tuổi Trẻ*, báo *Sài Gòn giải phóng* (ngày 12.9) cũng có bài chỉ trích vỏ múa. Ngược lại, các báo *Thanh niên*, *Người lao động*, *Phụ nữ* (xuất bản ở miền Nam), *Nhân Dân*, *Tiền Phong*, *Lao Động* (xuất bản ở Hà Nội) đăng những ý kiến ủng hộ *Hạn hán* và *cơn mưa* (rất tiếc khi viết bài này, chúng tôi chưa nhận được những số báo ấy).

Còn phản ứng của người xem ? Trong bài tường thuật đăng trên tuần báo *Thanh Niên* (7.9), Ngô Thị Kim Cúc cho biết ở Thành phố Hồ Chí Minh, tất cả vé của hai xuất trình diễn đều bán hết sạch, và tai rập, các hàng ghế đều chật người, “ những ghế bỏ trống, thật đáng tiếc, lại là ghế mời ”. Phòng viên mô tả đêm biểu diễn 2.9 bắt đầu như sau : « Bên trong nhà hát như ngung đọng, cả trên sân khấu và từ khán giả. Màn mở ra... » và lúc kết thúc : « Khi cô dâu – Ea Sola lướt qua sân khấu cùng một con cóc như đứa con trong cánh tay người mẹ, cô di xa dần, dù người biết cười với cái bụng và khúc vĩ thanh vang lên, tất cả vẫn chưa tràn bờ. Chỉ khi những vũ công lão nông đầu tiên bước ra cúi chào khán giả, người ta mới bừng tỉnh, ra khỏi không gian ảo mà họ đã được dắt vào. Tiếng vỗ tay như một cơn bão và từ đó kéo dài đến lúc không thể kéo dài hơn được nữa, Ea Sola bước ra với nụ cười hiếm hoi trên gương mặt thường mệt mỏi và căng thẳng của chị. Vậy là *Hạn hán* và *cơn mưa* đã nhận được câu trả lời, từ khán giả.

« (...) Tôi rất bất ngờ trước sự lặng im tuyệt đối của khán giả và những tràng vỗ tay nồng nhiệt lúc cuối cùng. Vì khán giả mình khi xem những gì không hiểu thường làm ồn hoặc bỏ về. *Hạn hán* và *Cơn mưa* dựng ở nhà hát này bị hạn chế về ánh sáng tuy âm thanh rất tốt. Tiếng nhạc chính xác và những động tác thể hình của các vũ công đã tạo được sự cảm nhận chung cho khán giả về một đất nước và con người với hạn hán, gió nồm và những người nông dân còng lưng trên đất. Nhưng không phải ai cũng hiểu được thứ ngôn ngữ trừu tượng đó. Vì vậy, khán giả vỗ tay tỏ ra rằng họ chia sẻ với tác giả và tôn trọng sự sáng tạo của Ea Sola ». Theo những thông tin viên của chúng tôi ở Hà Nội, thì công chúng Hà Nội và Thái Bình cũng đã phản ứng tương tự.

Về phía chính quyền, tuyên bố duy nhất trên báo chí là của ông **Võ Hồng Quang**, thứ trưởng văn hoá thông tin, phụ trách các tỉnh phía nam, trả lời phỏng vấn của báo *Tuổi Trẻ* (17.9). Ông Quang tuyên bố quan điểm của mình là “ hết sức trân trọng cái mới ”, nhắc lại vỏ diễn đã được các cơ quan chứng nhận “ duyệt ” từ năm ngoái. Ông cho biết đã tổ chức một cuộc họp ở thành phố, mời một số nhà biên đạo múa : « Tôi đặt ra hai vấn đề để lấy ý kiến, đó là : nội dung vỏ có vấn đề gì không và về mặt nghệ thuật có bô bắc không. Kết luận của cuộc họp này là vỏ không có vấn đề chính trị và không có bô bắc dân tộc ».

Đặt trong bối cảnh Việt Nam, đây là một lời nói đáng ghi nhận, cũng như cuộc tranh luận lành mạnh diễn ra trên báo chí. Và nỗi lo của chúng tôi khi đọc bài báo đầu tiên đã nhường chỗ cho sự vui mừng trước phản ứng rất văn hoá mà công chúng trong nước đã dành cho *Hạn hán* và *cơn mưa*.

Kiến Văn

# Những tác phẩm văn học Việt Nam được dịch và xuất bản tại Pháp

Mùa thu ở Pháp là mùa tựu trường, cũng là mùa xuất bản văn học. Hàng trăm cuốn tiểu thuyết văn học Pháp và văn học nước ngoài dịch ra Pháp vẫn được tung ra thị trường, một số nhầm chay đua tranh giành các giải thưởng Goncourt, Fémina, Interalli... hay giải thưởng lớn của Hàn lâm viện.

Mùa thu năm nay, ba nhà văn Việt Nam có tác phẩm được dịch ra tiếng Pháp : Dương Thu Hương, Phan Thị Vàng Anh và Nguyễn Khắc Trường.

Với *Au-delà des illusions* (Editions Philippe Picquier, 282 trang, 139 F, Phan Huy Đường dịch *Bên kia bờ ảo vọng*), **Dương Thu Hương** có 4 tác phẩm được dịch ra Pháp văn. Ba cuốn tiểu thuyết kia là :

- *Histoire d'amour racontée avant l'aube* (*Chuyện tình kể trước rạng đông*), bản dịch của Kim Lefèvre (Editions de l'Aube).
- *Les paradis aveugles* (*Những thiên đường mù*), bản dịch của Phan Huy Đường (Editions des Femmes).
- *Roman sans titre* (*Tiểu thuyết vô đề*), bản dịch của Phan Huy Đường (Editions des Femmes).

Cũng nên nói thêm, tiểu thuyết của Dương Thu Hương đã được dịch và xuất bản tại Mỹ, Anh, Đức, Hà Lan, Nga và Nhật (hiện đang được dịch sang tiếng Ý và Tây Ban Nha).

**Phan Thị Vàng Anh** xuất hiện tại Pháp với tập truyện ngắn *Quand on est jeune*, bản dịch của Kim Lefèvre (Editions Philippe Picquier, 157 trang, 98 F). Tập này gồm 14 truyện ngắn chọn từ hai tác phẩm đầu tay đã xuất bản trong nước : *Khi người ta trẻ và Hội chợ*.

Tiểu thuyết *Mảnh đất lấm người nhiều ma* của **Nguyễn Khắc Trường**, được nhà Editions de l'Aube phát hành dưới tựa đề *Des fantômes et des hommes* (382 trang, 149 F), bản dịch của Phan Thế Hồng, với sự cộng tác của Janine Gillon. Cùng với *Nỗi buồn chiến tranh* (của Bảo Ninh) và *Bến không chồng* (của Dương Hướng), *Mảnh đất lấm người nhiều ma* đã được Hội nhà văn Việt Nam trao giải thưởng năm 1991.

Trước hè, Editions de l'Aube cũng đã xuất bản tập truyện ngắn *Le héros qui pissait dans son froc* (Collection de poche, 82 trang, 69 F). Tựa đề này dịch từ *Người vãi linh hồn*, truyện ngắn của Vũ Bão (Vũ Thị Ngân dịch), một trong 6 truyện ngắn được tuyển dịch. 5 truyện ngắn kia là *Hai người đàn bà xóm trại* của Nguyễn Quang Thiều (Đỗ Phương Mai dịch), *Hạnh* của Nguyễn Minh Dậu (Cao Thị Thanh Hương dịch), *Cậu tôi* của Nguyễn Thị Thu Huệ (Đường Công Minh dịch), *Trò chơi giữa giờ* của Vũ Túc Nghĩa (Đỗ Phương Mai dịch) và *Chi Thìn* của Nguyễn

Quang Huy (Nguyễn Thuý Loan dịch). Các dịch giả là cán bộ giảng dạy Pháp văn ở đại học Hà Nội. Tuyển tập dịch do bà Janine Gillon hiệu đính.

Nhân dịp này, xin đặc biệt giới thiệu (muộn còn hơn không) tập truyện ngắn *Tu dois vivre* (nhà xuất bản You Feng, Paris, 1994, 192 trang) của hai tác giả Nhất Linh và Khái Hưng, do Marina Prevot giới thiệu và biên dịch, Đinh Trọng Hiếu đề tựa. Tuyển tập này gồm 13 truyện ngắn : 6 truyện của Nhất Linh, 6 của Khái Hưng, và truyện ngắn *Anh phải sống* do hai tác giả viết chung. Đặc điểm cần nhấn mạnh : đây là một ấn bản song ngữ, in đối chiếu một trang nguyên tác tiếng Việt và một trang bản dịch Pháp văn. Rất thuận lợi cho sinh viên học tiếng Việt và các em học sinh trung học chọn tiếng Việt làm sinh ngữ trong kỳ thi tú tài.

Cũng nhân dịp tựu trường, xin nhắc lại những tác phẩm văn học khác đã được dịch ra tiếng Pháp và xuất bản trong mấy năm qua :

- Nguyễn Huy Thiệp, *Un général à la retraite* (*Tướng về hưu*), bản dịch của Kim Lefèvre (Editions de l'Aube).
- Nguyễn Huy Thiệp, *Le cœur du tigre* (*Trái tim hổ*), bản dịch của Kim Lefèvre (Editions de l'Aube).
- Phạm Thị Hoài, *La messagère de cristal* (*Thiên sứ*), bản dịch của Phan Huy Đường (Editions des Femmes)
- Bảo Ninh, *Le chagrin de la guerre* (*Nỗi buồn chiến tranh*), cùng người dịch (Editions Philippe Picquier)
- 15 tác giả, *Terres des éphémères* (Editions Philippe Picquier), gồm 14 truyện ngắn do Phan Huy Đường dịch và một sáng tác tiếng Pháp của dịch giả.
- 11 tác giả, *En traversant le fleuve* (Editions Philippe Picquier), cùng dịch giả.

## Nguyễn Huy Thiệp và Phan Thị Vàng Anh sang thăm Mỹ

Nhận lời mời của Cục thông tin Mỹ (USIS), hai nhà văn Nguyễn Huy Thiệp và Phan Thị Vàng Anh đã sang Mỹ từ tháng 9.96. Đây là lần đầu tiên tác giả *Tướng về hưu* ra nước ngoài. Phan Thị Vàng Anh đã sang Pháp cách đây một năm.

Ngoài ra, được biết Dương Thu Hương đã được bà Laure Adler (chương trình truyền hình *Cercle de minuit*, dài France 2) và nhà xuất bản Philippe Picquier mời sang Pháp. Khi trang báo này lên khuôn, nhà văn chưa được chính quyền Việt Nam cấp chiếu khán xuất cảnh.

## sách mới

Chúng tôi đã nhận được và có dịp sẽ giới thiệu những cuốn sách mới :

- Hoàng Phê, *Từ điển văn*, Nhà xuất bản Đà Nẵng và Trung tâm Từ điển học, 1996, 184 trang.
- Vũ Ngọc Đĩnh, *Từ điển Pháp-Việt*, Nhà xuất bản Thế Giới, 1996, 1428 trang (khoảng 38 000 mục từ).
- Lê Văn Hiến, *Nhật ký của một bộ trưởng*, Nhà xuất bản Đà Nẵng, 1995, hai tập (476 và 456 trang).
- Nguyễn Phú Đức, *Viet-Nam / Pourquoi les Etats-Unis ont-ils perdu la guerre ?*, Ed. Godefroy de Bouillon, Paris, 1996, 420 trang.

# Dương Thu Hương trả lời phỏng vấn

của tạp san Pháp Les raisons de l'ire

**Hoàn cảnh và thế đứng của chị hiện nay chắc phải xuất phát từ một quá trình đáng chú ý. Chị có thể nói rõ chúng tôi hiểu quá trình ấy ?**

DTH - Tính cách để ra số phận. Và số phận xác định ứng xử.

**Thân phận người phụ nữ Việt Nam hiện nay ra sao ?**

DTH - Thân phận người phụ nữ Việt Nam hiện nay vẫn ở tầng thứ nhất, nghĩa là vẫn ở cuộc đấu tranh quyết liệt cho sinh tồn. Họ chưa có những đau khổ siêu hình, nỗi cô đơn, sự khắc khoải, sự băn khoan dò tìm ý nghĩa đời sống... Ở đây chưa có mấy ai tự tử vì gánh nặng cô đơn hay nỗi buồn vô định. Chỉ có những người phụ nữ tự tử vì vỡ nợ, vì lâm vào cảnh khốn quẫn, vì bị phụ bạc, bị làm nhục hay bị hành hạ...

**Làm người phụ nữ trong xã hội Việt Nam ngày nay có khó không ? Vị trí của họ trong xã hội ra sao ?**

DTH - Xã hội Việt Nam cổ truyền vốn có yếu tố dân chủ làng xã, một thứ tinh thần dân chủ tự phát, yếu ớt, mờ nhạt nhưng dai dẳng. Cũng như vậy, người phụ nữ Việt Nam xưa nay vốn không đến nỗi hoàn toàn là nô lệ như đàn bà theo đạo Islam hay ở một số nước khác thuộc châu Á. Họ có một chút quyền. Nhưng bù vào đó, họ phải lao động vô cùng cực nhọc. Trong gia đình, người đàn bà Việt Nam vừa là chủ, vừa là đầy tớ. Họ thường phải định đoạt mọi công việc. Ít xú sở nào người ta thấy những người đàn bà kéo xe bò, đi cày, đi thồ như ở Việt Nam. Ngược lại, đàn ông Việt Nam nhiều tính nữ. Họ được thừa hưởng căn bệnh sĩ diện của chế độ phong kiến, nhiều khi họ hành động tàn bạo và nguy hiểm để cứu vớt thủ sĩ diện ảo ảnh đó, nhưng về thực chất, họ là những bản thể yếm thế, yếu mềm và hay mắc chứng bệnh hắc lào tình ái vặt. Sự cần thiết cho cả đôi bên là gia tăng tính nam cho những người đàn ông và bớt gánh nặng trên vai người đàn bà. Tất nhiên, đây chỉ là nhận xét của riêng tôi, rất có thể nó là thiên kiến.

**Theo chị, phụ nữ Việt Nam có một thông điệp riêng biệt cho phụ nữ trên thế giới ?**

DTH - Như tôi đã trình bày ở trên, người phụ nữ Việt Nam có thể nói với những người đồng giới trên địa cầu : Muôn đời, người đàn bà vẫn ao ước được trở thành người đàn bà thật sự.

**Chị ước mong một xã hội như thế nào ? Theo chị, con em người Việt Nam ước mong một xã hội như thế nào ? Chị nghĩ gì về hệ thống giáo dục của Việt Nam ?**

DTH - Đến ngày hôm nay, tôi vẫn có nguyên một mơ ước cố lõi như mơ ước của một bộ phận nhân loại khác từ vài thế kỷ

trước : Một xã hội dân chủ, lấy Tự do - Bình đẳng - Bác ái làm nguyên lý, lấy mô hình tam quyền phân lập làm cấu trúc nền tảng.

Con em chúng tôi sống trong một não trạng hoàn toàn khác với cha mẹ chúng. Nếu những người như tôi dấn thân vào cuộc chiến tranh lý tưởng vì danh dự của giống nòi thì thế hệ con em chúng tôi quan sát các bậc phụ huynh với ánh mắt lạnh lẽo, tinh khôn. Chúng thấy các bậc phụ huynh (trừ một số nhỏ được thu nạp trong hệ thống quan chức và có cơ hội giàu sang) từ ánh hào quang của những cuộc chiến tranh lý tưởng đó trở về, tǎi tơi rách nát, khốn cùng, dù công bố hay im lặng, mặc nhiên chúng xem chúng tôi là những kẻ khờ dại hoặc điên rồ. Giờ đây, chúng tìm kiếm mọi cách để chăm sóc cho bộ da của chúng. Chúa đã chết. Chiếc hộp đen đã mở. Xã hội Việt Nam rồi sẽ phải trải qua một thời gian dài để làm người cái dạ dày đổi khát. Mai sau, có thể sẽ có một ngày, lớp người trẻ tuổi gạt bụi trên những trang sách cũ để tìm lại những danh từ đã từng chói sáng một thời rồ dại : Ý nghĩa cuộc đời - lý tưởng.

Nền giáo dục của Việt Nam trước đây là một kẻ vừa què cụt, vừa mù. Trong giai đoạn gần đây, nó đang cố gắng mò mẫm tìm lối rẽ vào đại lộ chung của nhân loại.

**Vì sao những tác phẩm của chị khiến chính quyền khó chịu ?**

DTH - Bất cứ xã hội toàn trị nào (dù là phong kiến phương Đông cải biên hay mô hình Stalin được sửa đổi) cũng chỉ có hai thái độ sau đây : Khinh bỉ những kẻ tòng phục nó và căm ghét những kẻ chống lại nó. Dương nhiên, tôi thuộc loại thứ hai. Vì ghét tôi nên khó chịu với những tác phẩm của tôi. Dù ít hay nhiều, chúng cũng mang dấu vết của một kẻ ly khai.

**Tại sao chị lựa chọn sống ở Việt Nam ?**

DTH - Tôi lựa chọn ở lại Việt Nam để chơi trò chơi tôi thích. Trò chơi này thoát khỏi các nhà cầm quyền đinh ninh là khát vọng quyền lực. Họ ngờ tôi muốn được ứng cử tổng thống hay thủ tướng gì đó, như một số nhân vật nữ trên thế giới từng làm. Tuy nhiên, sau nhiều năm theo dõi gắt gao, tôi chắc giờ đây trí khôn của họ đã phát triển lên đôi chút, và chắc họ phải hiểu trên thế gian, không chỉ có một hệ giá trị. Một đất lấm đường đi, không gian ba chiều, và khát vọng của nhân loại khác biệt, nhiều khi đối lập nhau. Với tôi, hạnh phúc tuyệt vời là được ngủ đến chín giờ ruồi sáng rồi dùng đinh uống một cốc cà-phê, được chơi với ai mình thích, được đuổi thẳng cổ những kẻ không ưa ra khỏi cửa. Tôi hoàn toàn không có đức tính vĩ đại và nỗi đau khổ siêu tuyệt của các chính trị gia. Họ luôn phải ngồi cùng bàn, ăn cùng mâm với những kẻ trong lòng họ ghét cay ghét nồng và tìm mọi cách hăm hại. Họ luôn phải sản xuất nụ cười thường trực và nói như chiếc máy ghi âm với đối thủ của mình : Đồng chí thân mến.

**Chị có muốn gửi một thông điệp qua tạp san của chúng tôi không ?**

DTH - Thông điệp đáng kể nhất của một người viết văn là tiếng lặng im của mục chẩy. Tôi đang cố gắng tập nghe âm thanh đó.

# Về vài kỷ niệm xưa

Bùi Trọng Liễu

Trong dịp viết bài tưởng niệm bác Hoàng Xuân Hãn, tôi có nhắc lại, trong phần chú thích, vài kỷ niệm xưa trích trong cuốn hồi ký **Chuyện gia đình và ngoài đời** tôi viết mà không xuất bản (*Diễn đàn số 52, 1/5/96*). Một số bạn đọc, do đó, hỏi tôi vì sao viết cuốn sách, và vì sao không đưa in. Trước những chú ý đó, tôi xin được tóm tắt trả lời như sau : Trong khoảng mấy chục năm vừa qua, nước nhà đầy biến cố, đặc biệt là đã trải qua một cuộc đấu tranh giành độc lập và thống nhất kéo dài ba mươi năm. Trong cuộc đấu tranh đầy xương máu này, không phải chỉ những "thành phần cơ bản" mới có đóng góp (tuy đã đóng góp rất nhiều và chịu gánh rất nặng), mà cũng có cả sự góp phần mặt này mặt khác của mọi gia đình thuộc các thành phần khác của xã hội. Để rồi mọi gia đình người Việt Nam, dù con đường đi quanh co thế nào đi nữa, rốt cục cũng hướng chung về hướng đi của dân tộc. Cho nên, cũng như nhiều người khác, tôi không muốn những điều đó bị "xoá sổ" trong *trí nhớ tập thể*, cho nên phải cố gắng viết ra, nhưng đặt chúng vào trong khung cảnh của lịch sử. Độc giả bình tâm chắc sẽ nhận đây là những lời chứng, chứ ở vào địa vị của tôi, đã dù, không cần phải đem chuyện thời "phong kiến" ra để khoe. Cũng một phần vì có sự "suy bụng ta ra bụng người" gây ra hiểu lầm loại kể trên, nên tôi chưa nghĩ đến xuất bản. Tạm thời, để đáp lại thiện cảm của một số bạn đọc, tôi xin đăng ở đây *tóm tắt vài đoạn*.

**1.** (...) Dưới thời Pháp thuộc đã ổn định, khi bố tôi ra làm quan, thì thuở đầu muốn tìm hết cách tránh để khỏi bị bố về Hưng Yên, vì quan đầu tinh lúc bấy giờ là cụ Vi Văn Định (sau được tuốc An Phước Nam, hàm thái tử thiếu bảo, nên thường được gọi là cụ "thiếu" Vi để tránh tên), mang tiếng là hách. Nhưng sự thật không phải hoàn toàn như vậy, và cũng do sự ngẫu nhiên, bố tôi bị bổ nhiệm về Hưng Yên, nơi muốn tránh. Thế rồi khi đã gặp nhau thì cụ Vi lại đặc biệt có cảm tình, không muốn rời. Khi cụ Vi đổi về làm Tổng đốc Thái Bình, rồi Tổng đốc Hà Đông, cũng đưa bố tôi đổi về cùng tỉnh. (Nhắc lại là họ Vi vốn là một họ lớn ở vùng biên giới. Thế kỉ 11, họ Vi chiếm vùng Tư Lăng, Lộc Châu, Tây Bình ở Trung Quốc và châu Tô Mậu ở ta; và khi Lý Thường Kiệt đánh Tống (1075) có Vi Thủ An cũng theo cầm quân. Rồi thế kỉ 17, còn có Vi Đức Thắng cai quản Lạng Sơn. Họ Vi còn quan trọng hồi 1945). Cụ Vi Văn Định vốn là bạn đồng liêu với ông ngoại tôi, lại là quan trên của bố tôi, nên

thuở ấy bố mẹ tôi không phải là đồng hàng, nhưng sau lại là thông gia : chị cả tôi lấy anh K., con cụ Vi, hồi cả hai gia đình còn ở Thái Bình. Chị tôi mất sớm ; anh K. tôi cũng làm quan, hồi 1945 đang làm bô chánh Yên Bái. Sau Cách mạng, anh về Hà Nội mở một quán giải khát sinh sống. Nhắc lại là 1946, cụ Hồ áp dụng chính sách đoàn kết dân tộc, ông nghè Nguyễn Văn Huyên, con rể cụ Vi, làm bộ trưởng giáo dục, bác sĩ Hồ Đắc Di cũng là con rể cụ Vi, sau này là giám đốc Đại học Y, bác sĩ Tôn Thất Tùng cháu rể cụ Vi, sau này một thời làm thứ trưởng Y tế, đều là những nhân sĩ của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Tháng 12/1946, vào những ngày căng thẳng trước khi chiến tranh bùng nổ, quân đội viễn chinh Pháp khiêu khích rất dữ ở Hà Nội, tôi thấy bọn lính mũ đỏ, tung đám mang súng, dàn hàng ngang, đi giữa đường trêu ghẹo và doạ nạt. Tôi nhớ một buổi trưa thấy anh K. tôi, hớt hải xuống gấp bố tôi, hai người thì thào chuyện trò một lúc. Sau này thấy bố tôi kể lại : anh đương ở trong nhà, thì chợt có một người lén vào, đó là C., viên chức cao cấp Pháp, trước đó là công sứ, rồi trưởng phòng chính trị, đề nghị anh K. theo Pháp lên làm tỉnh trưởng Lạng Sơn, hứa cho một tiểu đoàn lính Pháp hộ vệ. Vì thế nên anh xuống tìm bố tôi bàn kế thoát thân. Bố tôi khuyên anh nên lên báo ngay cho ông Giáp biết ; sau đó anh được tổ chức đi ngay vào Thanh Hoá. Liền đó, chính quyền cụ Hồ cho người lên Lạng Sơn đón cụ Vi về Hà Nội, rồi đưa đi kháng chiến cạnh cụ Hồ, cho đến ngày trở lại thủ đô. Sau này, khi (ở xa) luận về cái huân chương Kháng chiến hạng nhì của anh K., bố tôi bảo là giá là huân chương cao hơn cũng đáng, vì dù có quá khứ thế nào đi nữa, phải là người có can trường mới từ bỏ được sự cám dỗ.

Lại nhắc một câu chuyện cũ : nghe kể là thuở xưa, lúc còn làm quan to, cụ Vi có bắt được một người cách mạng, gọi là "anh Ngọ", nhưng không đưa ra tố, tù dày, mà chỉ đe doạ, rồi dâng tiền tàu cho trả về quê quán. "Anh Ngọ" là ai ? Có một giả thuyết rằng đó là... một vị. Vị này tôi có được hân hạnh quen biết sau này, nhưng tất nhiên không dám hỏi. Phải chăng vị cũng là người mà bác Hoàng Xuân Hãn kể cho tôi là đã cố tìm trong mấy ngày tháng 8/1945 khi Nhật đã đầu hàng Đồng Minh, để hỏi ý kiến về việc tiếp nhận vũ khí của quân Nhật, nhưng tiếc không gặp được, có lẽ là vì Hội nghị Tân Trào nên các người lãnh đạo cách mạng chưa về kịp ? (Điều này không mâu thuẫn với việc bác Hãn gặp mấy người phụ trách Việt Minh cấp thấp hơn ở trại Bảo An binh). Tôi chỉ có câu hỏi, mà không có câu trả lời. Có điều chắc, là sau Cách mạng, trong trường hợp này, cách cư xử rất đàng hoàng, không hề có sự trả thù.

Năm 1970, trong chuyến về nước làm việc ở Hà Nội, một bữa, tôi nhận được thiếp của bác Huyên, mời lên Bộ giáo dục (lúc đó tách rời với Bộ đại học, nơi mà tôi có quan hệ làm việc với bộ trưởng Tạ Quang Bửu). Thuở ấy còn chiến tranh, tuy là khách nhưng muốn gặp ai thì cũng phải được "bố trí" trước. Hẹn gặp "ngoài chương trình", lại phần nào có tính cách riêng tư, cũng là chuyện hiếm. Xe đưa tôi lên Bộ, tôi giờ, nhưng bác Huyên vì mắc trong một cuộc triển lãm "có ông Trường Chinh dự" nên vè chậm, nhờ ông Lê Liêm tiếp tôi. (Tướng Lê Liêm lúc đó đã thôi công việc ở Tổng cục

chính trị quân đội, ra làm bí thư Đảng đoàn kiêm Thủ trưởng giáo dục). Khi bác Huyền về tới Bộ, thì đã muộn giờ ; mọi người cũng giũ ý, nên rút cả đi, để bác nói chuyện riêng với tôi. Bác ngỏ ý muốn tổ chức một buổi ăn trong gia đình để các cụ mấy bên cùng gặp tôi, nhắc lại quan hệ thuở xưa với bố mẹ tôi (bác Huyền là em vợ bác Phan Kế Toại). Tôi tỏ lòng cảm ơn, tiếc rằng tôi sắp trở về Pháp, thành ra lỡ dịp...

Mãi năm 1975, tôi mới lại về thăm trong nước. Theo lời mẹ tôi dặn, tôi theo bà Huyền dẫn, lại thăm cụ Vi ở nhà riêng ở Hà Nội. Cụ đã già lắm, 98 tuổi, lúc tỉnh lúc lẩn, nhưng nghe giới thiệu, cụ nhận ra và cảm động chảy nước mắt đầm đìa khi cụ nhắc đến bố tôi và quan hệ thuở xưa...

2. (...) Ông ngoại tôi, trước khi làm Án sát Quảng Yên, có lúc làm Giáo thụ ở phủ Yên Khánh, thuộc tỉnh Ninh Bình. Quê nội tôi, thuộc phủ Yên Khánh. Ông nội tôi, vốn chỉ là phú nông, nhưng lại muốn làm giàu với nhà quan. Thời đó, do việc trên huyện, trên tỉnh, hai ông nội ngoại tôi đều quen một người, gọi là cụ ký Năng. Do tình cờ quen biết, mà cụ ký Năng làm mối giao ước đôi bên. Lúc đó bố mẹ tôi đều còn nhỏ tuổi. Cụ ký Năng và cụ bà là người công giáo, rất mộ đạo, quê ở Hưng Yên. Hai cụ có người con duy nhất là ông Mai, sang Pháp du học đỗ bác sĩ y khoa, cho nên gọi là ông đốc Mai. Hai cụ coi bố tôi như con, ông Mai cũng coi bố tôi như là em, tuy bố tôi không theo đạo. Trong đại chiến thế giới 1914-1918, vì có chuyện buồn gia đình, ông Mai đầu quân sang Pháp, bị lúc quân Đức bắt khí độc, trúng bệnh về Việt Nam ít lâu thì chết. Trước khi chết, có điện cho bố tôi lên gấp để dặn dò. Ông Mai chỉ có một người con, đó là ông Nguyễn Mạnh Hà. Ông Hà lớn lên đi Pháp học, đỗ tiến sĩ Luật, lấy vợ Pháp là con gái ông nghị sĩ cộng sản Maranne. Khi về Việt Nam, ông làm Thanh tra lao động ở Hải Phòng ; bà Hà, thời đó có tiếng là người cháu dâu thảo, nói tiếng Việt Nam thạo và theo phong tục lễ nghi Việt Nam.

Khi Cách mạng Tháng Tám thành công, năm 1945-46, cụ Hồ áp dụng chính sách đoàn kết dân tộc, không câu nệ quá khứ, cho nên mới có việc mời cụ hoàng Bảo Đại làm Cố vấn tối cao, mời sự công tác của cụ Thượng thư Bùi Bằng Đoàn, cụ Ngự tiền Văn phòng Tổng lý Phạm Khắc Hoè, cụ Khâm sai Phan Kế Toại, cụ Tổng đốc Hồ Đắc Diêm (là rể của Võ hiến Hoàng Trọng Phu, tức là cháu rể Hoàng Cao Khải) vv... Lúc ấy ông Hà được cử làm bộ trưởng kinh tế của chính phủ cụ Hồ. Vì là người công giáo, lại có quan hệ về phía bố vợ, nên cụ Hồ cử ông tham dự hội nghị Fontainebleau. Theo ông Hà kể, cụ Hồ bảo ông liên lạc với Bidault (một trong những thủ lãnh đảng M.R.P. cũng là phái công giáo, có nhiều lần làm bộ trưởng, làm thủ tướng Pháp, là người thủ cựu muốn duy trì các thuộc địa) để thuyết phục ông ta chấp nhận nguyên vọng độc lập thống nhất của Việt Nam, nhưng việc không thành. Khi Toàn quốc kháng chiến, ông bà Hà ở lại Hà Nội trong vùng Pháp tạm chiếm, nhưng vẫn ủng hộ cụ Hồ và Kháng chiến. 1950-1951, tướng De Lattre de Tassigny sang làm Cao ủy kiêm Tổng tư lệnh quân đội viễn chinh Pháp, “trực xuất” ông Hà về Pháp (vì ông Hà có quốc tịch Pháp và vì bà Hà là người Pháp, con gái ông nghị sĩ Pháp, lại có thể lực công giáo, cho nên chính quyền Pháp

trong vùng tạm chiếm cũng không dám hành hung). Về Pháp, ông bà Hà và bố mẹ tôi cũng có lúc phải chung vốn mua một cái hiệu giặt nhỏ ở khu Bastille, làm ăn vất vả sớm khuya, để có nguồn sinh sống... Ông bà thường nhắc đến quan hệ thân ái mà cụ Hồ dành cho ông bà, và giũ hình ảnh của một người hiểu xa biết rộng, giản dị, ôn tồn, khoan dung và mực thước (1). Sau khi nước nhà thống nhất, và vào những năm cuối thập kỷ 80, đầu thập kỷ 90, do công tác hội đoàn đóng góp với Việt Nam, ông bà Hà và vợ chồng tôi lại có dịp gặp nhau luân. Lúc ấy, bố mẹ tôi đã mất ; những lần gặp vợ chồng tôi, ông bà thường nhắc lại mối quan hệ thân ái giữa các người xưa...

3. Có lẽ cũng cần nói vì sao tôi muốn ghi lại mấy câu chuyện cũ như những lời chứng. Vì nhiều lẽ, trong đó có những lẽ sau đây : Ghi lại để gop phần cho người sau có thể hiểu được thái độ của một số nhân vật trong lúc giao thời (những năm 1945-1954). Sau Cách mạng Tháng Tám, trong sự hồn hôi của cả nước, hầu hết người Việt Nam đều thiết tha mong muốn “độc lập và thống nhất” trở thành sự thật lâu dài. Những nhân vật kể trên, tự họ đã có con đường đi của họ (con đường giải phóng dân tộc), không phải nhờ ai cầm tay chỉ lối, mới biết. Thuở ấy, thái độ của Tàu Tưởng và của nhà cầm quyền Pháp đương thời đã làm phản nộ người Việt Nam yêu nước (2). Dù có quá khứ khác nhau, những người đó đã đặt quyền lợi của dân tộc lên trên việc riêng, như đầu 1946, trước nguy cơ thấy nền độc lập non trẻ bị bóp tan, cũng đã có một khoảng thời gian có một sự thực lòng mong muốn thể hiện đoàn kết.

Nhắc lại chuyện xưa cũng để nói lên rằng : xét người, cũng như xét việc, có lẽ nên đánh giá từng giai đoạn, không nên đem giai đoạn sau gán cho giai đoạn trước, hay ngược lại (3).

2/9/1996

Bùi Trọng Liễu

Giáo sư đại học (Paris)

(1) Còn về vụ việc quan hệ giữa ông Hà và ông Trần Văn Hữu, xem thêm bài **Hoàng Xuân Hãn : kích thước chính trị** của N.N.Giao trong *Diễn đàn* 1/6 và 1/7/1996.

(2) Nhà cầm quyền Pháp thuở ấy nói chung đều vẫn muốn lập lại chủ quyền của Pháp ở Đông Dương. Tàu Tưởng thì muốn lợi dụng vị trí của mình (đang đóng quân ở Việt Nam) để đổi chác với Pháp trên lưng Việt Nam. Nhắc lại vài sự việc :

- Ông De Gaulle cuối năm 1945, lúc ấy đang cầm quyền, vẫn chỉ hình dung Đông Dương trong khối Liên hiệp Pháp với 5 xứ tự trị : Bắc kỳ, Trung kỳ, Nam kỳ, Miên, Lào với một chính quyền liên bang đứng đầu là một viên toàn quyền. Ông ta muốn sử dụng giải pháp cựu hoàng Duy Tân, (tháng 12/1945), vì lúc ấy cựu hoàng Bảo Đại đã thoái vị và trở thành Cố vấn tối cao của chính phủ cụ Hồ, nên phía Pháp không sử dụng được nữa. (Ông De Gaulle đã đổi, trở thành thuận với nền độc lập thống nhất của Việt Nam vào lúc nào, để di đến bài diễn văn của ông đọc tại Phnom Penh ngày 2/9/1966, thời Mỹ đang can thiệp ở Việt Nam ?)

- 28/2/1946 : Pháp và Tàu Tưởng ký một hiệp ước (một thứ thoả thuận trên lưng Việt Nam) : Pháp trả lại cho Tàu Tưởng các tô giới ở Thượng Hải, Quảng Châu, vv... (mà Trung Quốc đã mất từ thế kỉ 19), bán rẻ cho Tàu Tưởng đoạn đường xe lửa Vân Nam nối với Việt Nam, trả cho Tàu Tưởng 60 triệu đồng/tháng tiền chi phí cho quân đội Tàu đang đóng ở Việt Nam. Ngược lại Tàu Tưởng sẽ để cho quân đội Pháp kéo ra phía bắc vĩ tuyến 16, để thay thế quân Tàu Tưởng đang đóng trên đó.

- Trong khi hội nghị Việt-Pháp tại Đà Lạt (tháng 4, tháng 5/1946) đang họp, thì Pháp cho thành lập ở Sài Gòn "chánh phủ" Nguyễn Văn Thinh, trong hướng thành lập "Nam Kỳ quốc".

- Đang khi Hồ chủ tịch lên đường sang Pháp để mở cuộc đàm phán với chính phủ Pháp, thì cao uỷ Pháp đô đốc d'Argenlieu thành lập "Tây Kỳ", tức là "Khối dân tộc thiểu số miền Nam Đông Dương".

- Tháng 7/1946, trong khi hội nghị Việt-Pháp ở Fontainebleau đang họp, thì d'Argenlieu triệu tập ở Việt Nam một Hội nghị liên bang, gồm các đại biểu "Việt Nam" (!?), Nam Kỳ quốc (!), Tây Kỳ (!), Lào và Miên. Đại biểu do cao uỷ chỉ định ! (Phải chăng đối với d'Argenlieu, Việt Nam nghĩa là Bắc Kỳ + Trung Kỳ, vì xưa kia triều đình vua Tự Đức đã ký nhường Nam Kỳ cho Pháp?).

Những sự việc kiểu ấy tiếp tục cho đến tận sau này...

(3) Xin nhắc lại là (theo *Chiang Kai-Shek, De Gaulle contre Ho Chi Minh, Viet Nam 1945-1946* của Lin Hua, nxb L'Harmattan 1994) sau khi toàn quốc kháng chiến, thì ngày 30/1/1947, các ông Nguyễn Hải Thần và Nguyễn Tường Tam (lúc đó đã rút ra khỏi chính phủ và theo Tàu Tưởng sang Tàu), ở Nam Kinh (thủ đô của Tàu Tưởng) xin sự can thiệp của Tưởng vào cuộc chiến tranh, nhưng Tưởng từ chối. Ông Ngô Đình Diệm cũng đến Nam Kinh vào tháng 9/1/1947, cũng xin sự can thiệp của Tưởng, nhưng sự không thành, ở đó ông được giới thiệu với đại sứ Mỹ...

Còn ông Bảo Đại, hồi tháng 3/1945 Nhật đảo chính Pháp, triều đình Huế tuyên bố bãi bỏ Hiệp định Pháp Bảo hộ, ông cũng có được câu "Dân vi quí". Hồi Cách mạng Tháng Tám 1945, lúc ông thoái vị cũng có được câu "ung làm dân một nước độc lập hơn làm vua một nước nô lệ". Mấy tháng làm Cố vấn tối cao bên cụ Hồ, kể cả khi cụ Hồ gửi ông đi cùng với một "phái đoàn thiện chí" sang gặp Tưởng (tháng 3/1946), thái độ của ông chẳng có gì đáng trách. Nhưng sau ông ký với chính quyền Pháp, đặc biệt là sau Thỏa ước Elysée 1949, dần dần bắt lính người Việt, thành lập quân đội dưới sự chỉ huy của Pháp, với sự viện trợ của Mỹ, chuyển màu da của chiến tranh (dù cho vì "chiến tranh lạnh thế giới" và thế cuộc đẩy đưa), thì trách nhiệm của ông lại khác.

### Số FAX của Diễn Đàn

Kể từ 23 giờ ngày 18.10.1996, hệ thống điện thoại ở Pháp sẽ chuyển từ 8 số sang 10 số.

Do đó, độc giả tại Pháp (ở vùng Paris cũng như ở các tỉnh) muốn gửi fax cho Diễn Đàn xin bấm 10 số : **01 45 88 54 58**.

Từ nước ngoài, không có gì thay đổi :

**33 1 45 88 54 58**

## Ly Hoàng Ly

### đi tàu đêm

Tôi nghe thấy tiếng đêm lóc cóc

Thở râm rực

Tàu đêm

Những đường song song

Kéo ta xuyên vào đêm

Bỗng tờ mờ

Đêm dài bao nhiêu cây số ?

Quyết không ngủ

Thứ đó.

Chập

Điu mắt

Đêm lồng vào giấc ngủ...

Sáng ra

Nắng tràn bừng mắt

Những đường song song vẫn bất tận

Tàu hoa xuyên qua đêm rồi !

Ngoài nhìn,

Đêm ở lại dang sau

Vẫn chưa biết

Đêm dài... mắng... nhiêu... ?

Cột cây số rụng rồi.

Chuyến tàu Nam-Bắc 1995

### bướm ma

Con bướm ma nhả mình trước mặt tôi

Anh xanh mặt,

Điếc chẳng lành.

Tôi vẽ những người mặt xanh áo chàm xanh

Người âm phủ

Mié mài cây cọ tung toé màu

Màu xanh nhuộm xanh con bướm ma.

Anh bảo bướm ma đem điềm gở

Tôi không tin vào duyên số

Tôi không muốn tin vào duyên số

Giữa anh và tôi

Đã quá nhiều âu lo rồi

Hãy để cho lòng được bình yên

Hãy cứ nhìn cuộc đời thản nhiên

Tôi vẽ người âm phủ

Gọi bướm ma về nhập nhằng trước mặt tôi

Tôi nguêch ngoạc bôi lên đầy mặt tôi

Mặt tôi đủ sắc màu

Râm ran sắc màu nhảy múa

Bướm ma sợ,

Bay đi.

Ly Hoàng Ly, 21 tuổi, hiện là nữ sinh năm thứ 3 trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh. Cô vừa đoạt giải nhất cuộc thi thơ *Bút mồi II* của báo Tuổi Trẻ, với một chùm thơ, trong đó chúng tôi xin chọn hai bài trên để giới thiệu với bạn đọc.

# Chúng ta có đang mất cái gì không nhỉ ?

bùi mộng hùng

**P**hơi phói những con số, 1991 6,0%, 1992 8,6%, 1993 8,1%, 1994 8,8%, 1995 9,5%, tỷ số gia tăng tổng sản lượng quốc nội GDP mỗi năm mỗi đều đặn tiếp tục, và dự trù cứ như thế mà tiếp tục cho đến chân trời 2000. Như mưa. Mưa vàng. Nếu không vàng thì cũng là xanh, màu xanh của tờ đôla. Ai cũng thấy được. Nếu không thấy nó phoi phói rơi vào túi mình thì ít ra cũng được chứng kiến nó đang rơi vào bị người bên cạnh.

Nó thúc giục, mạnh ai nấy lo lăn vào chớp lấy phần mình. Và đời sống hàng ngày dễ chịu hẳn lên. Hầu như cho mọi người. Chuyện thật đáng mừng.

## Mầm lo trong nỗi mừng

Trong cái mừng được cởi trói, thoái mái mà làm giàu, chúng ta cứ xử cứ như rằng làm giàu đi, rồi mọi cái khác tự dung sẽ đến với chúng ta. Như chuyện tất yếu.

Nhu rằng phát triển kinh tế là thang thuốc thần hiệu cho tất cả mọi vấn đề của chúng ta. Đúng thì cũng có cái phần đúng của nó. Quên bỗng mất rằng đó chỉ là một nửa sự thật.

Nửa kia là phương thức phát triển kinh tế hiện nay tự nó sản sinh ra hàng loạt vấn đề : khắp nơi xã hội rạn nứt, môi sinh địa cầu tan hoang...

Không nhìn vào mặt ấy thì quên mất rằng từ đợt đầu khủng hoảng tối nay, trong hai thập kỷ vừa qua, tổng sản lượng quốc nội một nước như nước Pháp đã tăng 70%. Nhưng nạn thất nghiệp cũng đã tăng lên gấp bốn lần. Người người lòng nặng trĩu tâm tư âu lo. Tương lai giới trẻ mù mịt, bế tắc. Xã hội hoang mang, không ổn. Cái hố ngăn cách công dân với công dân đã sâu lại sâu thêm, rộng ra.

Nhin lại ta, có khác gì. Xã hội cũng đang nứt nở.

Đèo thêm câu hỏi canh cánh cho một nước chậm tiến : phát triển có bền lâu được không, hay chỉ là lứa rơm, bùng lên rồi tàn lui ? Mà hai mặt, xã hội – phát triển kinh tế, nào có độc lập ; chúng gắn bó hữu cơ với nhau...

Câu hỏi lại đặt ra, sớm và gay gắt, dẫu sôi lửa bỏng một cách không ngờ cho nhiều nước Đông Nam Á, đặc biệt là Việt Nam ta.

Mới năm 1995 vừa qua đây tỷ số xuất khẩu của cả khu vực tăng 17%. Đầu năm nay 1996 bỗng nhiên khụng lại.

Thái Lan láng giềng ta tỷ số xuất khẩu bay mất đi ba phần tư. Từ 24% năm 1995, sáu tháng đầu 1996 còn 6%. Trong khi con số dự kiến chính thức là 17%.

Suốt thập kỷ vừa qua tổng sản lượng quốc nội Thái Lan tăng đều, mỗi năm trên 8%. Năm nay lần đầu tiên tỷ số sẽ tụt xuống dưới 7%. Phải chăng đây là khởi đầu cho giai đoạn chung lại ?

Nguyên do có phần của thời cơ. Nhưng không phải chỉ là thời cơ. Mà cũng từ cấu trúc : hàng xuất khẩu Thái Lan phần lớn là sản phẩm công nghiệp nhân công rẻ. Vì đó, sức cạnh tranh của Thái Lan tương đối kém ngay từ khi các nền kinh tế mới, Việt Nam, Bangladesh, Philippin, nhân công còn rẻ mạt hơn, đồng loạt gia nhập thị trường khu vực.

Điều làm Thái Lan, làm Mã Lai lo ngại hôm nay là tiếng chuông nhắc nhớ một sự kiện : Kinh tế cậy vào nhân công rẻ sẽ tan như ảo ảnh. Nếu không ý thức sâu sắc rằng giai đoạn xuất khẩu sản phẩm của lao lực thô sơ chỉ có thể là một giai đoạn nhất thời cho phát triển.

Xuất khẩu các mặt hàng có ít giá trị, gia tăng chỉ có ý nghĩa về lâu về dài nếu nhanh chóng chuyển được thành quả vào đầu tư, để tăng năng suất, thêm giá trị gia tăng vào hàng xuất khẩu, tăng khả năng cạnh tranh cho nền kinh tế quốc dân. Và, chờ đợi trong trung hạn tạo dựng nên một thị trường nội địa tiếp sức cho xuất khẩu.

Sức cạnh tranh, thị trường nội địa : hai vấn đề sống còn cho Việt Nam.

## Rạn nứt xã hội và phát triển bền lâu

Trong xã hội ta hôm nay, một sự kiện cứng đầu ngăn trở sự hình thành một thị trường nội địa có sức vóc : kinh tế cứ phát triển, sản xuất lúa gạo cứ gia tăng, người nông dân đổ mồ hôi sot con mồi làm ra hạt gạo, nghèo cứ hoàn nghèo.

Nhu cầu tối thiểu cũng chưa đạt : nếu căn cứ trên con số 2 100 calo / ngày / người là tối thiểu thì 57% người sống ở nông thôn thuộc diện nghèo, tay làm được bao nhiêu may ra thì vừa đủ cho hambre, không còn đâu để dành dụm đầu tư (Ngân hàng thế giới, 1994). Mà nào phải là một nhóm người ít ỏi cho cam. Khác với Nhật, với Pháp, nông dân ta là bộ phận đông nhất của xã hội. Tính đến năm 1993, trong cả nước có trên 10 triệu hộ nông dân.

Nhưng đây mới là một mặt của vấn đề. Mặt khác là hố cách biệt giữa thành thị và nông thôn cứ sâu hơn, rộng ra.

Thu nhập của người sống ở nông thôn đã thấp, tròn trèm một nửa (51%) thu nhập người thi thành. Làm nghề nông lại còn thấp hơn nữa, chưa bằng phân nửa (47%) người cũng sống ở nông thôn nhưng theo nghề khác.

Gần đây, nhà nước đã có những biện pháp phát triển nông thôn cụ thể hơn trước. Ngân hàng nông nghiệp đã đi vào tận làng xóm, cho vay vốn sản xuất. Nhưng vay được thường là nông dân khá giả. Còn đa số hộ nghèo tự cấp tự túc vẫn chưa với tới vốn mượn ngân hàng.

Chưa thấy đâu là lối ra cho một bộ phận lớn của xã hội. Cả một mảng lớn còn thiếu sức sản xuất. Vì thế không sức tiêu thụ và đương nhiên bị loại. Sống tự cấp tự túc, bên ngoài lề thị trường kinh tế. Riêng một sự kiện đó đã là gây mất một động cơ cho phát triển.

Ấy là chưa bàn tới công bằng xã hội. Chỉ mới tính đến một điều kiện căn bản cho phát triển kinh tế bền lâu.

## Sức cạnh tranh và yếu tố “nội sinh”

Ấy là mới dùng đến cái nhìn duy kinh tế hẹp hòi. Chưa tính đến các mối quan hệ liên đới, hỗ tương trong trao đổi xã hội vốn là nhân duyên của cái mà các nhà kinh tế gọi là “phát triển nội sinh”.

Châm bẩm vào xuất khẩu, có những người trong chúng ta quên mất rằng nội lực của một nền kinh tế không dâu xa mà nằm ngay trong lòng đất nước, rằng phần cốt yếu không ở ngoài, mà chính ngay trong ta. Rằng sức cạnh tranh tuy thuộc trước hết vào điều kiện của chính thị trường nội địa.

Vì cạnh tranh là sáng tạo. Mà tính đặc trưng của sáng tạo nằm ngay trong tầm vóc của đất nước, trong nền văn hoá trên mảnh đất đó, trong cấu trúc của nền kinh tế quốc dân, trong thói quen, lề lối làm việc của những con người sinh sống nơi đây, của thi hiếu tiêu thụ, cùng các phương tiện và tài năng động viên cho sáng tạo.

Thật ra, tính cách khác biệt chính là một yếu tố quyết định cho sức cạnh tranh. Cái khác người thúc đẩy mỗi chúng ta phát huy phần hay nhất của chính bản thân, của các khả năng, các chủ bài, các đặc trưng của mình. Vì thế mà trong khi hiện tượng kinh tế toàn cầu hoá đang gia tốc nhà chuyên gia nổi tiếng về chiến lược doanh nghiệp Michael Porter phải nhấn mạnh : “*Sự toàn cầu hoá, sự bồi bổ các chế độ thuế quan bảo hộ cùng các kèm chế cạnh tranh khác làm tăng phần quan trọng cho vai trò của các quốc gia, các dân tộc*”.

Thiết bị sản xuất, hệ thống luật pháp, chính sách thuế khoá, tổ chức chính trị là những yếu tố quan trọng cho sức cạnh tranh. Nhưng nhìn cây chổi quên rùng, quên rằng quốc gia dân tộc là một tổng thể. Và cái đáng kể là sức cạnh tranh toàn diện do hiệu suất toàn bộ của các yếu tố sản xuất.

Trong cái tổng thể đó con người là một yếu tố sản xuất, nhưng đồng thời cũng là chất keo sơn, kết hợp và làm các yếu tố khác sống động. Cái “*con người làm nên lịch sử, bất kể dưới hình dạng và xu hướng nào của nó, khi deo đuổi mục đích riêng của mình, một cách có ý thức, và chính là kết quả tổng hợp của vô vàn ý chí cá biệt tác động trong những hướng khác nhau ấy và những ảnh hưởng phong phú của chúng vào thế giới hiện thực cấu tạo nên lịch sử*”.

Engels, tác giả câu này, nói tiếp theo ngay đó : “*Vậy, điều quan trọng trong vấn đề này chính là sở nguyện của đồng bào con người cá nhân.*”<sup>(1)</sup>

## Và yếu tố con người công dân...

Chúng ta đã chứng kiến cái sức mạnh bạt núi lấp biển khi vô vàn con người Việt Nam không chịu cam phận giá áo túi cơm, tạm dẹp qua một bên những đòi hỏi riêng tư của cá nhân mình để hướng về một mục tiêu chung : độc lập dân tộc, thống nhất đất nước. Những con người Việt Nam trong cái thời buổi đất nước bị trị ấy, đã vươn lên khỏi áo cơm thường ngày, đem tâm huyết, đem cả tính mạng mình thực hiện ước mơ chung của dân tộc.

Vô hình trung, những con người ấy khi phải sống trong vòng nô lệ lại nghiêm nhiên đứng trong tư thế của người công dân. Làm nên trang sử hào hùng long trời lở đất.

Ngày hôm nay, Việt Nam độc lập và thống nhất. Người người bận lo chuyện miếng cơm manh áo, lo vợ lo con, lo cho cỗ ôtô sang, cho toà nhà lớn. Giàu lên thì có giàu lên, nhưng giàu cho cái cá nhân nhỏ bé.

Còn đâu cái kích thước con người tự nguyện đưa vai chia phần gánh vận mạng dân tộc. Còn đâu hào khí trong ánh mắt làm cho nhà quan sát người Nhật thời ấy không ngớt ngạc nhiên và thán phục khi viết hồi ký nhắc lại việc những con người áo vải, chân đất mà hiên ngang đứng lên giành lại tự do bị mất trong tay một cường quốc thực dân.

Đâu là tâm huyết của người công dân có ý thức, có quan niệm của cá nhân mình cho một tương lai chung. Trong khi tương lai chưa biết đi về đâu. Chỉ biết chắc được một điều, là nó bấp bênh, phức tạp.

Thách thức cho Việt Nam là tạo nên con người ngang tầm với với thách thức của thời cuộc.

Hiện Việt Nam quá thiếu đầu tư cho giáo dục đào tạo, nhiều nơi nhất là ở nông thôn người dân không đủ tiền cho con em đi học, trường ốc, giáo dục xuống cấp... Những vấn đề hệ trọng ấy, không bàn nơi đây.

Khuôn khổ hạn hẹp của bài báo chỉ cho phép đề cập khía cạnh không kém phần quan trọng mà chẳng mấy ai nói tới : sự thui chột của kích thước con người công dân. Cái kích thước phát huy phần hay nhất của mỗi người, làm cho người người vượt khỏi cá nhân của chính mình, góp phần vào sức mạnh chung của quốc gia, dân tộc. Cái kích thước không thể thiếu trước thách thức của cạnh tranh, của phát triển đang đặt ra cho chúng ta.

Sự thui chột của con người công dân hiện nay, trách nhiệm trước hết về chính quyền. Năm xưa, khi đất nước chưa hoàn toàn độc lập, tự đáy lòng, người dân xem chính quyền cách mạng trong bí mật với mình là một. Ngày nay chính quyền là chính quyền, dân đen có phận dân đen. Hai thế giới khác biệt.

Các nhà lãnh đạo, chính trị, hành chính, kinh tế ở về một thế giới riêng. Người dân đứng xa xa mà nhìn, không chút hy vọng tác động, dù là mảy may, vào hành động của giới cầm quyền, vào hướng đi chung của đất nước. Không còn thế nào khác hơn là làm người ngoài cuộc đứng xem. Nhà nước đề ra những biện pháp chính trị, hành chính, có thể là thích hợp với đòi hỏi của tình hình. Lý do của các biện pháp ấy, người dân không được biết, lâu dần rồi cũng chẳng muốn biết làm gì. Miễn là soi mói tìm chỗ sơ hở mà bòn rút cho mình, được chút nào hay chút ấy.

Chính quyền đã chẳng phải là mình, nghị quyết, quyết định mấy ông ấy ra chẳng hiểu để làm gì, thì đương nhiên là nghi kị. Nghi kị con người cầm quyền, nghi kị việc làm của họ. Phần mình cốt sao luôn lách, che đỡ, lui về cái không gian riêng tư cho được yên thân.

Không gian công cộng, việc chung, trở thành xa xôi như chuyện viển vông. Dự án cho tương lai chung là chuyện ngoài tai. Tan dần đi chất keo sơn của quốc gia, của dân tộc. Xã hội vỡ vụn ra những cá nhân. Chính vì thế mà việc cai trị trở nên khó khăn. Có phần khó hơn thời gian còn trong vòng

bí mật, khi mà bộ máy chính quyền còn manh nha đơn sơ.

Tình thế có thể khả quan hơn nếu báo chí, nếu các cơ quan ngôn luận, làm được nhiệm vụ của chúng.

Quả là những năm gần đây báo chí trong nước đã có được tự do hơn xưa. Đã phanh phui, tố giác những vụ tham ô, nhũng lạm. Một việc hay.

Nhưng đọc báo, chuyện đậm vào mắt người dân là cái nhầy nhụa nhôp nhúa của những con chiên ghẻ trong giới có quyền có chức. Là luật pháp còn quá nhiều sơ hở, thiếu sót. Là bộ máy hành chánh còn quá non nớt, bất lực.

Đó là vì thiếu hẳn phần thông tin đầy đủ, trung thực, đúng đắn về thực trạng, với những phức tạp của nó. Của tình hình quốc tế. Của xã hội, kinh tế đất nước. Ấy là vì báo chí không nêu lên được các vấn đề căn bản đang đặt ra cho đất nước, nghĩa là cho mọi người dân.

Không thấy đâu nêu lên được những khó khăn của các nhà lãnh đạo Việt Nam đang đi những nước cờ trọng hệ trong cuộc cờ thế giới. Được những gì, và phải thí những gì. Với những bấp bênh chưa định của cái thế giới đang hình thành. Không thấy đâu phân tích những hệ quả của các nước cờ ấy cho đất nước, cho dân tộc, cho mỗi con người Việt Nam.

Không thấy báo chí nào nêu lên được những trăn trở khi phải quyết định chọn một hướng phát triển cho đất nước. Cho là những trăn trở ấy là của một nhà lãnh đạo, nó chẳng những không làm giảm tầm cõi chính trị, mà trái lại nó tăng kích thước cận nhân tình của vị ấy.

Chưa hẳn là người dân đã thờ ơ với vấn đề lớn của đất nước. Ta được thấy, trong thời gian chuẩn bị đại hội Đảng cộng sản Việt Nam vừa qua, nhiều người lấy làm thích thú đọc những phương hướng chính trị kinh tế thủ tướng Võ Văn Kiệt đề ra trong bức thư gửi Bộ chính trị. Bức thư đến tay người dân chẳng do con đường các cơ quan thông tin. Mà là thư mật bị lộ ra ngoài. Có thể do ác ý đánh một đòn ngầm hại tác giả bức thư ấy. Và chuyền tay đọc vô hình trung là tiếp tay cho ác ý. Có thể là vậy.

Nhưng đó không phải là vấn đề lớn của người dân. Vấn đề là được nghe trình bày những hướng đi lớn của một tầm nhìn. Và những câu hỏi từ đó nảy ra : Tương quan giữa quốc doanh và tư doanh trong tình hình cụ thể của kinh tế Việt Nam, thế nào là phải ? Phát triển dựa vào xuất khẩu, và là xuất khẩu dầu khí. Đó là cái thế không làm khác được trong hiện trạng kinh tế đất nước ? Đã dành. Nhưng xuất khẩu rồi làm gì ? Làm sao, trên cái sức xuất khẩu ấy thúc đẩy nhịp độ hiện đại hoá nền kinh tế quốc dân mà không mất thế quân bình ? Xây dựng công nghiệp như thế nào cho hài hoà ? Làm sao đi qua cho trót lọt cái giai đoạn tế nhị bấp bênh gây dựng thị trường nội địa lớn dần tiếp sức cho thị trường xuất khẩu ?

Những vấn đề chẳng phải riêng của các nhà lãnh đạo. Vì vấn đề căn bản đặt ra cho đất nước cũng là những chuyện người công dân có quyền và có bổn phận được biết. Và mỗi vấn đề thường bao giờ cũng có nhiều giải pháp. Giải pháp nào cũng có mặt lợi mặt hại. Tranh luận và chỉ có tranh luận mới làm sáng tỏ vấn đề.

Chính trong những tranh luận đó mà tầm vóc người công

dân mới lớn mạnh. Mới có nhìn bao quát toàn diện vấn đề để mà ý thức gánh phần trách nhiệm của mình. Không thấy đâu là những loại tranh luận ấy trên mặt báo chí.

Chỉ thấy – trên báo chí trong cũng như ngoài nước – thông tin bị cắt xén, có khi bị bóp méo cho xuôi theo một hướng, cái hướng “phải đạo” của một đảng, của một nhóm này hay nhóm khác. Ai ai cũng sẵn định kiến phải nghĩ như thế nào mới là đúng, thông tin, báo chí nhằm nhòi vào óc người nghe, người đọc những phán đoán đã vào khuôn. Hơn là chất vấn hiện thực. Nhằm tạo một dư luận theo ý mình hơn là thông tin làm cơ sở cho công dân tự mình độc lập mà suy nghĩ. Tầm nhìn đã định sẵn, lấy gì cho tâm trí rộng mở. Làm sao có được thái độ tinh thần cởi mở linh động để thích ứng với tình thế bấp bênh khó lường hiện nay.

Thái độ chung của cả báo chí trong và ngoài nước chứng tỏ là nguyên nhân rất sâu xa. Từ trong nhận định, trong thói suy nghĩ của chúng ta, từ truyền thống để lại.

Dù thế nào đi nữa, hệ quả là kích thước công dân trong con người Việt Nam không ngọt bị vặt đi. Và có phải đó là kẽ hở mà nội lực, mà sinh khí của dân tộc đang rò rỉ ?

Hai mươi năm đất nước hoàn toàn độc lập, thống nhất, chưa thấy việc làm có ý thức, có hệ thống cho người công dân có được thông tin, nhận định, tri thức tương xứng với tầm vóc người dân một nước độc lập. Dù là từ chính quyền hay từ báo chí, trong cũng như ngoài nước.

Trong khi đó dù muốn dù không xã hội cứ thành hình. Thêm vững chắc, thêm cố định, kể cả những cấu trúc của rạn nứt xã hội. Cố định cả những cấu trúc bất công mà cũng là những cản trở cho sự phát triển bền lâu.

Trong truyền thống xã hội của ta, từ xa xưa không có chỗ cho vị trí người công dân. Đã dành. Nhưng đổ lỗi cho truyền thống, quá dẽ.

Nếu chính quyền, nếu báo chí, trong cũng như ngoài nước, không ai chịu nhận lấy phần trách nhiệm của mình thì kích thước công dân Việt Nam cứ teo đi, quắt lại, tịt mắt.

Mất đi cái muôn màu muôn sắc trong sức cạnh tranh, mất đi trăm phương nghìn kế ngăn chặn từ trong trứng nước các quan hệ, các cấu trúc xã hội tai hại, không để chúng trở nên bền vững như những thành trì. Lại phải một cuộc cách mạng máu xương nữa mới phá nổi.

Mà ta thì chẳng còn đủ sức lực cũng chẳng có thời giờ để lại làm cách mạng.

Chính vì vậy mà không khôi khắc khoải tự hỏi : Chúng ta có đang đánh mất từng mảng tương lai dân tộc không ?

### bùi mộng hung (9.1996)

(1) Les hommes font leur histoire, quelque tournure qu'elle prenne, en poursuivant chacun leurs fins propres, consciemment voulu, et c'est précisément la résultante de ces nombreuses volontés agissant dans des directions différentes et de leurs répercussions variées sur le monde extérieur qui constitue l'histoire. Ce qui importe donc également ici, c'est ce que veulent les nombreux individus.

(Engels, Ludwig Feuerbach et la fin de la philosophie allemande).

# Con heo trong hội đồng thi

truyện ngắn của  
Phạm Huy Kỳ

Phạm Huy Kỳ là một thầy giáo. Ba mươi mốt năm dạy học, giữa những buồn vui cũ còn lại một tâm trạng này : "Giám khảo chấm thi chỉ cần bài thi có chữ để được cho đậu". Lòng ông chẳng yên. Câu chuyện mà Phạm Huy Kỳ kể lại, ông bảo đã hơn mươi năm rồi. Hoa ngày ấy giờ đều đã kết thành trái cà. Chỉ có điều...

Tôi đọc sách, thấy trong tác phẩm của ông Trương Tiến Lăng, phó chủ tịch Hội Nhà văn Trung Quốc, có viết : "Những chuyện cũ không cần phải nhắc đến nữa. Nếu có những trường hợp phải nhắc đến thì chỉ với mục đích xây dựng". Tôi nghĩ điều đó rất đúng, viết văn với mục đích xây dựng có lẽ cao hơn các mục đích khác. Điều này trùng hợp với ý kiến của nhà văn Thạch Lam trong lời tựa của tập truyện ngắn *Gió đầu mùa*.

Vậy thì đây, tôi cũng xin kể một câu chuyện trong đời nhà giáo, "chỉ với mục đích xây dựng".

Năm ấy tôi được anh hiệu trưởng đề cử làm tổ trưởng khoa học tự nhiên trong kỳ chấm thi tốt nghiệp phổ thông trung học tại tỉnh, do anh làm chủ tịch hội đồng.

Ngày đầu làm lễ khai mạc, ông Sáu trưởng ty giáo dục nhắc nhở : "Các đồng chí phải chấm thi sao cho có chất lượng, nghĩa là đảm bảo tính khách quan, công minh, chân thực. Nên nhớ tinh ta là tinh nấm lá cờ đầu về mọi phương diện. Riêng ngành giáo dục, nếu thí sinh của chúng ta cũng đạt tỉ lệ thi đậu từ 90 phần trăm trở lên như năm ngoái, ấy là các đồng chí đã làm tốt công tác".

Ông chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh phát biểu : " Tại sao chúng ta lại lấy con số 90 phần trăm làm định mức ? Theo tôi nghĩ, việc học ngày càng tiến bộ, các thày cô giáo ngày càng dạy giỏi, các học sinh con em chúng ta ngày càng học giỏi, vậy thì tỉ lệ thí sinh thi đậu năm nay nếu cao hơn năm ngoái cũng là một điều tốt, hợp với lôgich".

Ông bí thư tỉnh uỷ phát biểu : "Tôi đã thấy nhiều tinh, nhất là các tinh miền Bắc, có những nơi tỉ lệ thí sinh thi đậu đạt tới 100 phần trăm. Phải nói rằng điều kiện kinh tế của các tinh đó khó khăn hơn ta. Vậy tại sao học sinh của họ đậu cao, đậu nhiều hơn ta ? Các thày giáo cô giáo nên lấy đó làm điều suy nghĩ, và các đồng chí giám khảo nên lấy đó làm gương phấn đấu..."

Sau đó, ông Chín Đức, phó ty giáo dục đặc trách khảo thí, thay mặt hội đồng lên phát biểu và hứa sẽ hoàn thành tốt công tác. Ông nói : "Đấy các đồng chí đã nghe chỉ thị của uỷ ban nhân dân và của tinh uỷ : tỉ lệ thí sinh thi đậu của chúng ta năm nay phải cao hơn năm ngoái, nghĩa là cao hơn

con số 90 phần trăm. Các đồng chí đã nghe rõ chưa, đã nhất trí chưa ? Nếu ai không nhất trí thì giơ tay lên, được quyền phát biểu". Chúng tôi đưa mắt nhìn nhau, chẳng ai dám giơ tay. Ông cười vui vẻ. "Rồi, xong, vấn đề tỉ lệ coi như đã được biểu quyết. Bây giờ tôi xin nhường lời cho đồng chí chủ tịch hội đồng giám khảo".

Anh hiệu trưởng đứng dậy tại chỗ, nói rất vắn tắt : "Thưa quý vị và thưa các đồng chí, nhân danh chủ tịch hội đồng, tôi xin tuyên bố hội đồng giám khảo bắt đầu làm việc kể từ giờ phút này cho đến khi hoàn tất công tác đã được ty giao phó. Xin mời các đồng chí ai ở bộ phận nào về vị trí của mình đứng theo nguyên tắc chấm thi : nội bất xuất, ngoại bất nhập đã có sẵn từ ngàn xưa. Hết."

Ra đến ngoài, lúc xuống cầu thang lầu, Trần khẽ huých khuỷu tay vào bụng tôi : "Thằng cha hiệu trưởng trưởng cậu khôn thật, đáng nể mặt thật. Chánh chủ khảo mà không phát biểu, không hứa hẹn một điều gì cả. Nếu chả cũng hứa tỉ lệ thí sinh thi đậu sẽ đạt trên chín mươi phần trăm trước khi bắt tay vào việc, chưa biết bài vở tụi nó làm ra sao như ông Chín Đức có lẽ anh em tụi mình cũng nên bái bai cái nghề coi thi chấm thi đi là vừa !".

"Nội bất xuất, ngoại bất nhập", nghĩa là không ai được quyền bước chân vào các phòng đang chấm bài, kể cả chính chủ khảo. Còn các giáo viên, đã vào là không ra ngoài hoặc đi loảng quăng trong sân. Mọi việc đã có chúng tôi liên lạc. Tôi làm con thoi, liên hệ giao bài, nhận bài, lập các văn bản giữa phòng hội đồng và ba phòng chấm bài : toán, hoá, sinh, thuộc tổ khoa học tự nhiên. Giờ này họ đang tranh luận với nhau về đáp án, biểu điểm, khi đã nhất trí thì bắt đầu chấm chung cả phòng một số bài dưới sự phụ trách của nhóm trưởng để có sự đều tay, sau đó lập danh sách phân chia cứ hai người một cặp, chấm riêng. Nhóm toán là hay tranh cãi nhất, ngày trước có lần tôi đi chấm thi, cũng làm trong hội đồng, tôi thấy họ cãi nhau suốt hai ngày liền kêu đe toán có chỗ mập mờ, chấm oan thí sinh. Sau, chủ tịch hội đồng phải giải quyết bằng cách gọi dậy nói cho Nha khảo thi bỏ câu đó, thí sinh làm đúng hay sai đều được tính điểm, bấy giờ họ mới chịu chấm. Riêng nhóm văn, cả thời cũ lẫn thời mới đều chấm chậm nhất, hội đồng thường phải chờ hoặc tìm cách kiểm thêm người tăng cường.

Đi lại nhiều nên hai chân tôi chưa thuần, mỏi nhừ. Đến bữa ăn, chúng tôi ăn không nổi vì cơm chỉ có một món "canh" là rau muống bằm nhỏ nấu với muối hoặc nước mắm, không có bột ngọt, và một món "mặn" là cá đuối khô kho lồng bông những nước chung với những miếng thơm (dứa). Cơm dư ê hề còn đầy ắp trong các chậu nhựa.

Buổi chiều, nhóm toán đã bắt đầu chấm riêng từng cặp, và đến bữa ăn lại vẫn như cũ : "canh" rau muống và cá đuối khô nấu lồng bông với củ cải khô thái từng lát mỏng.

Buổi tối, anh Năm Quang, phó ty đặc trách đời sống, ngồi chơi với chúng tôi trên hành lang. Anh đã lớn tuổi và là người cùng tinh với tôi nên tôi thường gọi anh bằng anh, xưng em ; nhưng lúc thân mật anh thường mày tao với tôi : "Cậu thấy tình hình tổ tự nhiên thế nào ?". "Chưa biết được anh à. Nhóm toán chiều nay mới bắt đầu chấm. Còn nhóm hoá với

*nhóm sinh nghe nói điểm từ trung bình trở lên chỉ có cỡ chừng 30 phần trăm". "Sao, có 30 phần trăm thôi à ? Vậy thì chết ông Chín Đức rồi". Tôi mỉm cười : "Em sợ còn không được như thế nữa, bởi vì điểm môn toán mới đáng ngán. Nhưng cũng chẳng sao đâu anh, ông Chín Đức có phép thần thông biến hoá. Anh thấy ấy, năm ngoái số bài trung bình còn ít hơn năm nay, tỉ lệ đậu chính thức chỉ đạt 42,5 phần trăm, vậy mà ông ấy nâng lên đậu 90,2 phần trăm một cách dễ dàng, nghĩa là hơn gấp đôi con số chính thức". Rồi tôi kết luận : "Dù sao ông Chín Đức vẫn còn là người có suy nghĩ. Lấy hơn 90 phần trăm tức là ông ấy vẫn còn loại ra những bài bỏ giấy trắng và những người chỉ có tên trong danh sách, không đi thi. Như anh đã biết, tỉ lệ thí sinh thi đậu tính trên danh sách nộp đơn dự thi chứ không phải trên số người thực sự có mặt trong kỳ thi. Cả tỉnh lấy đậu 100 % nghĩa là họ lấy cả những bài bỏ giấy trắng vì quá kém, làm bài không nổi, và những người bỏ cuộc hoặc những người ở nhà vì lý do này hay lý do khác, không dự thi". Anh Năm im lặng dường như né tránh không muốn đề cập tới chuyện đó nữa. Lát sau anh hỏi : "Thế còn ăn uống, cậu thấy anh em có than phiền gì không ?". "Than quá đi ấy chứ, anh bảo không than sao được. Canh rau muống nấu với muối trắng không có bột ngọt ; món mặn toàn cá đuối khô lồng bong nước, mùi nó kỳ lắm, chẳng ai nuốt nổi. Anh cho tụi em ăn giống như... giống như... Thôi, em không nói nữa, nói nhiều bụng đã đói lại càng thêm mệt, để sức chống cự với cái đói ban đêm". Anh phó ty thở dài : "Tao đã đề nghị mỗi ngày đóng ba đồng với nửa ký gạo, ty cho thêm hai đồng nữa là năm nhưng ông Chín Đức lại bảo thôi, ba đồng nhiều quá sợ có người không đóng nổi nên quyết định chỉ bắt đóng có một đồng. Tao biết anh em đói, sáng không có gì ăn lót dạ mà vẫn phải ngồi chấm bài nên chiều nay tao đã liên hệ xin được với bên thương nghiệp cho anh chị em mỗi sáng mỗi người nửa ổ bánh mì, tuy nguội nhưng còn hơn không".*

Sáng hôm sau quả nhiên có bánh mì thật, mỗi người nửa ổ, đã cắt sẵn, nguội ngọt, mềm èo, anh nào anh nấy đứng trên hành lang mà nhai vì họ giao hơi muộn, còn các cô thì lấy giúp cho nhau đem về phòng mình. Buổi trưa, ông phó ty đặc trách thí vụ nghe báo cáo số bài đã chấm khoảng 26,5 - 31,5 phần trăm trên trung bình tuỳ theo từng môn, nghĩa là tỉ lệ thí sinh thi đậu sẽ không thể nào vượt quá con số 31,5 %, ông cuống quýt vội vàng gọi máy bộ đàm mời ngay ông trưởng ty tới. Văn phòng hội đồng khép cửa họp kín suốt hơn một tiếng đồng hồ toàn các ông lớn với nhau. Lúc 1g30, thay vì xuống phòng, chủ tịch hội đồng thi gọi micro ra lệnh tạm ngừng chấm, mời tất cả các giám khảo tập trung lên phòng khánh tiết để gấp gõ ban lãnh đạo. Tôi thấy anh không tham dự. Anh vẫn giữ cương vị khách quan của một chủ tịch hội đồng.

Ông phó ty đặc trách thí vụ nói rất gay gắt : "Tôi biết có bài tụi nó làm đặc kín hết bốn trang giấy, sai hết từ đầu tới cuối, các đồng chí giám khảo môn toán cho không điểm. Vậy là sao ? Đúng. Các đồng chí chỉ đúng trên phương diện khoa học nhưng hoàn toàn sai nếu xét trên khía cạnh lao động. Tình thần lao động của các đồng chí để đâu ? Công phu lao động viết bốn trang giấy của nó các đồng chí bỏ đâu ? Chấm

bài, các đồng chí phải chấm theo tinh thần lao động, phải tính cho nó cái lao động...".

Riêng ông trưởng ty thì nói rất hoà nhã. Ông tâm sự rằng ty đã trót hứa với lãnh đạo tỉnh tỉ lệ thi đậu trên 90 % thì biết làm sao ? Ông kêu gọi mọi người một sự thông cảm trong đó có sự nhân nhượng "tất cả vì đàn em thân yêu của chúng ta" và ông đề nghị chấm lại từ đầu theo tinh thần đã được đồng chí Chín Đức trao đổi. Cuộc họp xong, ông và người tài xế lên xe đi ngay, có vẻ rất vội.

Buổi chiều ông về, đi theo xe ông là một chiếc xe lam chở một con heo rất lớn, to như con bê, có sợi dây thừng xỏ ở một bên tai. Người tài xế xe lam nói con heo nặng một tạ ba. Ông trưởng ty bảo cột sợi dây thừng vào một gốc cây ở ngay trước sân và cột thêm một chân nữa kéo nó chạy mất. Rồi ông cười cười nói đùa : "Heo này là của uỷ ban tinh tặng cho hội đồng làm tiệc liên hoan mừng tỉ lệ học sinh đậu trên 90 %. Các đồng chí muốn ăn thịt heo thì cho điểm rộng vô. Nếu tỉ lệ dưới 90 % thì không có liên hoan liên đồn gì hết ráo tro, tui trả con heo lại cho uỷ ban tinh".

Từ đấy bữa cơm của chúng tôi được tăng cường, có cá có thịt và mỗi phòng lại có cả cà phê đá nữa. Tỉ lệ trung bình càng tăng thì ngay hôm sau thức ăn càng ngon. Mọi người cười cười nói đùa với nhau : "Chấm theo tinh thần lao động. Muốn ăn thịt heo thì cho điểm rộng". Nhưng, điểm trung bình lên được tới cỡ 60 % thì ngừng, không leo lên thêm được nữa bởi vì có những trường hợp học sinh làm bài rất kém, ví dụ hoàn toàn bỏ giấy trắng, chỉ để hai chữ "bài làm", giám khảo không có cách chi cho điểm. Nhưng chúng tôi vẫn được ăn ngon

Đến hôm liên hoan tổng kết, con heo đã được làm thịt từ sáng tinh mơ, cỗ bày linh đình. Ông trưởng ty giáo dục hân hoan tuyên bố tỉ lệ đậu 91,37 % và ông khen ngợi thầy cô giáo các trường, khen ngợi chúng tôi. Ông chủ tịch uỷ ban nhân dân, ông bí thư tỉnh uỷ không biết việc hạ thấp thang điểm xuống tới mức khủng khiếp, tuyên dương cả ngành giáo dục của tỉnh nói chung. Trường tôi đứng đầu, đậu 97,36 %, trong số đó có cả em Nguyễn Văn Điện và Lê Thị Cúc, những học sinh học kém nhất trong bốn lớp 12, chúng tôi không nghĩ các em có thể đậu nổi. Năm sau, tôi được nghe nói Lê Thị Cúc xin được vào làm thư ký trong hợp tác xã mành trúc xuất khẩu, còn Nguyễn Văn Điện thì ông già làm lớn, được tỉnh gửi lên học y khoa tại Thành phố Hồ Chí Minh.



**M**ười năm sau, tôi đã được đổi về Thành phố Hồ Chí Minh, một lần bị cảm sốt, nhức đầu sổ mũi nên ra phòng khám khu vực khám bệnh. Vị bác sĩ là Nguyễn Văn Điện. Nhận ra tôi, Điện cười có vẻ hân hoan : "Thầy biết tôi là ai không thầy ? ", "Biết, Bác sĩ Nguyễn Văn Điện". "Đó, thầy thấy chưa, hồi đó đi học người nào cũng la tôi học kém, bây giờ tôi cũng bác sĩ chờ có thua ai đâu. Sao nào, thầy bình ra sao nào ? ". Tôi nói tôi bị cảm sốt, thường hay nóng lạnh, chưa măi không khỏi. Điện khám rồi ghi toa cho tôi gồm hai thứ, mỗi thứ bốn viên Dectacyl, bốn viên Ampiclox,

(xem tiếp trang 37)

# Cái đẹp trong hội họa

Văn Ngọc



Delacroix. Étude pour la Mort de Sardanapale

Vẽ cái gì, vẽ thế nào luôn luôn là câu hỏi đặt ra cho người họa sĩ, ngay cả khi hội họa nằm trong một cái khung truyền thống, ước lệ nào đó, tưởng như bất di bất dịch, hoặc bị gò bó trong chức năng phục vụ một ý thức hệ, hay một quyền lực.

Hội họa này sinh từ nhu cầu diễn đạt tư tưởng bằng ngôn ngữ tạo hình, từ bản năng thẩm mỹ của con người. Dần dần, nó được xây dựng bằng những quy ước mà chính con người đặt ra để thẩm định nó, dựa trên một sự đồng thuận giữa người sáng tác nghệ thuật và người thưởng thức nghệ thuật.

Vai trò của quần chúng xem tranh, cũng như của các nhà phê bình lý luận nghệ thuật, do đó cũng gắn liền với sự phát triển của nghệ thuật.

Xã hội thay đổi, đời sống con người thay đổi, thì những tình cảm thẩm mỹ và những quy ước trong nghệ thuật cũng thay đổi.

Mặt khác, bản chất của nghệ thuật là sáng tạo và đòi hỏi một sự tìm tòi liên tục để vượt qua những cái mà bản thân người nghệ sĩ cho là cũ, là lỗi thời, hoặc sai lầm, mà mình muốn phủ định. Mỗi lần như thế, người ta lại đặt ra những qui ước mới.

Câu hỏi vẽ cái gì nêu lên một cách trực tiếp vấn đề nội dung, vấn đề mục đích của hội họa.

Còn vẽ thế nào thì lại là một vấn đề liên quan đến hình thức diễn đạt của hội họa, đến quan niệm về cái đẹp trong nghệ thuật qua các thời đại và qua các trường phái.

Trong khuôn khổ của bài này, chúng tôi chỉ đề cập đến vấn đề thứ hai.

## Cái đẹp và sự tiếp cận cái đẹp trong hội họa

Ý niệm đẹp và vấn đề thẩm mỹ là một phạm trù triết lý phức tạp, khó hiểu và khó giải thích, nhưng có lẽ chính nó lại là cái cốt lõi của nghệ thuật hội họa !

**Thế nào là đẹp ?** Nhiều triết gia xưa nay đã bàn về vấn đề này, nhưng cũng chỉ xác nhận được một đôi điều, như : « cái đẹp không có khái niệm, nó chỉ là một ý niệm chủ quan, nó không nằm trong sự vật, mà chỉ tồn tại trong ý thức con người. Khi ta khen một vật gì đẹp, chỉ có nghĩa là riêng ta thấy nó đẹp, người khác có thể không thấy nó đẹp » (Kant, *Critique du jugement*, §1). Kant lại còn nhấn mạnh rằng : « cái đẹp không có quy luật, một khi đã có những tiêu chuẩn qui định nó một cách rõ ràng rồi, thì không còn cái đẹp nữa » (Kant, *Critique du jugement*, §33).

Hegel cũng có những kết luận tương tự, nhưng ông đã đi xa hơn trong những suy nghĩ về nghệ thuật : « nghệ thuật không thể nào là đối tượng của một sự nghiên cứu có tính cách khoa học, bởi vì nghệ thuật là sản phẩm của óc tưởng tượng, mà những hình thể trong thế giới tự nhiên lại vô cùng tận, hơn nữa, nó lại còn có khả năng tự sáng tạo ra những hình thể dựa trên chính nó...» ; hoặc : « mỗi người có một khiếu thẩm mỹ riêng, vậy làm sao định ra được những qui tắc chung cho nghệ thuật ? » (Hegel, *Introduction à l'Esthétique*, §3).

Về ý niệm đẹp, Hegel còn có nhiều nhận xét khác đáng chú ý : « nếu cái đẹp được nhận dạng dưới vô vàn hình thức khác nhau (những đồ vật, tác phẩm nghệ thuật, được cho là đẹp), trong con người ta ắt hẳn phải có một bản năng cho phép họ cảm nhận cái đẹp một cách tự nhiên. Mặt khác, cũng vì cái đẹp có muôn hình, muôn vẻ, mà lại là những dạng đặc thù khác nhau, cho nên không thể nào có được một ý niệm chung về cái đẹp, cũng như về khiếu thẩm mỹ » (Hegel, sđd § 3).

Những điều các triết gia nói ở trên, về mặt triết lý chắc chắn là đúng. Song người ta có thể hiểu một cách đơn giản rằng : cái đẹp (tuyệt đối) không tồn tại một cách khách quan trong sự vật, cũng như trong tác phẩm nghệ thuật, mà chỉ có ý niệm về cái đẹp tồn tại trong đầu óc con người với những tiêu chuẩn, ước lệ được định sẵn, với sự đồng thuận của cộng đồng xã hội, con người ban cho sự vật cái danh hiệu đẹp là vì nó đáp ứng những tiêu chuẩn đó.

Trên thực tế, điều gì đã xảy ra trong lãnh vực nghệ thuật tạo hình từ mấy nghìn năm nay ?

Chúng ta biết rằng, ngay từ thời cổ đại Ai Cập, Hy Lạp, con người đã phải tìm ra những chỗ dựa về mặt lý thuyết cho ý niệm đẹp, và người xưa đã phải đặt ra những tiêu chuẩn, ước lệ, để sáng tạo ra cái đẹp và thẩm định những tác phẩm nghệ thuật, bắt cứ đó là nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc, hội họa hay văn chương.

**Nghệ thuật Ai Cập cổ đại** (3000 năm trước C.N.) đã lấy khái niệm tỷ lệ và những con số vàng (Nombre d'or) làm mục thước cho cái đẹp trong kiến trúc, điêu khắc, và hội họa. Cụ thể là họ đã sử dụng hình tam giác vuông với kích thước của các cạnh theo tỷ lệ 3,4,5, cũng như họ đã sử dụng tỷ lệ của section d'or và chuỗi số 1,2,3,5,8,13,21, mang tên nhà toán học Ý ở thế kỷ XIII (suite numérique de Fibonacci) trong các công trình kiến trúc, và hơn thế nữa, họ đã biết sử dụng một loại thước, kẻ ô vuông ngang dọc, mang kích thước của các bộ phận con người, như thể cái thước Modulor của Le Corbusier, để qui định mục thước trong điêu khắc, hội họa và



Van Gogh - Chân dung tự họa

kiến trúc.

**Nghệ thuật Hy Lạp-La Mã cổ** (thời kỳ cổ điển, thế kỷ V trước C.N.) cũng lấy lại những khái niệm về tỷ lệ để làm tiêu chuẩn thẩm mỹ. Một ngôi đền Hy Lạp cổ được coi là đẹp, là *cố điển*, chỉ khi nào nó được thiết kế theo đúng những kích thước tỉ mỉ đã được qui định. Những *thức* (*ordre*) Dorique, Ionique, chẳng hạn, là những hệ thống ước lệ và là những nhân tố thẩm mỹ không thể thiếu được trong kiến trúc phương Tây trong một thời gian dài. Một bức tượng cổ Hy Lạp cũng được sáng tác dựa trên những tiêu chuẩn, ước lệ về cái đẹp cổ điển. Tư tưởng phương Tây, trong không biết bao nhiêu thế kỷ, đã chịu ảnh hưởng của những khuôn mẫu Hy Lạp – La Mã cổ ấy và đã lấy chúng làm chuẩn mực cho cái đẹp.

Sau các nghệ thuật cổ đại Ai Cập, Hy Lạp và La Mã, các nền nghệ thuật tạo hình **thời Trung cổ và thời Phục Hưng** cũng đều có những tiêu chuẩn để sáng tác và để thẩm định cái đẹp, mỗi thời kỳ một khác nhau, từ nghệ thuật Byzance, Roman, Gothique, đến Tiền Phục Hưng, vv... Quan niệm hiện thực đã được đẩy rất xa trong nghệ thuật hội họa thời Phục Hưng, chẳng hạn..

**Trường phái Baroque** (ra đời ở Ý, đầu thế kỷ XVII), lần đầu tiên áp dụng một cách triệt để khái niệm *nhip điệu*, biểu hiện của sự chuyển động và sự sống, vào trong cả ba ngành nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc và hội họa. Bắt đầu từ đó, *nhip điệu* trở nên một nhân tố quan trọng không thể thiếu được nữa trong nghệ thuật tạo hình, đôi khi nó đã áp đảo hẳn khái niệm tỷ lệ. (1)

(Ở đây, cũng cần mở một dấu ngoặc : khái niệm *nhip điệu*, cũng như khái niệm *chấn phá*, thể hiện sự chuyển động, sự sống, hoặc sự tương phản, đã được sử dụng một cách phổ biến trong các tác phẩm hội họa phương Đông và được coi như là những qui luật nghệ thuật quan trọng từ hàng mấy ngàn năm nay. Những khái niệm này cũng nằm ngay trong nghệ thuật thư pháp (*calligraphie*) của người Á Đông).

Ảnh hưởng của phong cách baroque đã rất sâu rộng đối với các ngành nghệ thuật ở Âu châu đương thời.

Mặc dầu thế, **trường phái Cố điển**, đặc biệt ở Pháp, đã có những phản ứng ngược lại. Nếu cái đẹp được quan niệm trong nghệ thuật Baroque là một cái gì bay bướm, tự do, đôi

khi rướm rà, thì trong nghệ thuật cổ điển nó lại là mực thước, là trật tự, là sự minh bạch rõ ràng.

Theo quan niệm *cố điển* (thế kỷ XVII), cái đẹp trong nghệ thuật và cả trong văn học đồng nghĩa với cái *thật* (chân, thiện, mĩ). Người ta còn nhớ câu nói nổi tiếng của Boileau (1636-1711) khẳng định lý tưởng cổ điển như sau : « *Không có cái gì đẹp bằng cái thật, chỉ có cái thật mới làm cho ta yêu thích* » (Rien n'est beau que le vrai, le vrai seul est aimable). Đối với các nhà lý luận nghệ thuật và các nghệ sĩ của trường phái cổ điển thời ấy, cái *thật* một mặt nằm ở trong những mẫu mực nghệ thuật cổ điển của người xưa, trong những truyện tích thần thoại Hy Lạp – La Mã cổ, mặt khác nằm ở trong thiên nhiên, vì họ cho rằng chỉ có bắt chước giống thiên nhiên mới là thật.

Ở đây cái đẹp không chỉ nằm trong hình thức, mà nằm ngay trong cái nội dung *thật* có tính chất chuẩn mực, hoặc tính chất đạo lý, hay triết lý.

**Trường phái Lãng mạn** tìm cái đẹp trong những tình cảm cao quý, trong cảm xúc của con người trước những cảnh thiên nhiên hùng vĩ. Ngoài ra, nó còn tìm nguồn cảm hứng trong những đề tài lịch sử và trong văn chương lãng mạn. Friedrich, một trong những họa sĩ lãng mạn có tài, đã từng nói : « *người họa sĩ không chỉ đơn thuần vẽ những cái gì mắt*



mình nhìn thấy, mà còn phải vẽ cả những cái gì mà mình nhận thức được ở trong đầu ».

**Chủ nghĩa Hiện thực** (tự nhiên) ra đời trong một bối cảnh xã hội khá đen tối, trong đó nhiều vấn đề xã hội được khơi dậy. Đây là thời đại của Zola, của Flaubert, Guy de Maupassant, vv... Courbet, người đại diện cho trường phái hiện thực tự nhiên cũng đặt mục tiêu cho hội họa là *miêu tả sự vật theo đúng như thực tế*, một cách khách quan, do đó cũng chỉ giới hạn ở sự mô tả lạnh lùng, với phong cách khá cổ điển.

**Trường phái Ảnh tượng** chủ trương nắm bắt cái đẹp trong phong cách diễn đạt, đặc biệt là trong nghệ thuật chế ngự màu sắc và ánh sáng, với một số ước lệ và qui luật. Ánh sáng và màu sắc đóng một vai trò quan trọng trong quan niệm nghệ thuật của trường phái này. Trên các tác phẩm Ảnh tượng, đôi khi ánh sáng làm biến mất đi hình thể và kết cấu của sự vật và chỉ để lại những Ảnh tượng của màu sắc, thường là những màu sắc êm dịu, tươi mát.

**Trường phái Biểu hiện**, đối lập hẳn với trường phái Ảnh tượng về mặt hình thức diễn đạt, nó gạt bỏ những gì thanh cao, trưởng giả, để chỉ vẽ những đề tài lấy từ cuộc sống hàng ngày, phong cách diễn đạt mạnh mẽ, đôi khi dữ dội, màu sắc tương phản, nói lên một sự nổi dậy mãnh liệt của con người, ít ra cũng là của bản thân người nghệ sĩ. Ta hãy nghe Paul Klee nhận xét bằng một hình ảnh vừa chính xác, lại vừa khôi hài : « *Đối với trường phái Ảnh tượng, cái lúc khởi đầu quyết định của một tác phẩm là lúc mà màng lưới mắt (réteine) của người họa sĩ vừa tiếp nhận được Ảnh tượng từ ngoại vật. Còn*

*đối với trường phái biểu hiện, đó là lúc Ảnh tượng đã được quay ngược trở lại...».*

**Trường phái Lập thể**, tuy không phủ định hoàn toàn đối tượng, nhưng đi tìm cái đẹp trong sự phân tích mổ xẻ đối tượng để rồi lập lại nó trong một quan niệm thẩm mỹ đặc thù, mang khá nhiều ảnh hưởng của nghệ thuật nguyên thuỷ (*Art primitif*). Trường phái lập thể là một phản ứng gần như toàn diện đối với những truyền thống hội họa trước đó, chứ không chỉ riêng đối với trường phái Ảnh tượng, mà nó cho rằng đã chỉ thể hiện lên cái bè ngoài mong manh, mảnh hết cấu trúc, của sự vật. Nó nằm giữa hội họa hình tượng và hội họa không hình tượng. Dường như các nhà họa sĩ trường phái này vẫn còn dùng dằng, quyền luyến với một số biểu hiện của thế giới tự nhiên, của đời sống thường ngày : cây đàn, tờ báo, bao thuốc, vv... tuy rằng những vật thể này trên các tác phẩm của họ chỉ còn một ý nghĩa gợi ý, tượng trưng xa xôi.

Tóm lại, trong ngôn ngữ tạo hình của trường phái này cũng có nhiều ước lệ, nếu không chấp nhận chúng thì sẽ không thể hiểu nổi những ý đồ của tác giả, cũng như sẽ không thấy được cái đẹp của tác phẩm.

**Trường phái Trừu tượng** tiếp cận cái đẹp một cách trực tiếp, bằng một ngôn ngữ trừu tượng (hoặc *không hình tượng*, có nghĩa là không có một hình thể nào liên quan đến thế giới tự nhiên). Thực ra, ngôn ngữ diễn đạt của hội họa trừu tượng là gì, nếu không là cái ngôn ngữ được cấu thành bởi những nhân tố thẩm mỹ quen thuộc, đó là những gì làm nên một bức tranh : bắt đầu là *ý chủ đạo* (trong hội họa hình tượng, đó là *đề tài*, thuộc nội dung tư tưởng của tác phẩm), rồi đến *bố cục*, *hình thể*, *đường nét*, *màu sắc*, *tỷ lệ*, *nhiệt độ*, vv... Trong sáng tác, người họa sĩ trừu tượng không có một chỗ dựa nào khác ngoài *sự thôi thúc nội tâm* (*nécessité intérieure*), mà Kandinsky thường nói đến, và một hành trang kiến thức về hội họa, nói chung, trong đó bao gồm cả cái quan niệm thẩm mỹ mà bản thân người họa sĩ đã tự xây dựng cho mình như thể một thứ cương lĩnh nghệ thuật.

Xem như vậy, **cách tiếp cận cái đẹp của các họa sĩ**, hoặc các trường phái hội họa, khác nhau là do cái quan niệm nghệ thuật của họ khác nhau, là do những qui ước về cái đẹp khác nhau.

Người ta thường quen nói : *cái đẹp cổ điển*, hoặc *cái đẹp Ảnh tượng*, vv... là để chỉ toàn bộ những nhân tố thẩm mỹ có tính cách qui ước tạo nên cái quan niệm đẹp của mỗi trường phái.

Một bức chân dung của Van Gogh khác với một bức chân dung của Modigliani. Cả hai đều đẹp, nhưng mỗi bức đẹp một vẻ.

Cũng như, quả táo trong một tác phẩm thời Phục Hưng khác với quả táo của Cézanne, mỗi quả đều có nét đẹp riêng của nó.

Như vậy có nghĩa là *cái đẹp* không phải là *cái đẹp* (hay *cái xấu*) nằm ở trong bản thân khuôn mặt thật, hay quả táo thật, được lấy làm mẫu, mà nằm trong *cách nhìn nó và thể hiện nó lên tranh* của người họa sĩ, với một quan niệm nghệ thuật nhất định.

Phong cách của Van Gogh khác với phong cách của



Modigliani từ hình thể, nét vẽ, đến màu sắc, vv... Sự khác nhau đó là sự khác nhau về *quan niệm cái đẹp*, không phải cái đẹp trùu tượng, không có hình thù, không có khái niệm, như đã trình bày ở trên, mà là *cái đẹp đã được qui ước cho mỗi nhân tố cụ thể* cấu tạo nên nó : cái đẹp của bối cảnh, tỷ lệ, nhịp điệu, hình thể, nét vẽ, màu sắc, chất liệu, vv... Mỗi *cái đẹp bộ phận* này cũng có muôn hình muôn vẻ : một bối cảnh đẹp, hay một hình thể đẹp đều có nhiều dạng khác nhau, nhưng đều tuân theo một số qui luật thẩm mỹ nhất định. Trên một tác phẩm hội họa những nhân tố này thường có quan hệ mật thiết với nhau, và ảnh hưởng lẫn nhau.

Trong hội họa hình tượng, thực ra, bao giờ cũng vẫn có những nhân tố trùu tượng. Bởi vì ngay cả trên một bức họa *hiện thực* nhất, sự vật cũng chỉ là sự vật đã bị ít nhiều *khái quát hoá* và *trùu tượng hoá*.

Có thể nói, một cách bông đùa, rằng sự khác nhau giữa hội họa hình tượng và hội họa trùu tượng là ở chỗ : hội họa hình tượng phải cần quả táo của Cézanne, hay bức chân dung của Modigliani mới nắm bắt được cái đẹp nghệ thuật, còn hội họa trùu tượng chỉ cần một số khái niệm thẩm mỹ... trùu tượng.

Đó là một số nhân tố cho phép tìm hiểu sự tiếp cận cái đẹp, hay nói một cách khác, sự chất vấn, hoặc nắm bắt cái đẹp của người họa sĩ, nói chung.

## Con heo...

(tiếp theo trang 33)

mỗi lần mỗi thứ một viên uống chung với nhau, ngày ba lần, và thêm một chai xirô.

Buổi tối tôi mới uống được một lần, cõi hai giờ sáng bụng đau quằn quại, nôn mửa ra máu, rồi tôi ngất xỉu, gia đình phải đưa đi bệnh viện cứu cấp.

Bác sĩ bảo tôi bị lủng bao tử, phải làm thủ tục khẩn cấp đưa tôi lên bàn mổ nếu không trong vòng hai tiếng đồng hồ bao tử tôi sẽ bể tung ra, xuất huyết nội và tôi sẽ chết, không có cách chi cứu chữa.

Tôi được cứu thoát. Hôm sau, tôi đã tỉnh, chính bác sĩ đã mở cho tôi lên thăm bệnh. Tôi đưa toa thuốc Đientes đã ghi, ông ngạc nhiên :

– Quái nhỉ, tay này vừa đi học vừa ngủ gục hay sao mà không biết Dectancyl và Ampiclox là hai thứ thuốc rất tốt nhưng không được quyền uống chung với nhau. Hễ cho uống chung, chỉ cần hai viên thôi nó sẽ phá bao tử, bệnh nhân sẽ chết.

Tôi im lặng không nói cho ông biết Đientes là học trò cũ của tôi, học kém thuộc hàng nhứt trường và đã được gửi đi học y khoa theo hệ học “gửi”, không phải thi cử gì cả.

Thế đấy, giáo dục sâu xa thế đấy, các tinh cử việc cho đậu trăm phần trăm đi ; những người cho đậu có thể không sao đậu nhưng năm, mười hay nhiều năm sau, những người không liên quan, không có quyền quyết định gì cả, chỉ... đi trong sân trường như tôi sẽ lãnh hậu quả.

Phạm Huy Kỳ

(Tuổi Trẻ Chủ Nhật, 11.8.96)

Còn cách tiếp cận của người thường thức tranh thì ra sao ?

Xuất phát từ định nghĩa của các nhà triết học về cái đẹp trong nghệ thuật : *cái đẹp không nằm ở trong tác phẩm hội họa* (Kant, Hegel, vv...), ý niệm đẹp chỉ được hình thành và được nhận biết ở trong đầu óc người thường thức tranh, khi nào những nhân tố thẩm mỹ, được coi như là những tiêu chuẩn (*bối cảnh, hình thể, đường nét, màu sắc, tỷ lệ, nhịp điệu...*), mà người đó tích luỹ được ở trong đầu qua kinh nghiệm, cho phép người đó thẩm định cái đẹp của nó (cái đẹp bộ phận và cái đẹp toàn thể). Ngoài ra lại còn có những tiêu chuẩn khác về văn hoá, văn học, vv...

Ngôn ngữ của hội họa trùu tượng, chẳng hạn, cho phép người thường thức tranh tiếp cận cái đẹp một cách trực tiếp, ngược lại, nó đòi hỏi ở họ một trình độ kiến thức nghệ thuật tương đối cao để có thể thẩm định giá trị của nó.

Trên một tác phẩm hội họa *hình tượng*, bao giờ cũng có những nhân tố của thế giới tự nhiên, của lịch sử, của văn học, vv... đôi khi làm cho người ta lầm lộn cái đẹp (cái thật, cái tốt), hoặc cái xấu, của nội dung với cái đẹp, hoặc cái xấu, của hình thức.

Còn trên một tác phẩm *trùu tượng*, thì chỉ có các nhân tố thuần túy thẩm mỹ mà thôi.

Cả hai đều nhắm vào một mục đích duy nhất là sự tiếp cận cái đẹp.

Văn Ngọc

(1) **Hội họa Baroque** (*Peinture Baroque*, đầu thế kỷ XVII, với Caravage (Ý), Rubens, Rembrand (Hà Lan), Frans Hals (Anh), vv... **Hội họa Cổ điển** (*Peinture Classique*, bắt đầu từ thế kỷ XVII, mà đại diện là Raphael, người Ý, và Nicolas Poussin, người Pháp, vv...). **Hội họa Lãng mạn** (*Peinture Romantique*, đầu thế kỷ XIX, với Delacroix, Ingres, Géricault (Pháp), Constable, Turner (Anh), Friedrich (Đức).

**Hội họa Hiện thực** (Chủ nghĩa tự nhiên, *Peinture Naturaliste*, giữa thế kỷ XIX, mà người đại diện là Courbet, Pháp). **Trường phái Ảnh tượng** (*Impressionnisme*, cuối thế kỷ XIX), với Manet, Monet, Renoir, Corot, Pissaro, Sisley, vv... (Pháp), Whistler (Mỹ). **Trường phái Tượng trưng** (*Symbolisme*, cuối thế kỷ XIX, với Gauguin, Van Gogh, vv...). **Trường phái Fauvisme** (đầu thế kỷ XX), với Matisse, Marquet, Derain, vv... **Trường phái Biểu hiện** (*Expressionisme*, xuất hiện ở cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX) với Ed. Munch, Kirchner, Grosz (Đức), Kokoschka (Áo), Kandinsky (Nga), Soutine (Pháp), vv... **Trường phái Dada** (*Dadaïsme*, đầu thế kỷ XX), với Arp, Marcel Duchamp, Picabia, vv... **Trường phái Lập thể** (*Cubisme*, đầu thế kỷ XX), với Picasso, Braque, Juan Gris, Fernand Léger, vv... **Trường phái siêu hình** (*Peinture Méta-physique*, đầu thế kỷ XX), với Chirico, Carrà, Morandi. **Trường phái siêu thực** (*Surrealisme*, đầu thế kỷ XX), với Max Ernst, Salvador Dalí, vv... **Trường phái Trùu tượng** (*Abstrait, Non-figuratif*, đầu thế kỷ XX), với những người đi đầu như : Kandinsky, Kupka, Delaunay, Malevitch, Mondrian, Paul Klee, vv... Một số xu hướng nằm chung dưới danh hiệu **Trùu tượng** như : **Futurisme** (với Marinetti, Balla, Severini), **Suprématisme** (với Malevitch, Lissitzky), vv... **Đấy** là còn chưa kể hết. Ngoài ra còn có những tên tuổi độc lập như : Miro, Rouault, Chagall, Modigliani, vv...

# Mùa dại bàng

truyện ngắn

Ngô Tự Lập

**M**ùa đại bàng mới chỉ có từ mấy năm nay, quanh phố Luống, chẳng rõ do chiến tranh, ô nhiễm hay còn một lý do nào khác.

Nhưng thực ra, từ lâu lăm dân phố Luống đã truyền nhau những lời đồn đại về nó, đời này qua đời khác, quanh mâm rượu khi hiếu hỷ, giỗ chạp, hoặc bên ấm chè xanh những lúc nồng nhàn.

Động còn nhỏ như in ngày cha mất, cũng gió mưa sùi sụt thế này. Đống lửa chất bằng gốc sắn khô đã lui hết, ngọn đèn dầu lạc lom dom, mùi thuốc không át nổi mùi mồ hôi và áo quần lưu cữu lâu ngày.

Cha Động vừa oằn oại trở mình trên chiếc chông tre trải rơm khô vừa rên rỉ não lòng :

– Sau này, con nhớ lấy hai điều. Thứ nhất, đại bàng có thể về bất cứ lúc nào. Thứ hai, nếu có chuyện gì, hãy đi tìm chú Vượng.

Cha Động chỉ nói có thể, rồi cầm khẩu, hai ngày sau thì chết.

Nỗi ám ảnh không khi nào buông tha Động, mặc dù đến tận bây giờ Động vẫn chưa biết ai là chú Vượng. Hồi chiến tranh, nằm trong chiếc lán giao liên heo hút giữa rừng với thằng Vận vẫu đồng niêng, Động vẫn thường bị thức giấc giữa đêm, toàn thân nỗi gai ốc vì những tiếng động xào xạc khác thường trên mái. Động chưa từng trông thấy đại bàng nhưng thường mơ thấy chúng. Thường thì thế này : Động đứng giữa cánh đồng Hạ Đãi, tay xách chiếc nom, hông deo giỏ, lau sậy um tùm ngang ngực. Trời không mưa nhưng ủ dột và đầy sương móc. Không gian chìm trong màn hơi nước vàng vàng, nhòn nhót, giống như ánh mắt của một con thú đang ủ bệnh, hoặc con mắt của một con người đang rắp tâm làm điều ác. Động Hạ Đãi chuột nhiều vô kể, rặt một giống chuột cổ, lông xám, đuôi trui, gầy lõm mắt. Chúng chạy rần rật, lao cá vào chân Động, chí chóe, cắn nhau, động đực, cuồng loạn như trong một vũ hội quái đản. Nhưng bỗng nhiên bầu trời tối sầm lại. Cả cánh đồng dậy lên những tiếng kêu thảm thiết của bầy chuột cổ. Bầu không khí vụt trở nên ngọt ngạt, khét lẹt mùi lông cháy. Từng cơn gió nóng hầm hập tràn về, cuốn theo những tầng mây xám lùng lùng như trái núi. Và kia,

một tảng mây lớn nhất, nặng nề nhất đang lao tới...

– *Đại bàng !* – Động hé lén và lấy hết sức bình sinh quật chiếc nom vào bờ cỏ. Cái bờ cỏ ấy, hoá ra lại chính là thằng Vận. Nó chồm dậy, thụi một cú thật lực vào lưng Động, miệng lầu bầu chửi tục. Cái thằng khoẻ như trâu. Ngay cả lúc ấy, cơn buồn ngủ vẫn không cho nó mở mắt. Nó ngã vật xuống, ngủ tiếp, miệng vẫn lầu bầu chửi.

Một bận, Động kể cho thằng Vận nghe. Động bảo :

– *Dân làng tao ai cũng sợ. Người ta bảo rằng đại bàng về là trời sụp.*

– *Làm đέch gì có trời mà sụp !* – Thằng Vận vừa cười hô hố vừa dứa khẩu súng săn mà hai thằng vẫn dùng để kiếm thịt tươi cải thiện – *Này, thịt đại bàng chắc là ngon lắm –* Nó lại cười hô hố – *Tao sẽ làm món đại bàng quay.*

Thật không ngờ, đó là ngày cuối cùng của nó. Đúng là ở trên đời sống chết đều có số. Buổi sáng, Động vừa xách chiếc ống đuyra xuống suối thì nghe tiếng máy bay. Rồi “oanh, oanh”, hai tiếng nổ đúng đực, hiền từ, chẳng lấy gì làm to lăm, nghe như ai đó đập vỡ một cái chum đầy nước bên nhà hàng xóm. Thậm chí Động còn ngạc nhiên – chưa bao giờ địch nhòm ngó tới vùng này. Cũng chả rõ đó là hai trái bom lặc hay là có biệt kích chỉ điểm. Động lững thững đi lên. Một cảm giác thờ ơ và trống trải lạ lùng. Từ xa Động đã thấy cái lán bị hất tung mỗi nơi mỗi mảnh. Không có lửa, không có khói. Bãi cỏ xanh loang lổ những vết đất đỏ tươi như hoa mười giờ. Thằng Vận nằm vật trên bãi cỏ, hai tay dang ra như đang nghỉ xả hơi sau một ngày lao động vất vả. Còn Động tiến lại gần, vẫn không mảy may nghi ngờ đến bất cứ một điều gì tội tệ. Cho đến lúc Động cầm lấy tay nó. Động bủn rủn cả người. Những ngón tay thằng Vận mềm nhũn, có cảm giác cầm phải những con giun chết. Và mắt trái thằng Vận đã hoá thành một cái hố đầy máu. Máu ! Máu vẫn còn đang tiếp tục tuôn ra, vẫn còn nóng hổi, đỏ tươi, tràn qua thái dương, đọng thành vũng dưới vai áo nó.

Hồi đó là cuối năm bẩy tư, chỉ còn tám tháng nữa là giải phóng Sài Gòn.

Nhưng chính Động cũng không được tham gia giải phóng Sài Gòn. Anh bị dính một mảnh pháo ở Xuân Lộc. Vết thương không lớn nhưng nguy hiểm, phía sau gáy. Những con sot và hòn mê liên miên qua đủ các quân y viện. Cho đến ngày giải ngũ.

Từ ngày thằng Vận chết, Động không còn mơ thấy đại bàng nữa, nhưng lại mơ thấy thằng Vận với cái hốc mắt ròng ròng những máu. Nó cầm khẩu súng trên tay, dữ dů, có lần hoá thành con chuột cỏ có mỏ khoằm như mỏ đại bàng, lại có lần hoá thành con đại bàng quay, với hai cái lườn bồng mõ...

Giải ngũ về, đã vài lần Động rắp tâm đi tìm chú Vượng, nhưng tìm bằng cách nào ? Cả phố Luống không ai biết người nào có tên như vậy. Thế rồi công việc bận rộn cuốn đi...

Vật đáng giá nhất mà Động mang theo về là khẩu súng săn. Chim chóc chẳng còn mống nào nhưng chuột dường như lại đông thêm. Săn chuột cũng nhiều cái thú. Động chậm rãi nâng khẩu súng lên ngang mắt, khẽ nhoẻn cười, vẻ như chỉ làm một trò đùa. Động biết, nụ cười sẽ dễ đánh lạc hướng đối

phương. (Dân lái chó không để ý đến điều này, vì thế bắp chân rất dễ hoá thành mục tiêu của “dịch”). Một con chuột cái trông tha thướt và đóm dáng dừng lại trên mảnh đất khô, cái nhìn thân thiện pha chút tò mò...

“Đẹt”. Tiếng nổ rất khẽ nhưng đanh và gọn. Động từ từ hạ súng xuống. Cái nhìn lúc nãy đã biến mất. Bốn chân con chuột dần dần duỗi ra, rần rật rồi thẳng đuỗn...

Nói vậy, không phải lúc nào cũng có thì giờ mà săn chuột. Mỗi năm, thường chỉ có hai vụ, khi công việc đồng áng đã vãn, Động mới lại rờ đến súng. Thịt chuột cỏ lột da, kẹp lá chanh, ép dưới cối đá rồi nướng trên than hồng, thơm phức mũi hàng xóm, chỉ nói đến cũng ứa đầy nước miếng.

Chính vào một trong những buổi săn chuột cỏ như thế Động đã lần đầu tiên trông thấy đại bàng. Không, hoàn toàn không phải như trong những giấc mơ. Đó có lẽ chỉ là một loại điều hâu lông xám, không lớn hơn con gà mái bao nhiêu. Những đôi cánh tơi tả, sã ra, bụi bặm và mệt mỏi, chúng tấp xuống, cõi bay lên, rồi lại tấp xuống, đỗ ngan ngát xuống cánh đồng, như lá bàng khô trước gió đông.

Lúc đó Động đang đứng trên bờ con ngòi cạn giữa đồng. Con chuột trong tay vẫn còn âm ấm. Phút chốc, cả cánh đồng Hạ Đãi nhấp nhô những đôi cánh xám. Không hề có tiếng chuột kêu, chỉ có tiếng vỗ cánh mệt nhọc và mùi xác chết đâu đó bốc lên tanh tưởi.

Thoạt đầu Động đỡ người vì sợ hãi. Sau đó, một phản xạ bản năng khiến anh định bỏ chạy. Nhưng ngay lập tức, anh nhận ra tình thế và bình tĩnh lại. Anh quẳng con chuột xuống đất, thậm chí quên cả nụ cười “chiến thuật”.

“Đẹt”.

Đôi cánh trước mặt anh rũ ngay xuống, không một tiếng động, gần như không giãy giụa. Anh vụt cảm thấy mình bình tĩnh hơn bao giờ hết. Lắp một viên đạn mới, anh lại tiếp tục tiến lên phía trước. Bốn xung quanh không một bóng người, chỉ có anh với những đôi cánh xám.

“Đẹt”. Một đôi cánh nữa rũ xuống như mảnh ni lông gấp lửa.

“Đẹt”. Lại một đôi cánh nữa biến mất sau bờ đất. Trong khoảng nửa tiếng đồng hồ anh hơn mười lần nổ súng, và trong khoảng nửa tiếng đồng hồ đó, chừng ấy con đại bàng bị anh giết chết. Tất cả bọn chúng đều rũ xuống ngay lập tức sau khi súng nổ. Không giãy giụa, không chạy trốn, lại càng không hề có mảy may chống đối. Có cảm giác là chúng tự gục xuống, chứ không phải vì trúng đạn. Phải rồi, chúng tự gục xuống, vì chắc gì những viên đạn của anh đều trúng đích?

Bất giác, Động đứng sững lại giữa đồng, hai tay buông thõng. Chưa bao giờ anh ở vào một trạng thái lạ lùng như vậy. Sự thất vọng mỗi lúc một dâng lên khiến anh bứt rứt. Anh mơ hồ nhận thấy mình là một kẻ xấu chơi, một tên lừa gạt, hoặc thậm chí là một tên phản bội.

Một tên phản bội, nếu như hồi chiến tranh thì phải đeo trên ngực một tấm bảng có dòng chữ “tên đốn mạt”, vừa chạy quanh làng vừa hô: “Ai cũng như tôi thì mất nước, ai cũng như tôi thì mất nước”. Đúng, anh là một tên phản bội.

nhưng anh phản bội cái gì?

Trong mấy giây, Động hoàn toàn mất phương hướng. Nhưng anh cố bước vài bước hú hoạ về phía trước. Hình như anh vừa dẫm phải xác một con chuột cỏ. Cảm giác mềm mềm, nhùn nhùn. Lúc sau, anh nhìn thấy một con đại bàng nằm vắt ngang bờ ruộng. Cảnh đó là một con chuột cỏ cũng do chính anh hạ sát.

Hai cái xác chết, một to, một bé, nhưng cùng một màu lông xám, cùng một tư thế ngoeo đầu xuống đất, khiến anh chung hứng. Đúng rồi, anh là một kẻ xấu chơi, một kẻ lừa gạt và phản bội, cho dù có lẽ tất cả những chuyện này anh đều làm một cách vô ý thức. Vậy thì anh cần phải làm gì? Những cái xác này, và cả những xác chết khác đang nằm rải rác đâu đó trên cánh đồng, cũng cùng chung màu xám và tư thế ngoeo đầu trên cỏ, chúng có thuộc về anh không? Anh có quyền lột da chúng, nướng vàng trên bếp lửa, để rồi cắn xe và nhai rau ráu những mẩu xương trắng ẩn?

Bỗng nhiên Động vụt đứng thẳng dậy.Ồ, bây giờ anh đã hiểu. Có thể là phi lý, có thể là ngu xuẩn nữa, nhưng anh cần đổi mới với sự hận thù. Anh cần phải có nó làm đối trọng.

Động ngẩng đầu lên và đến lúc đó mới nhận thấy rằng trời đã nhá nhem tối. Sương xuống trắng tinh, lất phất bay như bông gạo. Thật kinh ngạc, ngay trước mắt Động, ở khoảng cách không quá hai chục bước chân, nghĩa là sát bên cạnh con đại bàng và con chuột vừa rồi, lù lù một con chim to gấp bội.

Động run lên, nửa vì sợ hãi, nửa vì sung sướng. Đó mới thực là đại bàng, đó mới thực là niềm ao ước. Con đại bàng giống hệt như trong tưởng tượng của anh. Đôi cánh dũng mãnh vươn ra kiêu hãnh, ngạo nghễ che kín cả một khoảng trời. Vì bóng tối đang mỗi lúc một dày thêm, Động không thể phân biệt màu lông của nó, nhưng hai con mắt lớn thì như hai hòn than đỏ.

Càng run thêm, Động dùng cả hai tay nâng khẩu súng lên. Phần thân con đại bàng nhoè vào bóng đêm đã sụp xuống rất nhanh, chỉ còn lại hai con mắt đang phóng ra hai luồng sáng đùng đục, man rợ và ma quái. Mũi súng của anh nhắm vào một trong hai hòn than ấy. Ngón tay trổ từ từ siết lại.

“Ối”. Thay cho tiếng nổ là tiếng ai đó lạc đi vì đau đớn. Động lạnh toát cả người. Ngay cả trong bóng tối anh vẫn có thể nhìn thấy viên đạn đã xé rách con mắt ấy, biến nó thành một cái hố đỏ lòm. Trước khi máu trào ra.

Thực tình, Động cũng không biết chắc mình vừa bắn trúng con đại bàng hay bắn nhầm người, bởi vì về sau chẳng có dấu hiệu gì của một vụ án mạng, còn ngay lúc đó là tiếng vỗ cánh phồn phật vào không khí. Lập tức, hàng ngàn, hàng vạn tiếng vỗ cánh dậy lên theo...

Đó là mùa đại bàng đầu tiên. Nó kéo dài không quá ba tiếng đồng hồ và có lẽ chỉ một mình Động biết. Hôm đó, vì đã tối, Động chỉ cố tìm được hai con. Sáng ra, Động và mấy thằng con lão Sài ra đồng tìm số còn lại, thì chó và chuột đã

# mục lục

2 Cùng bạn đọc

Điễn Đàn

## thời sự & những vấn đề

4 Tin tức

8 Thảm họa trên biển ở Thanh Hoá,  
vì sao ?

11 Vài suy nghĩ sau một  
chuyến về

14 Tăng trưởng kinh tế  
và phát triển con người

16 Quân sự và kinh tế

17 Hồ sơ "xét lại"

Lê Văn Cường  
& TTNK Thiêm

Nguyễn Quang

Carlyle Thayer

Nguyễn Thị Ngọc Lan

## văn hoá & nghệ thuật & khoa học

22 "Hạn hán và cơn mưa" đến  
với công chúng Việt Nam

Kiến Văn

24 Sách dịch văn học Việt Nam  
xuất bản tại Pháp

25 Trả lời phỏng vấn

26 Về những kỷ niệm xưa

29 Chúng ta đang mất gì nhỉ ?

32 Con heo trong hội  
đồng thi (truyện)

34 Cái đẹp trong hội họa

38 Mùa đại bàng (truyện)

Dương Thu Hương

Bùi Trọng Liễu

Bùi Mộng Hùng

Phạm Huy Kỳ

Văn Ngọc

Ngô Tự Lập

Thơ: Phùng Cung (tr. 20), Nguyễn Duy (tr. 21),  
Ly Hoàng Ly (tr. 28)

Bìa: Tết Trung thu múa sư tử  
tranh khắc gỗ của Phạm Văn Đôn (1970)

xoi hết sạch. Nhưng thế đã là quá thừa. Thịt đại bàng, cũng như hầu hết các loài ăn thịt khác, vừa tanh vừa ngọt, cả xóm đến ăn thử, nhưng chẳng ai ăn nổi. Động lột da con còn lại, nhồi mùn cưa, chọn một mẩu gỗ lũa sần sùi làm đế, đặt bên cửa sổ. Nó trở thành niềm tự hào của anh và đối tượng tò mò của lũ trẻ trong xóm suốt mấy tháng trời, mặc dù con chim nhồi tỏa ra một thứ mùi khắm khắm cực kỳ khó chịu. Nó cũng làm cho anh thêm bận bịu. Cứ hôm nào trời nắng là Động lại khẽ ném bê con chim nhồi ra phơi để xua đuổi bầy kiến chỉ nhăm nhe kéo vào làm tổ. Tất cả đều vô ích. Những đám lông của con chim cứ tỏa ra bùng bục. Chẳng bao lâu, nó trở thành một con đại bàng hói. Cuối cùng, khi một cánh con đại bàng rụng hẳn xuống, Động quẳng nó xuống bờ mương.

Chuyện này thật ra cũng chẳng có gì đặc biệt. Làm thú nhồi cũng là một nghề, mà muốn làm nghề thì phải có ngón nghề. Hình như ở Trung Quốc nghề ấy rất phát triển, bởi dân Tàu có nhiều kẻ chơi sang. Chẳng biết ai mách, nhưng dân phố Luống ai cũng biết rằng đại bàng sống đem qua biên giới bán đất như tôm tươi. Và rồi có lái buôn đại bàng đến thật. Đầu tiên, giá một con đại bàng bằng ba con gà mái, rồi cứ nâng dần lên mãi, bằng cả một con lợn năm chục ký. Mà việc bắt đại bàng dễ hơn nhiều so với nuôi gà. Người ta làm những cái vọt bằng lưới thép, có cán dài như cán đậm, đốt đuốc bằng lốp xe để soi các bờ bụi. Đại bàng thấy ánh đuốc bị loá mắt, hòn lửa chúng đã quá mệt mỏi vì đường xa và bệnh tật nên trở thành những mục tiêu chậm chạp, yếu ớt. Vì mùa đại bàng chỉ kéo dài một hai đêm, hầu như tất cả dân phố Luống đều đổ ra đồng. Nghe nói, có người trong một đêm bắt được cả trăm con.

Dĩ nhiên, Động cũng tham gia đội quân lưới thép. Đồng tiền có sức hấp dẫn ma quái, nhất là đối với người nghèo. Chứ không đúng sao? Năm con trong một đêm không phải là

nhiều, hay thậm chí còn có thể nói là ít, nhưng anh phải nuôi bao lâu mới được năm con lợn, hay ít nhất cũng là mười lăm con gà mái? Nói công bằng, Động cũng không chú tâm lắm vào việc bắt đại bàng. Rừng đuốc đốt bằng lốp cao su hùng hực trên cánh đồng thật chẳng tương xứng chút nào với những con chim ướt át, run rẩy đang nép mình vào bụi cây chờ đợi sự che chở. Nhưng liệu có ai che chở cho chúng?

Bất giác, Động nhớ đến con đại bàng năm ngoái. Liệu nó có bị chộp một mắt hay không? Anh cũng chợt nhớ rằng câu hỏi này anh đã tự hỏi đến ngàn lần. Và lần nào cũng vậy, thay cho câu trả lời, trước mặt anh hiện lên cái hố mắt đầy máu của thằng Vận ngày xưa.

Nó còn sống không nhỉ? Nếu còn sống, tại sao nó không trở lại? Ủ, đúng ra thì nó phải quay trở lại, bởi vì nó là con chim đầu đàn. Động đứng sững lại giữa đồng, tự nhiên cảm thấy đau nhói ở đâu đó trong lòng. Rất có thể đây là một đoàn chim khác, nhưng cũng có chung một thảm họa. Cùng một trái đất, cùng một gầm trời này mà. Còn con đại bàng kia, có lẽ nó đã chết, hoặc người ta đã mổ thịt, quay vàng rồi nhai rau ráu. Mà biết đâu đấy, có thể người ta đã lột da nó, nhồi mùn cưa rồi đặt ở một nơi trang trọng. Nếu thế, nhất định sẽ có người chép miệng: "Chỉ tiếc nó mù một mắt".

Thế rồi, một hôm Động lại lần thẩn nghẽn ra chuyện khác: Liệu cha mẹ thằng Vận có biết rằng nó bị mù một mắt hay không? Rồi Động nhớ ra: Tết nhất xong, thế nào anh cũng phải đi tìm chú Vượng.

Hà Nội tháng 1 năm 1995

Ngô Tự Lập

(trích **Mùa đại bàng**, tập truyện ngắn,

Nxb Công an nhân dân, Hà Nội 1995)